



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Ninh Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Ninh Bình, December 12, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI
INFORMATION DISCLOSURE ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S
AND HANOI STOCK EXCHANGE'S ELECTRONIC INFORMATION PORTAL

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ State Securities Commission
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn

Name of organization: *Truong Son Investment and Construction Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán: TSA

Securities code: TSA

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình.

Address: *Chau Son Industrial Park, Chau Son Ward, Ninh Binh Province.*

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0226.221.0666

- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đặng Thị Chinh

Information Disclosure Officer: *Mrs Dang Thi Chinh*

- Loại thông tin công bố:

Type of Information Disclosure:

☐ 24h

24h

☐ 72h

72h

☒ bất thường

Extraordinary

☐ theo yêu cầu

Upon request

☐ định kỳ

Periodic

2. Nội dung thông tin công bố:

Content of disclosure:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn công bố thông tin Bản cáo bạch niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Truong Son Investment and Construction Joint Stock Company announces Prospectus for the listing of shares on the Ho Chi Minh City Stock Exchange.



3. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ nội dung công bố thông tin và <http://www.truongsonhn.com.vn/>

Website address for full disclosure content: <http://www.truongsonhn.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is truthful and we take full responsibility before the law for the content of the information disclosed.

**NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT
AUTHORIZED INFORMATION
DISCLOSURE OFFICER**

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu VP/ Office archives.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY
LẮP TRƯỜNG SƠN**

Ký số bởi: CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY
LẮP TRƯỜNG SƠN
Thời gian ký: 12/12/2025,
10:34:20

Đặng Thị Chinh



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700210210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu tiên ngày 29/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12/08/2025 do Sở Tài Chính tỉnh Ninh Bình cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: **1182**/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày **08** tháng **12** năm **2025**)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ NGÀY
..../...../2025 TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN:



Địa chỉ : Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Điện thoại : 02262.210.666;

Website: <http://truongsonhn.com.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG:



Địa chỉ : Tòa nhà văn phòng OSC Việt Nam, Số 161 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : 028 3769 6666; Fax: 028 3766 7688; Website: <https://apsi.vn/>.

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên : Đặng Thị Chinh

Chức vụ : Kế toán trưởng/ Người được ủy quyền Công bố thông tin

Điện thoại : 02262.210.666

Ninh Bình, tháng 11 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12/08/2025 do Sở Tài Chính tỉnh Ninh Bình cấp)

Trụ sở chính : Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Điện thoại : 02262.210.666

Website : <http://truongsonhn.com.vn/>

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	TSA
Mệnh giá:	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết:	40.424.994 (Bốn mươi triệu, bốn trăm hai mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi tư) cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:	404.249.940.000 (Bốn trăm lẻ bốn tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng

1. Tổ chức tư vấn hồ sơ niêm yết

	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng OSC Việt Nam, Số 161 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: 028 3769 6666. Fax: 028 3766 7688. Website: https://apsi.vn/ .
---	--

2. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2023

	CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO Địa chỉ: Tòa nhà ASCO, số 2 ngõ 308 phố Lê Trọng Tấn, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: 0243 7930960. Fax: 0243 7931349. Website: https://www.asco.vn/ .
---	---

3. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2024 và soát xét BCTC bán niên năm 2025

	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ Địa chỉ: A-TT5-3 Khu nhà ở Him Lam Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: 024 7303 3668. Website: https://iav.com.vn/ .
---	--

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	7
DANH MỤC HÌNH	9
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổ chức niêm yết	10
2. Tổ chức tư vấn	10
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	11
1. Rủi ro về kinh tế	11
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam.....	11
1.2. Lạm phát.....	13
1.3. Lãi suất.....	15
1.4. Tỷ giá.....	16
2. Rủi ro về luật pháp.....	16
3. Rủi ro đặc thù	16
3.1. Rủi ro trong lĩnh vực xây lắp điện	16
3.2. Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất bê tông.....	18
4. Rủi ro quản trị công ty.....	19
5. Rủi ro khác.....	19
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT.....	21
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	23
1. Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết	23
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết	23
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức niêm yết.....	26
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức niêm yết	27
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức niêm yết, những công ty mà Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	33
5.1. Công ty mẹ	33
5.2. Công ty con	33
5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức niêm yết.....	33
5.4. Công ty mà Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	33
6. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ	33
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác	51

8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	51
8.1.	Cổ phiếu phổ thông	51
8.2.	Cổ phiếu ưu đãi	52
8.3.	Các loại chứng khoán khác	52
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	52
10.	Hoạt động kinh doanh.....	52
10.1.	Đặc điểm hoạt động kinh doanh	52
10.2.	Tài sản	93
10.3.	Thị trường hoạt động.....	100
10.4.	Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các hoạt động chính	100
10.5.	Các hợp đồng lớn đang thực hiện và/hoặc đã được ký kết	102
10.6.	Các khách hàng, nhà cung cấp lớn	108
10.7.	Vị thế của Công ty trong ngành	119
10.8.	Hoạt động Marketing.....	122
10.9.	Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.....	123
10.10.	Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	127
10.11.	Chiến lược kinh doanh.....	127
10.12.	Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo pháp luật liên quan	128
11.	Chính sách đối với người lao động	128
11.1.	Số lượng người lao động	128
11.2.	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp	129
11.3.	Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động	130
12.	Chính sách cổ tức	130
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết	131
14.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu.....	131
15.	Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	131
16.	Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán	

	và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.....	132
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	132
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	132
1.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất	132
1.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty	133
2.	Tình hình tài chính.....	136
2.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	136
2.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	151
3.	Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết	152
4.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức trong các năm tiếp theo	153
4.1.	Kế hoạch kinh doanh năm 2025.....	153
4.2.	Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua.....	154
4.3.	Kế hoạch tăng vốn điều lệ.....	155
4.4.	Căn cứ để đạt được kế hoạch	155
4.5.	Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	157
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	158
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập.....	158
2.	Thông tin về cổ đông lớn.....	158
3.	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	161
3.1.	Hội đồng Quản trị	162
3.2.	Ban Kiểm soát.....	169
3.3.	Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	173
VII.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	175
1.	Loại cổ phiếu.....	175
2.	Mệnh giá.....	175
3.	Mã cổ phiếu.....	175
4.	Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết.....	175
5.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức đăng ký niêm yết	176
5.1.	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024.....	176

5.2.	Hạn chế chuyển nhượng theo điều kiện niêm yết cổ phiếu	177
6.	Phương pháp tính giá.....	178
7.	Các loại thuế có liên quan đến chứng khoán niêm yết.....	179
7.1.	Đối với nhà đầu tư cá nhân	179
7.2.	Đối với nhà đầu tư tổ chức	180
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	181
IX.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	183
X.	PHỤ LỤC	183

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập	33
Bảng 2. Cơ cấu cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 21/07/2025	51
Bảng 3. Danh mục các sản phẩm cột theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016	61
Bảng 4. Danh mục các sản phẩm cột theo TCCS 03:2023/TS.....	61
Bảng 5. Danh mục các sản phẩm cọc chính	62
Bảng 6. Giá trị các hợp đồng thi công xây lắp tiêu biểu	74
Bảng 7. Sản lượng thành phẩm cột bê tông giai đoạn từ năm 2023 đến nay và doanh thu tương ứng từng thời điểm	78
Bảng 8. Sản lượng thành phẩm cọc bê tông giai đoạn từ năm 2023 đến nay và doanh thu tương ứng từng thời điểm	78
Bảng 9. Doanh thu, sản lượng điện mặt trời bán ra trong giai đoạn từ năm 2023 đến nay	79
Bảng 10. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp các mảng kinh doanh năm 2023, năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025	79
Bảng 11. Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp của TSA giai đoạn 2023 - 2024.....	80
Bảng 12. Danh sách các nhà cung ứng nguyên vật liệu lớn của Công ty năm 2023, năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025	84
Bảng 13. Cơ cấu chi phí của Công ty	91
Bảng 14. Tình hình TSCĐ của Công ty tại thời điểm 30/09/2025.....	93
Bảng 15. Danh sách một số tài sản có giá trị lớn của Công ty tại ngày 30/09/2025	94
Bảng 16. Các hợp đồng thuê đất phục vụ hoạt động Công ty	96
Bảng 17. Tài sản dở dang dài hạn của Công ty	97
Bảng 18. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/09/2025.....	100
Bảng 19. Các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư của Công ty	101
Bảng 20. Các hợp đồng bán hàng, cung cấp dịch vụ lớn (giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên) các năm 2023 và 2024 và 9 tháng đầu năm 2025	102
Bảng 21. Các khách hàng lớn của CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	108
Bảng 22. Thông tin một số khách hàng lớn của TSA	111
Bảng 23. Thông tin về tiến độ nghiệm thu một số hợp đồng đã ký kết với các đơn vị trực thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	114
Bảng 24. Các nhà cung cấp lớn của CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn.....	118
Bảng 25. So sánh một số chỉ tiêu tài chính năm 2024 với các công ty trong cùng ngành	120
Bảng 26. Cơ cấu lao động của Công ty	128
Bảng 27. Lương bình quân của CBNV năm 2023 và năm 2024.....	130

Bảng 28. Tỷ lệ chi trả cổ tức trong những năm gần đây	131
Bảng 29. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023, năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025	132
Bảng 30. Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty	140
Bảng 31. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty	140
Bảng 32. Tổng số nợ phải thu và và nợ phải trả của Công ty	141
Bảng 33. Các khoản phải thu của Công ty	142
Bảng 34. Chi tiết các khoản phải thu khách hàng	142
Bảng 35. Các khoản phải thu khó đòi của Công ty tại ngày 30/09/2025	143
Bảng 36. Các khoản phải trả của Công ty	145
Bảng 37. Chi tiết các khoản phải trả người bán	146
Bảng 38. Các khoản người mua trả tiền trước	147
Bảng 39. Cơ cấu vay và nợ thuê tài chính của Công ty	148
Bảng 40. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty	148
Bảng 41. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Công ty	149
Bảng 42. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty	150
Bảng 43. Số dư các quỹ của Công ty	151
Bảng 44. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty	151
Bảng 45. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty	153
Bảng 46. Giá trị của các hợp đồng chuyển tiếp từ năm 2024 và ký mới tính đến hết Quý I/2025	155
Bảng 47. Thông tin về các cổ đông lớn của Công ty	158
Bảng 48. Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn	159
Bảng 49. Danh sách thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng ..	161
Bảng 50. Danh sách các cổ đông phải thực hiện cam kết hạn chế chuyển nhượng, số lượng cổ phiếu và thời gian hạn chế chuyển nhượng	177

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2024	11
Hình 2. Tốc độ tăng GDP 9 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm trong giai đoạn 2011-2025	12
Hình 3. Tỷ lệ lạm phát qua các năm.....	13
Hình 4. Tốc độ tăng/giảm CPI các tháng năm 2024 và năm 2025 so với cùng kỳ năm trước.....	14
Hình 5. Một số bằng khen, giải thưởng của Trường Sơn	26
Hình 6. Cơ cấu tổ chức của Công ty	26
Hình 7. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	27
Hình 8. Quy trình thực hiện thi công, xây lắp các công trình điện	54
Hình 9. Hình ảnh một số dự án tiêu biểu mà Công ty đã thực hiện	57
Hình 10. Quy trình sản xuất cọc, cột bê tông ly tâm dự ứng lực	64
Hình 11. Hình ảnh một số sản phẩm bê tông công ty đã sản xuất	73
Hình 12. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp theo từng mảng kinh doanh của Công ty giai đoạn 2023–2024	82
Hình 13. Hình ảnh biểu tượng Logo của Công ty	123
Hình 14. Hệ thống nhận diện thương hiệu của Trường Sơn	124

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN

Ông Nguyễn Văn Trường : Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Người đại diện theo pháp luật)

Bà Chu Hải Yến : Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Văn Thành : Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Đặng Thị Chinh : Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Ông Trần Thiên Hà : Chức vụ: Tổng Giám đốc
(Người đại diện theo pháp luật)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán APG tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn niêm yết số 2804/2025/HĐTV/APG-TSA ngày 28/04/2025 (“Hợp đồng tư vấn”) với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn cung cấp.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

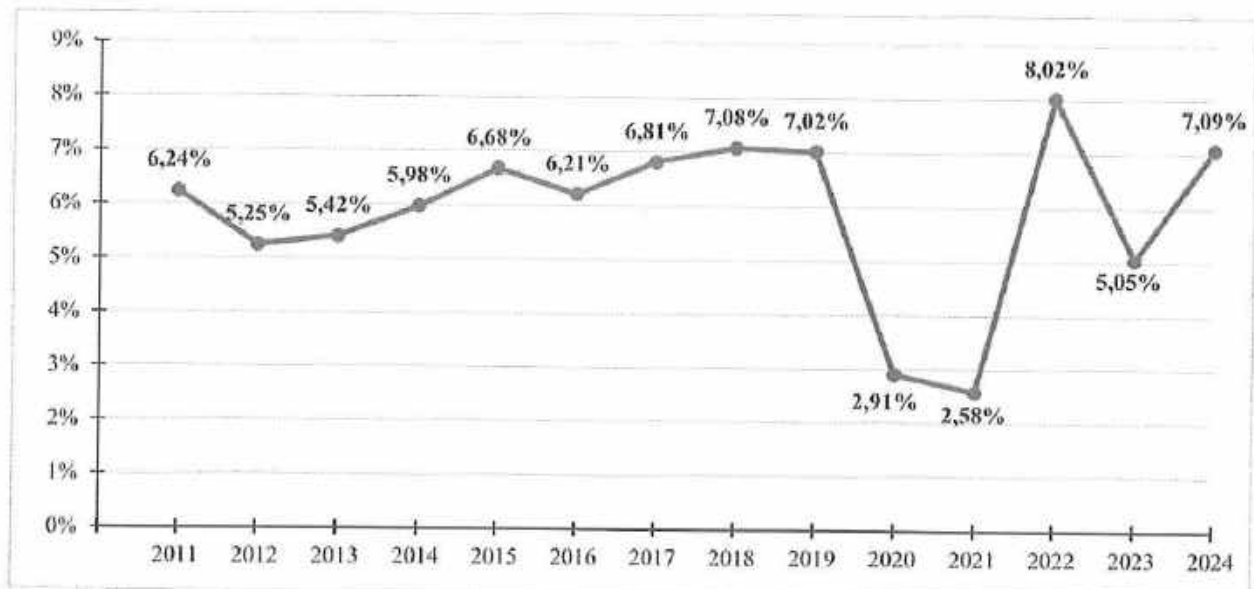
Các biến động của kinh tế vĩ mô – bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất và chính sách điều hành của Chính phủ – không chỉ định hình bối cảnh chung của nền kinh tế mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn là đơn vị chuyên cung cấp dịch vụ xây lắp điện và sản xuất sản phẩm cọc, cột bê tông dự ứng lực, hoạt động hoàn toàn trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, kết quả kinh doanh và tốc độ tăng trưởng của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn của những diễn biến kinh tế trong nước.

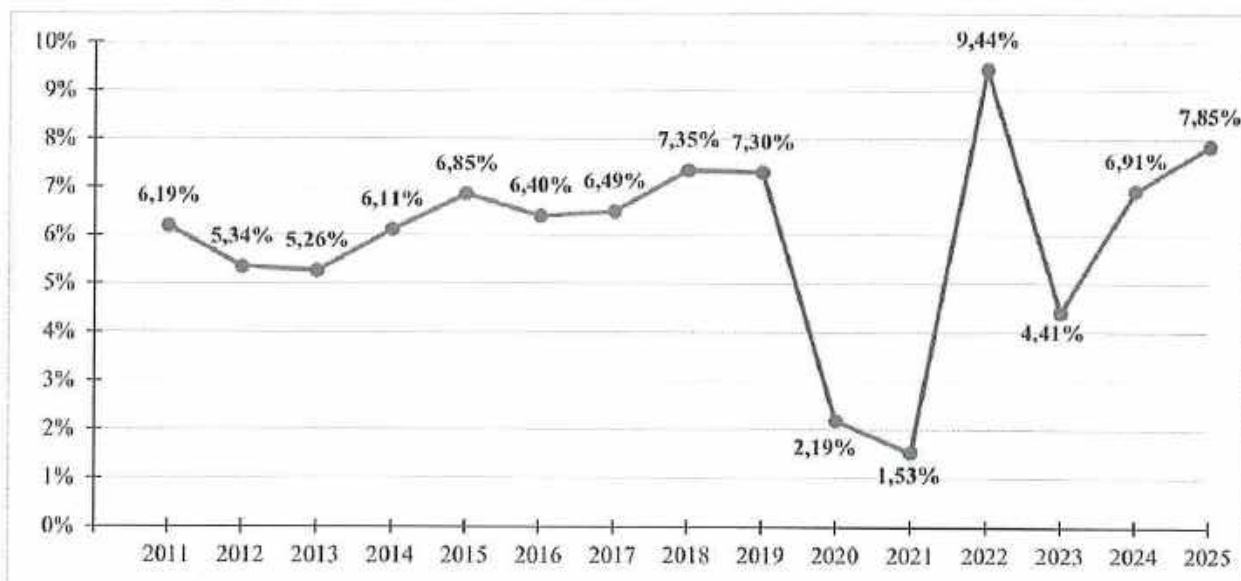
Hình 1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2024



(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

Trong giai đoạn 2011 – 2019, kinh tế Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6%/năm. Đại dịch COVID-19 bùng phát kéo dài suốt hai năm 2020 – 2021, đã khiến tăng trưởng giảm mạnh xuống 2,91% và 2,58%. Từ năm 2022 đến nay, kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn phục hồi tích cực với tốc độ tăng trưởng lần lượt đạt: 8,02% năm 2022, 5,05% năm 2023 và 7,09% năm 2024.

Hình 2. Tốc độ tăng GDP 9 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm trong giai đoạn 2011-2025



(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

Theo Tổng cục Thống kê (GSO), GDP quý III/2025 ước tính tăng 8,23% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 14,38% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,46%, đóng góp 46,41%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo là điểm sáng của nền kinh tế với tốc độ tăng 9,98%.

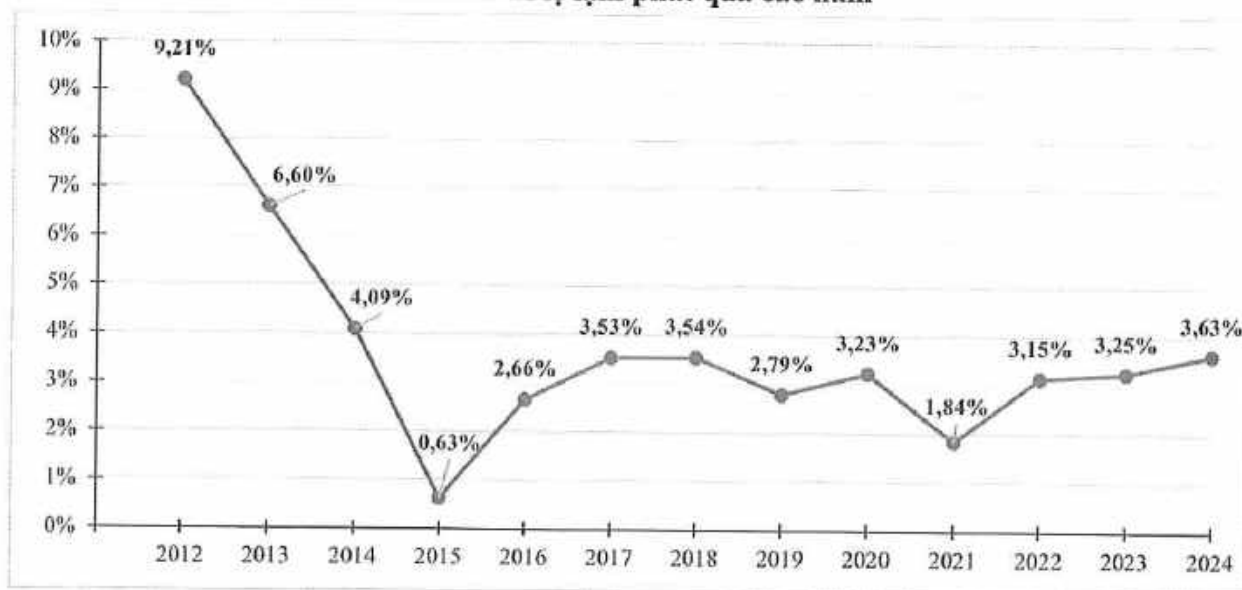
Trong chín tháng năm 2025, GDP ước tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,69%, đóng góp 43,05%. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp chín tháng năm 2025 tăng 8,55% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 35,06% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành xây dựng tăng 9,33%, đóng góp 7,99%. Nguyên nhân tăng trưởng là do ngành xây dựng cũng đã đưa vào khai thác thêm một số đoạn tuyến thuộc 06 dự án thành phần cao tốc Bắc - Nam phía Đông. Tuy nhiên, ngành xây dựng vẫn còn một số bất cập. Cụ thể là: tỷ lệ giải ngân đầu tư công chưa đạt kỳ vọng; doanh nghiệp nhà nước chưa thể hiện rõ vai trò trong việc dẫn dắt, tạo động lực, mở đường; năng lực quản trị, đổi mới công nghệ, áp dụng mô hình số hóa, xây dựng xanh còn hạn chế; thị trường bất động sản chưa phát triển tương xứng với tiềm lực. Bộ Xây dựng đang kiến nghị Chính phủ và Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách thúc đẩy đầu tư công, đặc biệt vào hạ tầng giao thông, nhà ở xã hội và các dự án truyền tải điện.

Để bảo đảm mục tiêu giải ngân Kế hoạch đầu tư công và hoàn thành mục tiêu 3.000 km đường bộ cao tốc vào cuối năm 2025, Bộ Xây dựng cũng kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương: gấp rút hoàn thiện các khối lượng công tác giải phóng mặt bằng còn tồn tại để bảo đảm công địa thi công các dự án đường bộ cao tốc; tận dụng thời điểm thời tiết đang thuận lợi cho thi công hiện nay để đẩy mạnh tiến độ thi công, sớm hoàn thành các dự án. Đồng thời, tập trung hoàn thiện thủ tục đầu tư để sớm khởi công các dự án quan trọng, trọng điểm ngay trong năm 2025 như: đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, các tuyến đường sắt đô thị, các tuyến đường bộ cao tốc...

Những diễn biến này tác động trực tiếp đến ngành xây lắp điện và sản xuất công nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp như TSA. Vì vậy, đây vừa là cơ hội vừa là rủi ro. Khi vốn đầu tư công được giải ngân đúng tiến độ, nhu cầu xây lắp hạ tầng sẽ tăng, kéo theo nhu cầu cọc, cột bê tông dự ứng lực. Ngược lại, nếu giải ngân chậm hoặc tăng trưởng chững lại, sản lượng và doanh thu của Công ty có thể suy giảm. Do đó, TSA cần theo dõi sát các chỉ báo vĩ mô như GDP, CPI, lãi suất và tiến độ giải ngân, đồng thời xây dựng kịch bản kinh doanh linh hoạt để ứng phó biến động thị trường.

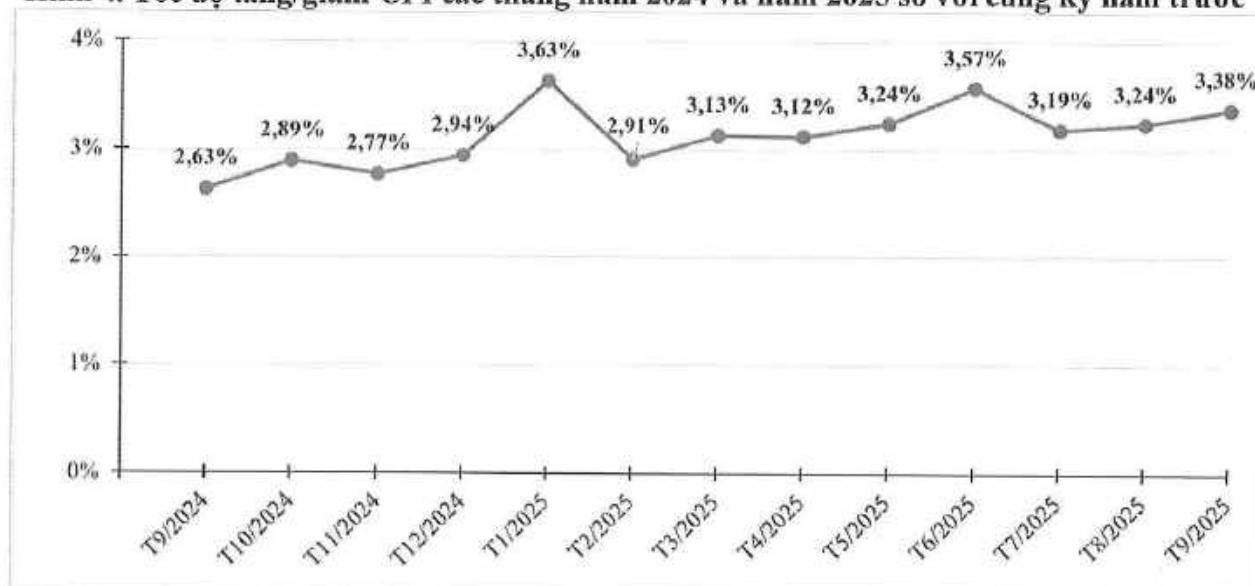
1.2. Lạm phát

Hình 3. Tỷ lệ lạm phát qua các năm



(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

Trong giai đoạn 2018 – 2024, lạm phát Việt Nam được giữ ở mức thấp và tương đối ổn định, CPI bình quân chỉ quanh 3%/năm. Kết quả này phần nào phản ánh sự phối hợp hiệu quả giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ của Chính phủ với mục tiêu ổn định vĩ mô và kiểm soát giá cả làm trọng tâm.

Hình 4. Tốc độ tăng/giảm CPI các tháng năm 2024 và năm 2025 so với cùng kỳ năm trước

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

Trong 9 tháng đầu năm 2025, kinh tế toàn cầu ngày càng khó dự đoán khi tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro khó lường, đặc biệt là căng thẳng thuế quan và bảo hộ thương mại của Hoa Kỳ cùng với phản ứng đối phó của các nước. Bên cạnh đó, xung đột quân sự Nga – Ukraine, xung đột tại Trung Đông tiếp tục leo thang tác động bất lợi đến ổn định khu vực và kinh tế thế giới. Nhiều quốc gia tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, tổng cầu yếu khiến kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm. Lạm phát có xu hướng giảm nhưng các ngân hàng Trung ương vẫn tiếp tục theo dõi và điều chỉnh chính sách tiền tệ để đảm bảo tăng trưởng năm 2025. Tại cuộc họp ngày 17/9/2025, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm phần trăm, đưa biên độ lãi suất xuống 4% - 4,25%.

Theo GSO, CPI bình quân 9 tháng năm 2025 tăng 3,27% so với cùng kỳ năm 2024. Lạm phát cơ bản tháng 9/2025 tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 3,18% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,27% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Tính chung 9 tháng năm 2025, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho xây dựng tăng 2,33% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nhóm đá, cát, sỏi, đất sét tăng 14,64% do nguồn cung khan hiếm, chi phí sản xuất, vận chuyển tăng; điện sản xuất tăng 7,2% do giá điện tăng từ ngày 10/5/2025, EVN tăng giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất; dịch vụ lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước tăng 4,13%; thủy tinh và các sản phẩm làm từ thủy tinh tăng 4,06%; dịch vụ thiết kế chuyên dụng tăng 3,35%. Ngược lại, chỉ số giá nhóm sản phẩm từ chế biến dầu mỏ giảm 9,15% theo giá thế giới; đồ điện dân dụng giảm 0,11%.

Biến động lạm phát sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của TSA thông qua việc tác động tới các yếu tố đầu vào. Giá thép, xi-măng, nhiên liệu và nhân công tăng sẽ làm gia tăng chi phí sản xuất cọc, cột bê tông dự ứng lực và chi phí thi công, trong khi giá bán phụ thuộc vào kết quả đấu

thầu và khả năng chi trả của chủ đầu tư. Lạm phát cao thường kéo theo lãi suất cao, gia tăng chi phí đi vay và làm giảm giá trị hiện tại của dòng tiền dự án.

Để giảm thiểu tác động của loại rủi ro này, Công ty đang thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro như sau:

- Theo dõi sát sao CPI, lạm phát cơ bản, giá nguyên vật liệu và diễn biến lãi suất;
- Đàm phán khung giá cố định hoặc đa dạng nguồn cung vật liệu để hạn chế rủi ro giá;
- Ưu tiên nguồn vốn lãi suất cố định và dự án có dòng tiền thu hồi nhanh nhằm duy trì biên lợi nhuận.

1.3. Lãi suất

Trong quá trình hoạt động, mỗi doanh nghiệp có một cơ cấu vốn khác nhau song phần lớn đều dựa nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng. Vì vậy, các biến động liên quan đến lãi suất sẽ luôn gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã phát đi tín hiệu cắt giảm lãi suất từ năm 2024 và dự kiến duy trì xu hướng này đến năm 2026. Đây là cơ sở để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét nói lỏng chính sách tiền tệ hoặc, trong trường hợp ít khả quan hơn, duy trì mặt bằng lãi suất thấp. Trên thực tế, trong năm 2024, NHNN đã tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay nhìn chung vẫn giữ xu hướng giảm. Tại cuộc họp ngày 29/10/2025, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm phần trăm, đưa biên độ lãi suất xuống 3,75% - 4%.

Xu hướng lãi suất thấp giúp cải thiện thanh khoản và khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, trong đó có TSA. Nguồn vốn rẻ góp phần giảm chi phí tài chính, hỗ trợ lợi nhuận năm 2025 và các năm sau. Tuy nhiên, khi tín dụng phục hồi nhanh và áp lực huy động vốn của các ngân hàng sẽ gia tăng, mặt bằng lãi suất sẽ khó có thể giảm thêm và thậm chí có thể đảo chiều tăng nếu lạm phát hoặc tỷ giá leo thang.

Để giảm thiểu rủi ro lãi suất, TSA đã và sẽ:

- Chủ động tìm kiếm nguồn tín dụng chi phí thấp, duy trì quan hệ đối tác lâu dài với các ngân hàng thương mại lớn;
- Cân đối đòn bẩy tài chính ở mức hợp lý, kết hợp dòng vốn lãi suất cố định và thả nổi;
- Gia tăng vốn chủ sở hữu thông qua giữ lại lợi nhuận sau thuế và các đợt chào bán cổ phiếu, nhằm giảm phụ thuộc vốn vay;
- Theo dõi kịp thời diễn biến chính sách tiền tệ trong nước và quốc tế để điều chỉnh cấu trúc kỳ hạn, lãi suất khoản vay, đồng thời đàm phán điều khoản trượt lãi phù hợp đối với các hợp đồng dài hạn.

Với chiến lược quản trị rủi ro lãi suất chủ động, Công ty kỳ vọng kiểm soát được chi phí vốn qua đó ổn định biên lợi nhuận ngay cả khi mặt bằng lãi suất có biến động lớn.

1.4. Tỷ giá

Từ năm 2023, mặt bằng tỷ giá VND/USD được duy trì ở vùng cao khi mà đồng USD mạnh lên trên phạm vi toàn cầu. Năm 2024, tỷ giá USD/VND biến động tăng do một số quan điểm cứng rắn của FED trong việc hạ lãi suất khiến đồng USD mạnh lên trên toàn cầu và nhu cầu ngoại tệ trong nước cao, gây áp lực lên tỷ giá trong ngắn hạn.

Tại ngày 30/09/2025, tỷ giá trung tâm ở mức 25.187 VND/USD. Tỷ giá niêm yết mua vào - bán ra của Vietcombank ở mức 26.235 – 26.446 VND/USD.

Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, tháng 09 năm 2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,3% so với tháng trước do nhu cầu ngoại tệ tăng phục vụ nhu cầu nhập khẩu hàng hóa và yếu tố tâm lý giữ USD của người dân trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước nới lỏng chính sách tiền tệ; tăng 6,64% so với cùng kỳ năm 2024; tăng 3,98% so với tháng 12/2024; bình quân 09 tháng năm 2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, do TSA chỉ hoạt động trong nước, thực hiện thu-chi hoàn toàn bằng đồng Việt Nam nên rủi ro đối với sự biến động và neo cao của tỷ giá nêu trên chỉ mang tính gián tiếp. Biến động tỷ giá có thể làm tăng giá nhập khẩu vật tư hoặc chi phí vay ngoại tệ của nhà cung cấp, gián tiếp tác động đến các loại chi phí đầu vào của Công ty.

Công ty chủ động hạn chế rủi ro bằng cách ưu tiên giao dịch, thanh toán bằng đồng Việt Nam và theo dõi sát diễn biến tỷ giá để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chi phí.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, bất kỳ sự điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Đầu tư,... và quy định liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro luật pháp là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống và quản trị, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi và hạn chế những bất lợi mà sự thay đổi của chính sách gây ra đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Để hạn chế những rủi ro do thay đổi chính sách, quy định của pháp luật, Công ty đã thành lập Ban pháp chế để luôn theo dõi, cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật đồng thời có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ nhân viên trong Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro trong lĩnh vực xây lắp điện

➤ Rủi ro tự nhiên

Trường Sơn thực hiện xây lắp các công trình đường dây tải điện và Trạm biến áp (TBA), các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng,... Việc xây lắp các công trình trên chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại các khu vực có địa hình phức tạp, do đó điều kiện thời tiết và địa hình ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả và mức độ an toàn trong

lĩnh vực này. Việc phụ thuộc vào thời tiết và địa hình thi công trong ngành xây lắp điện như thi công ngầm dưới mặt đất, thi công trên vùng đồi núi hiểm trở gây rất nhiều khó khăn và phát sinh rủi ro bởi nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

Nhận thức được rủi ro trên, TSA luôn chú trọng khâu giám sát an toàn thi công trong quá trình triển khai dự án của mình và tuân thủ các chế độ bảo hiểm cho cả Công ty và người lao động để hạn chế ảnh hưởng của yếu tố rủi ro này đến hoạt động kinh doanh chung của toàn Công ty.

➤ **Rủi ro khoa học công nghệ**

Khoa học công nghệ là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến năng lực xây lắp điện của Công ty. Khoa học công nghệ ngày càng phát triển để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao trong quá trình thi công ngày càng khó khăn. Điều này đòi hỏi Công ty phải luôn cập nhật và đầu tư máy móc thiết bị và nâng cao năng lực vận hành của cán bộ công nhân viên.

➤ **Rủi ro cạnh tranh**

Tại Việt Nam hiện nay, chỉ có một số ít Công ty có năng lực thi công các công trình điện cao áp đến 500kV bao gồm một số doanh nghiệp đã niêm yết như Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNE), Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (SJE), Công ty Cổ phần Xây lắp điện I (PC1) và một số doanh nghiệp chưa niêm yết như Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2 (PCC2); Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4 (PCC4). Trong bối cảnh cạnh tranh gắt gao như hiện tại, các công ty đối thủ đều không ngừng nâng cao công nghệ và năng lực thi công, đây là một sức ép thúc đẩy Công ty luôn phải nỗ lực, tự hoàn thiện và nâng cao để giữ vững vị thế trong ngành xây lắp điện.

➤ **Rủi ro phụ thuộc vào chính sách đầu tư công của Chính phủ và khách hàng lớn EVN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn chủ yếu tập trung trong lĩnh vực xây lắp công trình điện và hạ tầng truyền tải năng lượng, trong đó các dự án đầu tư công và các gói thầu do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cùng các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu hằng năm của Công ty. Do đặc thù của ngành điện, các dự án truyền tải và phân phối điện thường phụ thuộc vào kế hoạch đầu tư công, quy hoạch điện quốc gia và tiến độ giải ngân vốn của Nhà nước. Việc chậm phê duyệt kế hoạch vốn, giãn tiến độ đầu tư, hoặc thay đổi cơ chế đầu tư công có thể dẫn đến biến động lớn về khối lượng công việc, tiến độ thi công và ghi nhận doanh thu của Công ty trong từng kỳ kế toán. Bên cạnh đó, EVN và các đơn vị thành viên là nhóm khách hàng chủ lực của Công ty, chiếm tỷ trọng doanh thu đáng kể, do đó mọi thay đổi trong kế hoạch đầu tư, cơ chế đấu thầu, hay tiến độ thanh toán của EVN đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh và dòng tiền của Công ty. Quy trình nghiệm thu – thanh toán trong các dự án của EVN thường kéo dài nhiều giai đoạn, có thể làm gia tăng công nợ phải thu và áp lực vốn lưu động. Tuy nhiên, đầu tư công trong ngành điện mang tính đặc thù, bởi nhu cầu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và tình trạng thiếu điện vẫn hiện hữu, trong khi số lượng doanh nghiệp trong nước có đủ năng lực thi công các công trình điện áp cao (từ 500kV trở lên) không nhiều. Đây cũng là lợi thế cạnh tranh giúp Công ty có cơ hội duy trì nguồn việc ổn định trong dài hạn.

Để quản trị và giảm thiểu rủi ro, Công ty chủ động đa dạng hóa cơ cấu khách hàng và lĩnh vực hoạt động, ngoài các dự án đầu tư công còn đẩy mạnh xây lắp hạ tầng điện cho các khu đô thị, khu công nghiệp và khu kinh tế do khối tư nhân đầu tư. Đồng thời, Công ty theo dõi sát kế hoạch đầu tư công và tiến độ giải ngân vốn của EVN, thực hiện phân kỳ nghiệm thu – thanh toán theo từng giai đoạn, giúp rút ngắn thời gian thu hồi vốn, ổn định dòng tiền và duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.

➤ **Rủi ro khi thi công chậm tiến độ, khách hàng chậm thanh toán**

Hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn chủ yếu là thi công các công trình điện và hạ tầng kỹ thuật có chu kỳ thi công dài, doanh thu được ghi nhận theo tiến nghiệm thu khối lượng. Do đó, kết quả kinh doanh của Công ty có thể biến động giữa các kỳ, phụ thuộc vào tiến độ thực hiện, nghiệm thu và thanh toán của từng dự án. Trong quá trình thi công, các yếu tố như chậm bàn giao mặt bằng, thay đổi thiết kế, thời tiết bất lợi hoặc chậm giải ngân vốn đầu tư công có thể dẫn đến chậm tiến độ, kéo dài thời gian nghiệm thu và thanh toán, làm tăng công nợ phải thu và áp lực dòng tiền. Tình trạng này khiến doanh nghiệp phải bổ sung vốn lưu động, phát sinh chi phí lãi vay. Tuy nhiên, trước áp lực giải ngân đầu tư công của Chính phủ cũng như việc cải cách hành chính thì quy trình phê duyệt – thanh toán của EVN và các chủ đầu tư có vốn Nhà nước đã được cải thiện rất nhiều. Ngoài ra, Ban lãnh đạo TSA luôn tự rà soát và đánh giá năng lực thi công, năng lực về vốn của Công ty để xác định khối lượng công việc tối đa có thể đảm nhận, tránh đầu thầu tràn lan, ôm đồm dự án khiến Công ty gặp rủi ro về tiến độ. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện giám sát tiến độ chặt chẽ, chủ động kế hoạch dòng tiền và dự phòng hạn mức tín dụng ngắn hạn, nhằm duy trì khả năng thanh toán và ổn định tài chính trong mọi giai đoạn thi công.

3.2. Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất bê tông

➤ **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào**

Việc hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bê tông dự ứng lực, chi phí nguyên vật liệu trong lĩnh vực sản xuất chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Bên cạnh đó, công nghệ sản xuất của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc dây chuyền hiện đại, để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên vật liệu Công ty đang sử dụng (cát, đá, thép, xăng dầu,...) chịu khá nhiều ảnh hưởng của biến động giá cả trên thế giới cũng như trong nước. Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo ra sự ổn định cho nguồn nguyên vật liệu đầu vào như ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu với những nhà cung cấp uy tín, đồng thời tạo dựng các mối quan hệ làm ăn bền vững với nhà cung cấp,... nhằm hạn chế tối đa rủi ro này. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng củng cố uy tín trên thị trường, nhờ đó có khả năng lựa chọn và đa dạng hóa hệ thống nhà cung cấp. Chính sách này giúp Công ty chủ động kiểm soát nguồn cung, tránh rơi vào tình trạng phụ thuộc, bị ép giá hoặc thiếu hụt nguyên vật liệu đầu vào, từ đó bảo đảm hoạt động sản xuất ổn định và hiệu quả.

➤ **Rủi ro cạnh tranh**

Sản phẩm sản xuất công nghiệp chủ yếu của Công ty là cột và cọc bê tông dự ứng lực. Hiện tại, số lượng các công ty mới tham gia vào thị trường với sự đầu tư và chuẩn bị kỹ lưỡng không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, Công ty luôn định hướng sản xuất các sản phẩm chất lượng, uy tín, không ngừng tìm tòi, sáng tạo để sản xuất các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng, đồng thời vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, tiết kiệm các chi phí trong sản xuất nhằm giữ giá thành hợp lý đảm bảo cạnh tranh trên thị trường.

4. Rủi ro quản trị công ty

Việc quản trị yếu kém là một rủi ro tiềm ẩn và có xu hướng định tính nên rất khó trong việc đo lường. Rủi ro do quản trị yếu kém có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Trong những năm gần đây, quản trị rủi ro ngày càng gắn liền với các hoạt động thường ngày của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị đối với Doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để đạt hiệu quả cao trong việc quản trị rủi ro, khung quản trị của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn cần tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ. Đối với việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn trên hệ thống giao dịch UPCOM sang đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh này, Hội đồng quản trị đã đề ra phương án và được ĐHĐCĐ thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án phát triển Công ty và qua đó có thể nhận thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy rất hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,... Điển hình là từ đầu năm 2023 đến nay, chiến tranh Nga – Ukraine và căng thẳng tại vùng Trung Đông đã tác động đến kinh tế - xã hội toàn cầu. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị giữa các cường quốc, trong đó có xung đột thương mại Mỹ – Trung và những bất ổn trong chuỗi cung ứng toàn cầu cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro gián tiếp đối với chi phí sản xuất, logistics và giá nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, Việt Nam đã và đang trở thành điểm sáng trong khu vực và trên thế giới khi luôn duy trì chính sách ngoại giao mềm dẻo, trở thành đối tác chiến lược toàn diện của hầu hết các

nước lớn trên thế giới. Đây là những thuận lợi to lớn cho các tổ chức kinh tế trong nước nói chung và Trường Sơn nói riêng, giúp hạn chế, giảm thiểu tối đa rủi ro do đại dịch tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Thuật ngữ/Từ viết tắt	Ý nghĩa
- BCTC	: Báo cáo tài chính
- ĐHDCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
- BKS	: Ban Kiểm soát
- HĐQT	: Hội đồng Quản trị
- CBNV	: Cán bộ Nhân viên
- CMND	: Chứng minh nhân dân
- CCCD	: Căn cước công dân
- UBCKNN	: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- SGDC	: Sở Giao dịch Chứng khoán
- HOSE/HSX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
- Sở KH&ĐT	: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- GCN ĐKDN	: Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp
- NHNN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- TMCP	: Thương mại cổ phần
- L/C	: Thư tín dụng
- Tổ chức (đăng ký) niêm yết/ Công ty/Trường Sơn/TSA	: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn
- Tổ chức tư vấn/APG Securities/APG	: Công ty Cổ phần Chứng khoán APG
- TBA	: Trạm biến áp
- kV	: Kilovolt – một đơn vị đo điện áp trong hệ thống đo lường quốc tế
- MW	: Megawatt – đơn vị đo công suất thực trong hệ thống điện.
- Trạm HVDC	: Nơi thực hiện biến đổi dòng điện xoay chiều sang dòng điện một chiều (DC) ở cấp điện áp rất cao
- MVA	: Mega Volt-Ampere – đơn vị đo công suất biểu kiến trong hệ thống điện.
- TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
- GPMB	: Giải phóng mặt bằng
- CTCP	: Công ty cổ phần
- TNHH (MTV)	: Trách nhiệm hữu hạn (Một thành viên)

Thuật ngữ/Từ viết tắt	Ý nghĩa
- HC	: Hành chính
- EPS	: LNST trên mỗi cổ phần
- LNST	: Lợi nhuận sau thuế
- LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
- ROA	: LNST/Tổng tài sản bình quân
- ROE	: LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân
- TSCĐ	: Tài sản cố định
- VCSH	: Vốn chủ sở hữu
- VDL	: Vốn điều lệ
- VND	: Việt Nam Đồng



(Phần còn lại của trang được chú ý để trống)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN
- Tên tiếng Anh : TRUONG SON INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : TRUONG SON DT & XL., JSC
- Số GCN ĐKDN : 0700210210
- Địa chỉ trụ sở chính : Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh bình, Việt Nam
- Điện thoại : 02262.210.666
- Website : <https://truongsonhn.com.vn/>
- Mã cổ phiếu : TSA
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Văn Trường - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Vốn điều lệ : 404.249.940.000 (Bốn trăm lẻ bốn tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng

- Logo : 
TRUONG SON
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Xây dựng công trình điện (Chi tiết: Xây dựng công trình điện đến 500kV);
 - Truyền tải và phân phối điện;
 - Sản xuất điện;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (Tên công ty tại thời điểm thành lập là: Công ty Xây lắp Trường Sơn) được thành lập 29/08/2002 với vốn điều lệ ban đầu là 1,2 tỷ đồng. Ban đầu khi thành lập Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; xây lắp đường dây và Trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV.

- Năm 2004: Công ty tiến hành đổi tên thành Công ty TNHH Xây lắp Trường Sơn đồng thời tiến hành xây dựng cơ sở mới diện tích 5.600m² tại Khu Công nghiệp Tây Nam, Phường Lê Hồng Phong, Thị xã Phú Lý, Tỉnh Hà Nam để thuận tiện cho việc mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Năm 2006: Công ty chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn với những định hướng mới trong phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Năm 2010: Tiếp tục chuyển sang trụ sở 5.2ha tại Cụm Công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, TP Phú Lý, Tỉnh Hà Nam mở rộng hơn nữa quy mô sản xuất kinh doanh.
- Năm 2011: Nhà máy sản xuất cột điện bê tông chính đặt cạnh trụ sở chính tại Cụm Công nghiệp Châu Sơn, Xã Châu Sơn, TP Phú Lý, Tỉnh Hà Nam chính thức đi vào hoạt động. Trường Sơn đã khẳng định được thương hiệu vững mạnh, tạo bước đột phá trong kinh doanh. Cũng trong năm này, ông Nguyễn Văn Trường – Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được nhận bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam do đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam.
- Năm 2012: Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn đã nhận được Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam về việc cho Công ty thuê đất tiếp giáp trụ sở chính tại Cụm Công nghiệp Châu Sơn, Xã Châu Sơn, TP Phú Lý, Tỉnh Hà Nam để tiếp tục mở rộng nhà máy sản xuất bê tông dự ứng lực.
- Năm 2013: Lĩnh vực xây lắp đường dây và TBA được nâng lên cấp điện áp 110kV.
- Năm 2014: Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được nhận bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) do đã có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương và phát triển Hiệp hội doanh nghiệp vững mạnh góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển cộng đồng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2013 – 2014.
- Năm 2017: Xây dựng mở rộng Công ty thành đa ngành với quy mô trên cả nước. Sản phẩm Cột điện bê tông ly tâm của Trường Sơn đã được Trung tâm Quacert công nhận đạt chuẩn TCVN-5847.
- Năm 2019: Chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty thành “Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn”. Lĩnh vực xây lắp đường dây và TBA được nâng cấp điện áp 500kV. Công ty chính thức khởi công và xây dựng nhà máy sản xuất cọc với công suất lớn 3 triệu m/năm.
- Năm 2020: Công ty hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực. Sản phẩm Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực của Trường Sơn đã được trung tâm Quacert công nhận đạt chuẩn TCVN-7888:2014. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn đã được Cục thuế tỉnh Hà Nam trao tặng bằng khen vì đã thực hiện tốt chính sách pháp luật, thuế.
- Năm 2022: Sản phẩm Cột điện bê tông ly tâm của Trường Sơn đã được Trung tâm Quacert công nhận đạt chuẩn TCVN-5847.
- Năm 2023:

- ✓ Công ty chính thức được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ghi nhận là công ty đại chúng theo công văn số 8781/UBCK-GSDC ngày 12/12/2023.
- ✓ Cuối năm 2023, Công ty đã trúng Gói thầu số 25: Xây lắp đường dây đoạn tuyến từ VT141 đến VT151 (bao gồm VT151) thuộc dự án: đường dây 500KV NMNĐ Nam Định I – Phố Nối. Trong đó, Dự án này nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 15/5/2023, đồng thời cũng được Thủ tướng trực tiếp chỉ đạo đặt mục tiêu hoàn thành vào tháng 06/2024. Việc trúng thầu gói xây dựng đường tải 500KV một lần nữa cho thấy năng lực và vị thế trong ngành xây lắp điện của Trường Sơn.
- Năm 2024:
 - ✓ Tháng 01/2024: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 02/2024/GCNCP-VSDC vào ngày 29/01/2024, với mã chứng khoán TSA, tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 35.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;
 - ✓ Tháng 06/2024: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 658/QĐ-SGDHN ngày 13/06/2024 chấp thuận cho TSA được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống UpCOM. Ngày giao dịch đầu tiên là 25/06/2024, với giá tham chiếu là 10.600 đồng/cổ phiếu;
 - ✓ Tháng 12/2024: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 225/GCN-UBCK ngày 06/12/2024, cho phép chào bán 3.500.000 cổ phiếu phổ thông để tăng vốn điều lệ.
- Năm 2025:
 - ✓ Ngày 17/03/2025, Công ty đã thực hiện báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng và nhận được Công văn số 261/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp nhận báo cáo kết quả chào bán. Theo đó, Công ty đã phân phối thành công 3.500.000 cổ phiếu phổ thông, qua đó tăng vốn điều lệ từ 350 tỷ đồng lên 385 tỷ đồng, góp phần nâng cao năng lực tài chính và tạo nền tảng vững chắc cho các kế hoạch đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo;
 - ✓ Ngày 26/06/2025, Công ty đã nhận được Công văn số 2875/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Công ty đã phát hành thành công 1.924.994 cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ thực hiện là 100:5, qua đó tăng vốn điều lệ từ 385.000.000.000 đồng lên 404.249.940.000 đồng.

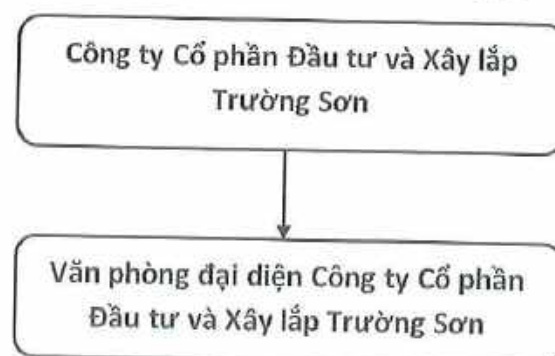
Hình 5. Một số bằng khen, giải thưởng của Trường Sơn



3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức niêm yết

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Hiện tại, Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

Hình 6. Cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

- Địa chỉ văn phòng đại diện của Công ty: Số 330A, đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

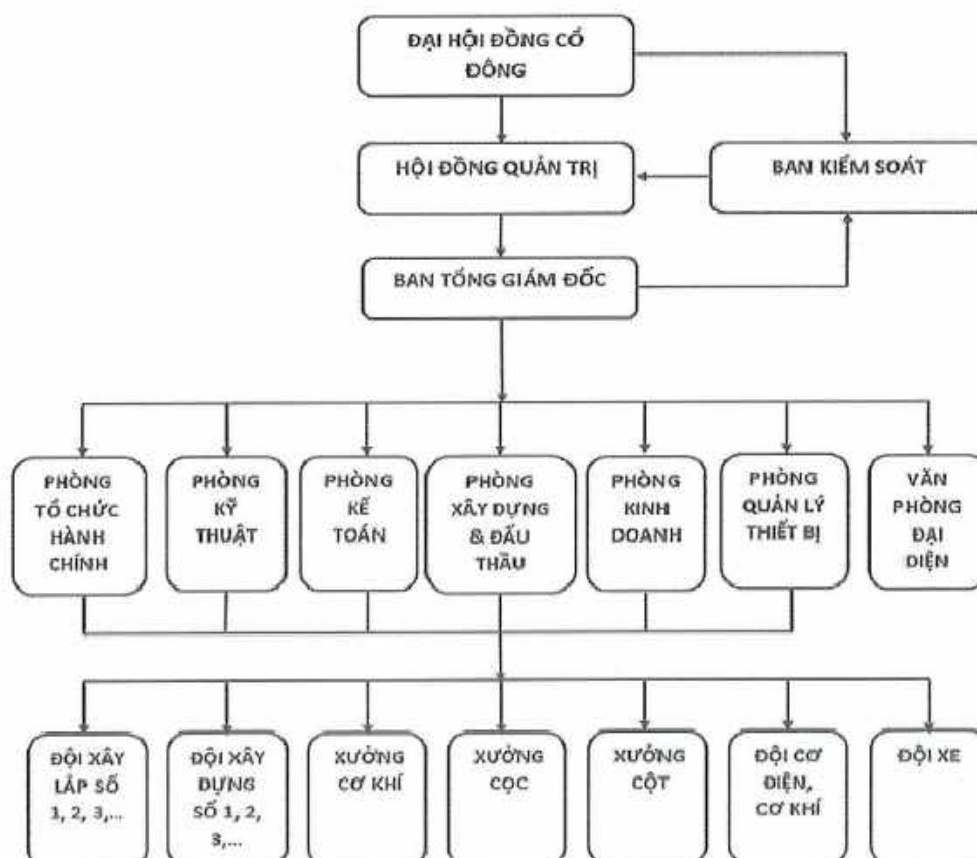
Văn phòng đại diện có chức năng thay mặt cho Công ty nhận và gửi tài liệu tới các khách hàng trên địa bàn Hà Nội.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được cơ cấu và tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh nghiệp, chi tiết như sau:

- ĐHĐCĐ và các cơ quan trực thuộc: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS Công ty và các thành viên Hội đồng do ĐHĐCĐ quyết định thành lập;
- Khối Cơ quan Công ty gồm các phòng, ban: Ban Tổng giám đốc, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật, Phòng Kế toán, Phòng Xây dựng và Đấu thầu, Phòng Kinh doanh, Phòng Quản lý thiết bị, Văn phòng đại diện. Dưới các phòng ban có các Đội xây lắp số 1, 2, 3..., Xưởng cơ khí, Xưởng cọc, Xưởng cột, Đội cơ điện, cơ khí, Đội xe.

Hình 7. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: CTCP Đầu tư Xây lắp Trường Sơn)

Diễn giải:

- Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

➤ **Hội đồng quản trị**

Là tổ chức quản trị, điều hành cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

➤ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm ba (03) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ, tính chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ liên quan đến mọi mặt hoạt động của công ty.
- Chủ trì công tác: Giám sát trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động được ĐHĐCĐ quyết nghị; tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ ... đưa ra các khuyến cáo, kết luận về sai phạm, bất hợp lý, thiếu hiệu quả trong hoạt động hoặc cảnh báo những rủi ro về pháp luật, về lợi ích kinh tế có thể xảy ra.
- Giám sát đảm bảo tính hợp pháp, tính trung thực, hợp lý và mức độ cần trọng cần thiết của bộ máy trong công tác kế toán, thống kê, xây dựng các Báo cáo tài chính doanh nghiệp và phối hợp trong thuyết minh, thuyết trình với cơ quan chức năng (bộ ngành, kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế, kiểm toán độc lập...) nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp, chính đáng của công ty, cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, quy định nội bộ.
- Ban kiểm soát hoạt động độc lập một cách tương đối về nghiệp vụ với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trên cơ sở Điều lệ, quy chế Quản trị, và quy chế Tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Công ty.

➤ **Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ quy định.

- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; Chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.
- Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc được phân công, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ do Tổng giám đốc giao. Tổng giám đốc quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Tổng giám đốc bằng văn bản phân công nhiệm vụ.
- Khi Tổng giám đốc vắng mặt, một Phó Tổng giám đốc được ủy quyền thay mặt Tổng giám đốc để giải quyết công việc chung của Trường Sơn và phải chịu trách nhiệm về các công việc mà mình đã quyết định trong thời gian ủy quyền.

➤ **Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban**

Có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

a. **Phòng Tổ chức hành chính**

- Quản lý lao động của Công ty theo đúng các chế độ chính sách, Bộ Luật Lao động hiện hành và quy chế phân cấp quản lý quy định trong lĩnh vực tổ chức lao động.

- Tổ chức xây dựng và quản lý định mức lao động, đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương, tiền thưởng, trả lương và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng pháp luật hiện hành, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty trong thỏa ước lao động tập thể, quy chế nội bộ do công ty ban hành.
- Lập phương án: quy hoạch cán bộ, tuyển dụng đào tạo cán bộ, điều động và bố trí sắp xếp cán bộ phù hợp với tình hình phát triển của công ty trong từng thời kỳ.
- Đề xuất các hình thức quản lý CBNV vi phạm hợp đồng lao động, vi phạm quy chế quản lý của doanh nghiệp.
- Hàng kỳ cùng với Ban Bảo hộ lao động tổ chức học tập, thực hiện công tác BHLĐ và an toàn đối với các đơn vị xây lắp của công ty.

b. Phòng Kỹ thuật

- Thực hiện các nhiệm vụ về quản lý kinh tế kỹ thuật gồm: chi tiết hóa đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật; quản lý chất lượng, tiến độ thi công các công trình, các dự án, thẩm định thiết kế dự toán các công trình hạng mục công trình; kiểm tra hồ sơ hoàn công, thanh toán, quyết toán công trình; thực hiện các công tác bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động.
- Xây dựng phương án thi công, phương án kỹ thuật cho các dự án, các loại phương tiện xe máy thiết bị thi công, các sản phẩm khác để tổ chức thực hiện trong toàn Công ty.
- Kiểm tra, xác định khối lượng, chất lượng, quy cách vật tư, mức hao phí lao động trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật được duyệt; Xây dựng phương án thi công, phương án phòng chống cháy nổ, phương án an toàn lao động và vệ sinh môi trường đối với các công trình lớn trọng điểm; Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập và duyệt phương án thi công, phương án phòng chống cháy nổ, phương án an toàn lao động, vệ sinh môi trường đối với các công trình nhỏ.
- Phối hợp cùng với phòng Xây dựng và Đấu thầu lập hồ sơ dự thầu các công trình Công ty tham gia đấu thầu.
- Hướng dẫn, giám sát và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong quá trình sản xuất về mặt kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, máy móc thiết bị và vệ sinh môi trường.
- Hướng dẫn và cùng các đơn vị trực thuộc lập hồ sơ nghiệm thu công trình, phối hợp với chủ đầu tư nghiệm thu bàn giao công trình.
- Quản lý, bảo quản, sửa chữa, điều động toàn bộ xe máy thiết bị thi công trong toàn Công ty. Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị máy móc hàng quý, năm. Phối hợp cùng phòng Kinh doanh, Phòng Kế toán khoán quản ca xe, máy các loại tại các đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tác ngoài Công ty.
- Trực tiếp tổ chức thi công công trình do Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định.
- Phối hợp với phòng Tổ chức hành chính xây dựng kế hoạch kiểm tra tay nghề, đào tạo, đào tạo lại, tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực của Công ty.

- Quản lý công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên, lực lượng phòng chống cháy nổ đến các đơn vị trực thuộc trên phạm vi toàn Công ty.
- Nghiên cứu xây dựng kế hoạch, phương án đổi mới công nghệ, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các sáng kiến, sáng chế vào sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất với lãnh đạo Công ty về các biện pháp tăng cường công tác quản lý nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tiến bộ KHKT vào trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Đình chỉ thi công đối với đội trưởng, cá nhân và công trình khi phát hiện có sự vi phạm nghiêm trọng trong công tác quản lý kỹ thuật, an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ và báo cáo Ban Tổng Giám đốc Công ty có biện pháp xử lý kịp thời.
- Phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Đề nghị lãnh đạo Công ty về việc khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, nâng bậc và các quyền lợi khác đối với tập thể và các cá nhân thuộc phòng quản lý.

c. Phòng Kế toán

- Thực hiện công tác tài chính - kế toán; kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu nợ, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán; phân tích thông tin, số liệu kế toán tham mưu, đề xuất các giải pháp tài chính phục vụ yêu cầu quản trị; cung cấp các thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật và của công ty.

d. Phòng Xây dựng và đấu thầu

- Tổ chức, triển khai công tác đấu thầu, Công tác quản lý hợp đồng và hồ sơ thầu.
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về các hoạt động liên quan đến đấu thầu dự án.
- Kiểm soát, xử lý các vấn đề công việc trước khi Ban Quản lý các dự án ra quyết định.
- Quản lý hồ sơ, tài liệu của Ban Quản lý các dự án.
- Lập kế hoạch và quản lý công tác đấu thầu.
- Phân tích khối lượng và chi phí các gói thầu trước khi lập hồ sơ dự thầu; Lập kế hoạch đấu thầu, theo dõi và tổng hợp các nghiệp vụ chuyên môn trong quá trình đấu thầu các gói thầu dự án.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác Đấu thầu, lựa chọn gói thầu theo các quy định pháp luật hiện hành.
- Tổ chức lập hồ sơ dự thầu (hồ sơ yêu cầu nhà thầu), thẩm tra, trình duyệt hồ sơ dự thầu các công trình Công ty tham gia đấu thầu.
- Thực hiện lưu trữ và bảo quản hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác lựa chọn nhà thầu.
- Bảo mật các thông tin liên quan đến công tác dự thầu theo quy định hiện hành.

e. Phòng Kinh doanh

- Phòng kinh doanh có chức năng tham mưu, đưa ra ý kiến lên Ban Tổng Giám đốc công ty về công tác phân phối sản phẩm cho các thị trường về hàng hóa và dịch vụ đến các doanh nghiệp.
- Ngoài ra, phòng kinh doanh còn có chức năng phụ trách chỉ đạo chính trong công tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm hàng hóa, phát triển thị trường tiêu dùng sản phẩm.
- Triển khai công tác xây dựng và phát triển mạng lưới khách hàng tiềm năng, cũng như lên báo cáo theo quy định của công ty về các hoạt động của công ty, doanh nghiệp bao gồm cả những nhiệm vụ và quyền đã được giao.
- Hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc về công tác tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của Công ty.
- Tham mưu xây dựng các chính sách bán hàng, bao gồm các chính sách về giá thành, khuyến mãi, chiết khấu cùng các chương trình quảng bá, tiếp thị nhằm tiếp cận đến khách hàng tốt nhất để trình bày với Ban Tổng giám đốc phê duyệt.
- Thực hiện việc đề xuất các chính sách cho khách hàng và nhóm khách hàng, trình Ban Tổng Giám đốc và nghiêm chỉnh thực hiện theo các chính sách được phê duyệt.
- Lên kế hoạch và mục tiêu cho việc bán hàng để trình lên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt định kỳ. Ngoài ra thực hiện tổ chức và triển khai bán các sản phẩm và dịch vụ thuộc chức năng nhằm đạt mục tiêu đã được phê duyệt. Tuân thủ các quy định của Công ty trong công tác đề xuất các chính sách cho khách hàng khi cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thuộc chức năng nhiệm vụ của mình.
- Định hướng tìm kiếm và phát triển khách hàng mới thuộc nhóm khách hàng mục tiêu của Công ty.
- Tạo mục tiêu tìm kiếm, duy trì và phát triển mối quan hệ và chăm sóc khách hàng theo các quy định, chính sách của công ty.

f. Phòng Quản lý thiết bị

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc sử dụng cơ sở vật chất, xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư máy móc, trang thiết bị. Theo dõi lịch sử việc sử dụng cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị từng bộ phận trong Công ty.
- Lập kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ và quản lý toàn bộ hệ thống trang thiết bị, máy móc Công ty.
- Xây dựng kế hoạch, trang bị và quản lý hệ thống thiết bị, máy móc vật tư trong Công ty.
- Lập kế hoạch bảo dưỡng và tổ chức thực hiện việc phục vụ trang thiết bị theo yêu cầu của các bộ phận và bảo dưỡng máy móc thiết bị theo chế độ quy định.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc mua sắm thiết bị, vật tư kỹ thuật, dụng cụ, công cụ... phục vụ kịp thời cho toàn bộ Công ty.

- Xây dựng và tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định sử dụng tài sản, thiết bị của các bộ phận, đánh giá chất lượng, giá trị sử dụng các trang thiết bị để có kế hoạch mua sắm, chống hư hỏng, mất mát, lãng phí.
- Hàng năm phối hợp với phòng Kế toán tổ chức kiểm kê theo chế độ quy định.
- Phối hợp với phòng Kế toán lập kế hoạch, định giá, phân loại tài sản, tiến hành các thủ tục thanh lý tài sản đã hết hạn sử dụng theo nguyên tắc quy định của nhà nước.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai công tác phòng chống lụt bão, phòng cháy, chữa cháy trong toàn Công ty.

g. Văn phòng đại diện

- Thay mặt công ty giao dịch với khách hàng.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám Đốc.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức niêm yết, những công ty mà Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ

Không có.

5.2. Công ty con

Không có.

5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức niêm yết

Không có.

5.4. Công ty mà Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ

Trường Sơn được thành lập năm 2002 dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn, với số vốn ban đầu là 1.200.000.000 đồng. Năm 2019, Công ty chính thức chuyển đổi từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần với 03 cổ đông, vốn điều lệ tại thời điểm chuyển đổi 300.000.000.000 đồng.

Sau 23 năm hoạt động và 09 lần tăng vốn với các hình thức khác nhau, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 404.249.940.000 đồng, tương ứng 40.424.994 cổ phần.

Trong suốt quá trình thành lập và hoạt động, Công ty không thực hiện bất cứ đợt giảm vốn nào.

Bảng 1. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	2002 - 2004	-	1.200.000	1.200.000	Góp vốn ban đầu	- Giấy CNĐKKD số 0602.000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002; - Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty Xây lắp Trường Sơn về việc thay đổi tỷ lệ vốn góp số 04/2004/NQ-HĐTV ngày 03/04/2004; - Giấy CNĐKKD số 0602.00174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 08/04/2004.
2	2006	1.200.000	3.800.000	5.000.000	Các thành viên góp thêm vốn vào công ty	- Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ số 02/2006/NQ-HĐTV ngày 13/02/2006; - Giấy CNĐKKD số 0602.000555 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 02 vào ngày 15/02/2006.
3	2008	5.000.000	3.000.000	8.000.000	Các thành viên góp thêm vốn vào công ty	- Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						tăng vốn điều lệ số 05/2008/NQ-HĐTV ngày 10/05/2008; - Giấy CNĐKKD số 0602.000555 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 03 vào ngày 15/05/2008.
4	2013 - 2014	8.000.000	27.000.000	35.000.000	Các thành viên góp thêm vốn vào công ty	- Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi đăng ký kinh doanh số 06/2011/NQ-HĐTV ngày 21/06/2011; - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi đăng ký kinh doanh số 01/2012/NQ-HĐTV ngày 05/01/2012; - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 04 vào ngày 04/07/2011.

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 16/01/2012.
5	2014 - 2018	35.000.000	115.000.000	150.000.000	Các thành viên góp thêm vốn vào công ty	- Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn chủ trương tăng vốn điều lệ số 09/2014/NQ-HĐTV ngày 28/09/2014; - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng số 04/2015/NQ-HĐTV ngày 05/04/2015; - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 08 vào ngày 15/04/2015
6	2018	150.000.000	100.000.000	250.000.000	Các thành viên góp thêm vốn vào công ty	- Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn

31
10
3 K
H
H
H

11/21/2019 10:21:11 AM

CHỖ
N
H
M
H

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						về việc tăng vốn điều lệ số 03/2018/NQ-HĐTV ngày 20/03/2018; Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 28/03/2018
2019		Chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần				
7	2019 - 2020	250.000.000	50.000.000	300.000.000	Chuyển đổi thành công ty cổ phần đồng thời có cổ đông mới góp thêm vốn	Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc chuyển đổi công ty cổ phần và tăng vốn điều lệ số 01/2019/NQ-HĐTV ngày 10/01/2019; Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 14/01/2019.
8	2021	300.000.000	50.000.000	350.000.000	Chào bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						ngày 20/03/2021; - Nghị quyết HĐQT số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 về việc Tổng kết đợt chào bán và tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn; - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 07/01/2022;
9	2024 - 2025	350.000.000	35.000.000	385.000.000	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng bằng phương thức thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 số 06/NQ-TS ngày 05/01/2024 thông qua phương án chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024 (tờ trình số 03/TTr-TS); - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 225/GCN-UNCK ngày 06/12/2024 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; - Các Nghị quyết HĐQT số 59/NQ-HĐQT ngày 13/05/2024; số 110/NQ-HĐQT ngày 29/08/2024; số 145/NQ-HĐQT ngày 23/10/2024; số 164/NQ-HĐQT ngày 23/12/2024;

Lần	Năm thực hiện	VDL trước khi tăng (nghìn đồng)	VDL tăng thêm (nghìn đồng)	VDL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						số 39/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025; liên quan đến quá trình triển khai thực hiện đợt chào bán; - Nghị quyết HĐQT số 42/NQ-HĐQT và Báo cáo số 43/BC-TSA ngày 11/03/2025; Công văn số 261/UBCK-QLCB ngày 17/03/2025 của UBCKNN về kết quả của đợt chào bán; - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 17 vào ngày 31/03/2025 do Sở Tài Chính Tỉnh Hà Nam cấp.
10	2025	385.000.000	19.249.440	404.249.940	Trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 100:5	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 89/NQ-TSA ngày 25/04/2025 (kèm theo tờ trình số 83/TTr-TSA về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức); - Nghị quyết HĐQT số 107/NQ-HĐQT ngày 03/05/2025 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024; - Công văn số 1596/UBCK-QLCB ngày 12/05/2025 của

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TSA; - Nghị quyết HĐQT số 148/NQ-HĐQT ngày 19/06/2025 về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Báo cáo kết quả phát hành số 150/BC-TSA ngày 19/06/2025; - Công văn số 2875/UBCK-QLCB ngày 26/06/2025 của UBCKNN về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TSA. - Quyết định số 943/QĐ-SGDHN do SGDCK Hà Nội ban hành ngày 30/07/2025 về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của TSA; - Công văn số 9439/VSDC-ĐKCPNV ngày 18/07/2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký – mã chứng khoán TSA; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700210210 thay đổi lần 18 do Sở Tài chính tỉnh

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						Ninh Bình cấp ngày 12/08/2025.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Chi tiết quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty như sau:

➤ **Góp vốn thành lập Công ty, từ năm 2002 đến năm 2004**

- Vốn điều lệ: 1.200.000.000 đồng.
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam.
- Hồ sơ pháp lý:
 - Giấy CNĐKKD số 0602.000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002;
 - Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty Xây lắp Trường Sơn về việc thay đổi tỷ lệ vốn góp số 04/2004/NQ-HĐTV ngày 03/04/2004;
 - Giấy CNĐKKD số 0602.00174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002;
 - Giấy CNĐKKD số 0602.00174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 08/04/2004.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh lần đầu như sau:
 - Hình thức góp vốn: Nộp tiền mặt tại công ty.
 - Số tiền góp vốn: 1.200.000.000 đồng.
 - Thời gian góp vốn: Từ ngày 05/09/2002 đến ngày 10/06/2004.
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 21/02/2003 đến ngày 14/06/2004.
 - Mục đích sử dụng vốn: Trả tiền mua vật tư, bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty.
- Đến ngày 10/06/2004, Công ty đã thu đủ số tiền từ các thành viên sáng lập là 1.200.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn thành lập: 02 thành viên.

➤ **Tăng vốn đợt 1, năm 2006 (Tăng vốn từ 1,2 tỷ đồng lên 5 tỷ đồng)**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 1.200.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ tăng thêm: 3.800.000.000 đồng.

- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 5.000.000.000 đồng.
- Phương thức tăng vốn: Các thành viên góp bổ sung vốn điều lệ Công ty.
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam.
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ số 02/2006/NQ-HĐTV ngày 13/02/2006;
 - Giấy CNĐKKD số 0602.000555 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 02 vào ngày 15/02/2006.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Nộp tiền mặt tại công ty.
 - Số tiền góp vốn: 3.800.000.000 đồng.
 - Thời gian góp vốn: Từ ngày 16/02/2006 đến ngày 16/12/2006.
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 17/02/2006 đến ngày 22/12/2006.
 - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương cho cán bộ nhân viên và/hoặc các hoạt động khác có liên quan).
- Đến ngày 16/12/2006, Công ty đã thu đủ số tiền từ các thành viên là 3.800.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên.
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 01 thành viên.
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 02 thành viên.

➤ **Tăng vốn đợt 2, năm 2008 (Tăng vốn từ 5 tỷ đồng lên 8 tỷ đồng)**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 5.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ tăng thêm: 3.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 8.000.000.000 đồng.
- Phương thức tăng vốn: Các thành viên góp bổ sung vốn điều lệ Công ty theo tỷ lệ góp vốn.
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam.
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ số 05/2008/NQ-HĐTV ngày 10/05/2008;
 - Giấy CNĐKKD số 0602.000555 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 03 vào ngày 15/05/2008;

- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Nộp tiền mặt tại công ty.
 - Số tiền góp vốn: 3.000.000.000 đồng.
 - Thời gian góp vốn: Từ ngày 16/05/2008 đến ngày 21/12/2008.
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 16/05/2008 đến ngày 22/12/2008.
 - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương cho cán bộ nhân viên và/hoặc các hoạt động khác có liên quan).
- Đến ngày 21/12/2008, Công ty đã thu đủ số tiền từ các thành viên là 5.000.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên.
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 02 thành viên.
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 02 thành viên.
- **Tăng vốn đợt 3, từ năm 2013 đến năm 2014 (Tăng vốn từ 8 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng)**
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 8.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ tăng thêm: 27.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 35.000.000.000 đồng.
 - Phương thức tăng vốn: Các thành viên góp bổ sung vốn điều lệ Công ty.
 - Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam.
 - Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi đăng ký kinh doanh số 06/2011/NQ-HĐTV ngày 21/06/2011;
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi đăng ký kinh doanh số 01/2012/NQ-HĐTV ngày 05/01/2012;
 - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 04 vào ngày 04/07/2011;
 - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 16/01/2012;
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Nội tiền mặt tại Công ty và nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty.
 - Số tiền góp vốn: 27.000.000.000 đồng.

- Thời gian góp vốn: Từ ngày 11/11/2013 đến ngày 24/09/2014.
- Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 11/11/2013 đến ngày 31/10/2014.
- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt tăng vốn được sử dụng để Bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua sắm tài sản cố định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Theo phương án đã thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương nhân viên, chi trả gốc, lãi vay ngắn hạn (nếu có) và/hoặc các hoạt động khác có liên quan)	25.800.000.000	25.845.700.000
2	Mua sắm tài sản cố định	1.200.000.000	1.154.300.000
Tổng cộng		27.000.000.000	27.000.000.000

- Đến ngày 24/09/2014, Công ty đã thu đủ số tiền từ các thành viên là 27.000.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên.
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 01 thành viên.
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 02 thành viên.
- **Tăng vốn đợt 4, từ năm 2014 đến năm 2018 (Tăng vốn từ 35 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng)**
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 35.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ tăng thêm: 115.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 150.000.000.000 đồng.
 - Phương thức tăng vốn: Các thành viên góp bổ sung vốn điều lệ Công ty.
 - Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam.
 - Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tổng kết đợt tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng và chủ trương tăng vốn điều lệ số 09/2014/NQ-HĐTV ngày 28/09/2014;
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng số 04/2015/NQ-HĐTV ngày 05/04/2015;
 - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 08 vào ngày 15/04/2015.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:

- Hình thức góp vốn: Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty.
- Số tiền góp vốn: 115.000.000.000 đồng
- Thời gian góp vốn: Từ ngày 29/09/2014 đến ngày 06/03/2018.
- Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 29/09/2014 đến ngày 06/03/2018.
- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt tăng vốn được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua sắm tài sản cố định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Theo phương án đã được thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương nhân viên, chi trả gốc, lãi vay ngắn hạn (nếu có) và/hoặc các hoạt động khác có liên quan)	113.000.000.0000	113.074.248.859
2	Mua sắm tài sản cố định	2.000.000.000	1.925.751.141
Tổng cộng		115.000.000.000	115.000.000.000

- Đến ngày 06/03/2018, Công ty đã thu đủ số tiền từ các thành viên là 115.000.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên.
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 02 thành viên.
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 02 thành viên.
- **Tăng vốn đợt 5, năm 2018 (Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng)**
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 150.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ thực tế tăng thêm: 41.330.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn theo giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 ngày 28/03/2018: 250.000.000.000 đồng (thực góp: 191.330.000.000 đồng).
 - Phương thức tăng vốn: Các thành viên góp bổ sung vốn điều lệ Công ty.
 - Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam.
 - Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ số 03/2018/NQ-HĐTV ngày 20/03/2018;
 - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 28/03/2018.
 - Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Chuyển tiền qua ngân hàng.

- Số tiền góp vốn: 41.330.000.000 đồng.
- Thời gian góp vốn: Từ ngày 29/03/2018 đến ngày 28/12/2018.
- Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 29/03/2018 đến ngày 29/04/2019.
- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt tăng vốn được sử dụng để Bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua sắm tài sản cố định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Theo phương án đã được thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương nhân viên, chi trả gốc, lãi vay ngắn hạn (nếu có) và/hoặc các hoạt động khác có liên quan)	92.000.000.0000	36.320.000.000
2	Mua sắm tài sản cố định	8.000.000.000	5.010.000.000
Tổng cộng		100.000.000.000	41.330.000.000

- Đến ngày 28/12/2018, Công ty đã thu được số tiền là 41.330.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình góp vốn, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và quy mô hoạt động, ban lãnh đạo Công ty đã quyết định chuyển đổi loại hình từ Công ty trách nhiệm hữu hạn thành Công ty cổ phần bằng cách huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn, đồng thời tăng vốn điều lệ công ty lên 300 tỷ. Tại thời điểm chuyển đổi, Ông Nguyễn Văn Trường cam kết sẽ góp đủ vốn công ty theo Nghị quyết của của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn số 01/2019/NQ-HĐTV ngày 10/01/2019.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên.
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 02 thành viên.
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 02 thành viên.
- **Tăng vốn đợt 6, từ năm 2019 đến năm 2020 (Tăng vốn từ 250 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng và chuyển đổi mô hình thành Công ty cổ phần)**
- Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKDN trước khi tăng vốn: 250.000.000.000 đồng (vốn thực góp: 191.330.000.000 đồng).
 - Vốn điều lệ tăng thêm: 50.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 300.000.000.000 đồng.
 - Phương thức tăng vốn: Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn theo điểm b Điều 196 Luật Doanh nghiệp 2014.
 - Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam.
 - Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn số 01/2019/NQ-HĐTV ngày 10/01/2019;

- Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 14/01/2021.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty.
 - Số tiền góp vốn: 108.670.000.000 đồng, trong đó:
 - Số tiền cần phải góp bổ sung theo cam kết trong đợt tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng: 58.670.000.000 đồng;
 - Số tiền góp vốn đợt tăng vốn lên 300 tỷ: 50.000.000.000 đồng.
 - Thời gian góp vốn: Từ ngày 08/03/2019 đến ngày 31/12/2020.
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 11/03/2019 đến ngày 08/01/2021.
 - Mục đích sử dụng vốn: Số vốn điều lệ tăng thêm là 108,67 tỷ đồng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua sắm tài sản cố định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Mục đích sử dụng vốn (*)	Theo phương án đã được thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương nhân viên, chi trả gốc, lãi vay ngắn hạn (nếu có) và/hoặc các hoạt động khác có liên quan)	97.000.000.000	96.852.467.724
2	Mua sắm tài sản cố định	11.670.000.000	11.817.532.276
Tổng cộng		108.670.000.000	108.670.000.000

(*): Số tiền sử dụng vốn bao gồm:

+ 58.670.000.000 đồng là số tiền góp vốn còn thiếu trong đợt tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng.

+ 50.000.000.000 đồng là số tiền góp bổ sung khi công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần và tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

- Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã thu được số tiền là 108.670.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên.
 - Số lượng cổ đông tham gia góp bổ sung vốn và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: 03 cổ đông.
 - Số lượng cổ đông sau khi góp vốn và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: 03 cổ đông.

➤ **Tăng vốn đợt 7, năm 2021 (Tăng vốn từ 300 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng)**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 300.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ tăng thêm: 50.000.000.000 đồng.

- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 350.000.000.000 đồng.
- Phương thức tăng vốn: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
- Tỷ lệ chào bán: 6:1.
- Số lượng cổ phần chào bán thành công: 5.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần.
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam.
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/03/2021;
 - Nghị quyết HĐQT số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 về việc Tổng kết đợt chào bán và tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn;
 - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 07/01/2022.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Chuyển tiền mua cổ phần qua ngân hàng.
 - Số tiền mua cổ phần: 50.000.000.000 đồng.
 - Thời gian mua cổ phần: Từ ngày 29/03/2021 đến ngày 27/12/2021.
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 29/03/2021 đến ngày 31/12/2021.
 - Mục đích sử dụng vốn: Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và Mua sắm tài sản cố định, số tiền sử dụng thực tế như sau:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Theo phương án đã được thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương nhân viên, chi trả gốc, lãi vay ngắn hạn (nếu có) và/hoặc các hoạt động khác có liên quan)	49.000.000.000	48.664.332.639
2	Mua sắm tài sản cố định	1.000.000.000	1.335.667.361
Tổng cộng		50.000.000.000	50.000.000.000

- Đến ngày 27/12/2021, Công ty đã thu đủ số tiền từ các cổ đông là 50.000.000.000 đồng.
 - Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 03 cổ đông.
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 03 cổ đông.
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 03 cổ đông.

- **Tăng vốn đợt 8, năm 2025 (Tăng vốn từ 350 tỷ đồng lên 385 tỷ đồng)**
- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 350.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ tăng thêm: 35.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 385.000.000.000 đồng.
 - Phương thức tăng vốn: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu.
 - Tỷ lệ chào bán: 10:1.
 - Số lượng cổ phần chào bán thành công: 3.500.000 cổ phần.
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Tài Chính Tỉnh Hà Nam.
 - Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 số 06/NQ-TS ngày 05/01/2024 thông qua phương án chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024 (tờ trình số 03/TTr-TS);
 - Nghị quyết HĐQT số 59/NQ-HĐQT ngày 13/05/2024 về phương án chi tiết chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
 - Nghị quyết HĐQT số 110/NQ-HĐQT ngày 29/08/2024 về việc tiếp tục triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng và phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán;
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2024 số 143/NQ-TS ngày 21/10/2024 kèm theo Báo cáo số 139/BC-TSA về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ năm 2024;
 - Nghị quyết HĐQT số 145/NQ-HĐQT ngày 23/10/2024 về việc đính chính, điều chỉnh một số nội dung thông tin trong Hồ sơ đăng ký niêm yết thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024;
 - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 225/GCN-UBCK ngày 06/12/2024 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;
 - Nghị quyết HĐQT số 164/NQ-HĐQT ngày 23/12/2024 về việc đính chính thông tin triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu;
 - Quyết định số 79/QĐ-UBCK ngày 07/02/2025 về việc chấp thuận gia hạn việc phân phối chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu ra công chúng;
 - Nghị quyết HĐQT số 39/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 về việc phân phối số cổ phiếu còn lại chưa chào bán hết trong đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;

- Nghị quyết HĐQT số 42/NQ-HĐQT ngày 11/03/2025 về Kết quả của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ;
- Công văn số 261/UBCK-QLCB ngày 17/03/2025 về Tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của TSA;
- Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 17 vào ngày 31/03/2025.
- Tình hình đăng ký, nộp tiền mua và sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau:
 - Hình thức chào bán: Nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa.
 - Số tiền cổ đông/nhà đầu tư đã nộp để mua cổ phần: 35.000.000.000 đồng.
 - Thời gian mua cổ phần: Từ ngày 13/01/2025 đến hết ngày 11/03/2025.
 - Thời gian sử dụng vốn: Triển khai từ ngày 18/03/2025.
 - Mục đích sử dụng vốn: Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho các nội dung sau:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Theo phương án đã được thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng đến hết ngày 30/09/2025 (đồng)
1	Thanh toán tiền vay ngân hàng	17.500.000.000	17.500.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh	17.500.000.000	17.500.000.000
Tổng cộng		35.000.000.000	35.000.000.000

- Đến ngày 10/03/2025, đợt chào bán của Công ty đã kết thúc. Thông tin về số lượng cổ đông trước và sau đợt chào bán như sau:
 - Số lượng cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền ngày 03/01/2025: 176 cổ đông;
 - Số lượng cổ đông được phân phối trong đợt chào bán: 66 cổ đông (trong đó có 63 cổ đông hiện hữu và 03 nhà đầu tư mới);
 - Số lượng cổ đông sau khi hoàn thành đợt chào bán (căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 03/01/2025): 179 cổ đông.
- **Tăng vốn đợt 9, năm 2025 (tăng vốn từ 385 tỷ đồng lên 404,24 tỷ đồng)**
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 385.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ tăng thêm: 19.249.940.000 đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 404.249.940.000 đồng.
 - Phương thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
 - Tỷ lệ phát hành: 5%.

- Số lượng cổ phần phát hành thêm: 1.924.994 cổ phần.
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Tài Chính Tỉnh Ninh Bình.
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 89/NQ-TSA ngày 25/04/2025 (kèm theo tờ trình số 83/TTr-TSA về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức);
 - Nghị quyết HĐQT số 107/NQ-HĐQT ngày 03/05/2025 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024;
 - Công văn số 1596/UBCK-QLCB ngày 12/05/2025 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TSA;
 - Nghị quyết HĐQT số 148/NQ-HĐQT ngày 19/06/2025 về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Báo cáo kết quả phát hành số 150/BC-TSA ngày 19/06/2025;
 - Công văn số 2875/UBCK-QLCB ngày 26/06/2025 của UBCKNN về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TSA;
 - Công văn số 9439/VSDC-ĐKCP.NV ngày 18/07/2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký – mã chứng khoán TSA;
 - Quyết định số 943/QĐ-SGDHN do SGDCK Hà Nội ban hành ngày 30/07/2025 về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của TSA;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700210210 thay đổi lần 18 do Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/08/2025.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 21/07/2025, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 21/07/2025

Stt	Cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần	Giá trị mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	205	40.424.994	404.249.940.000	100,00
1	Cổ đông tổ chức	2	300.155	3.001.550.000	0,74
2	Cổ đông cá nhân	203	40.124.839	401.248.390.000	99,26
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
1	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-

Stt	Cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần	Giá trị mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
2	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
III	Cổ phiếu Quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	205	40.424.994	404.249.940.000	100
	- Cổ phiếu phổ thông	205	40.424.994	404.249.940.000	100
	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	- Chứng khoán khác	-	-	-	-

(Nguồn: Tổng hợp dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 21/07/2025 của TSA)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: Căn cứ công văn số 5812/UBCK-PTTT ngày 11/09/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là: 49%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức đăng ký niêm yết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại điều lệ công ty: Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài của Công ty hiện tại là: 0% (theo Danh sách cổ đông ngày 21/07/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp).

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất, công nghệ áp dụng

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn hiện tập trung hoạt động ở hai mảng kinh doanh cốt lõi, gồm:

- Thi công, xây lắp các công trình điện;
- Sản xuất các sản phẩm từ bê tông;

Bên cạnh các lĩnh vực truyền thống, Công ty cũng đang chủ trương triển khai đầu tư vào các dự án trung tâm thương mại, nhằm phục vụ định hướng đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng lĩnh vực kinh doanh trong tương lai và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi chất lượng công trình và sản phẩm là ưu tiên hàng đầu, nhờ đó duy trì được sự tín nhiệm từ các chủ đầu tư và đối tác. Với nỗ lực cải tiến liên

tục, Trường Sơn đã nâng cao năng lực thi công, mở rộng thị trường và khẳng định vị thế doanh nghiệp uy tín, chuyên nghiệp trong lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp.

✓ **Thi công, xây lắp điện**

a. Giới thiệu chung

Xây lắp điện là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (TSA) trong xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển. Công ty chuyên thi công các dự án hạ tầng truyền tải điện, bao gồm: xây dựng đường dây truyền tải các cấp điện áp từ 110kV, 220kV đến 500kV; thi công trạm biến áp đến 500kV; lắp đặt kết cấu thép, hệ thống móng cột, kéo dây và lắp đặt thiết bị đồng bộ...

TSA thường đảm nhiệm vai trò nhà thầu thi công chính trong các dự án, với nhiều địa hình đa dạng từ đồng bằng, miền núi đến vùng sâu, vùng xa. Trong số các dự án tiêu biểu Trường Sơn đã và đang thực hiện, đáng chú ý là dự án đường dây 500 kV Nam Định I – Phố Nối, một trong những công trình trọng điểm quốc gia, được Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo trong giai đoạn 2023–2024. Công ty thực hiện thi công đoạn tuyến từ VT141 đến VT151, với chiều dài 3,641 km. Dự án do Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia làm chủ đầu tư, đóng vai trò kết nối Nhà máy Nhiệt điện Nam Định I với hệ thống truyền tải điện miền Bắc.

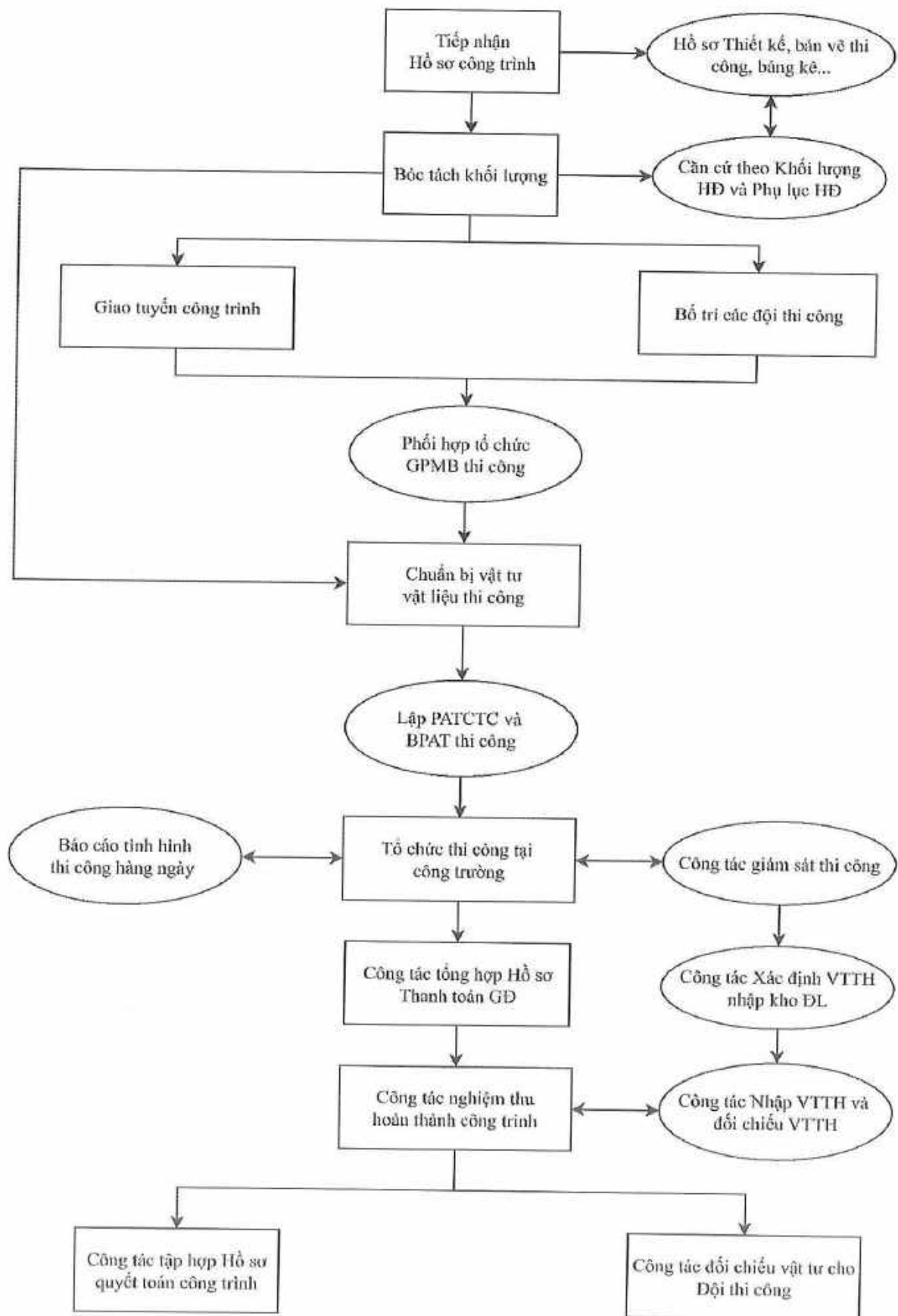
Một số công trình nổi bật khác của Trường Sơn có thể kể đến như:

- Dự án Đường dây 500kV Sông Hậu – Đức Hòa;
- Cải tạo nâng cấp đường dây 220kV NB Phả Lại - Bắc Giang 1 mạch thành 2 mạch;
- Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Tân Uyên (Bình Dương);
- Dự án Đường dây 110kV Bá Thiện;
- Đường dây 110 kV Long Xuyên 2 – An Châu – Cái Dầu;
- Gói thầu Dự án cấp điện lưới Quốc gia cho Đảo Rều, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Gói KFW-HNPC-DA-W01: Xây lắp Tiểu dự án Cải tạo lưới điện Hà Nội giai đoạn 3 - Huyện Đông Anh.

b. Quy trình thi công

Để tổ chức thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp, Ban lãnh đạo của Trường Sơn đã tổ chức rà soát, tổng kết và ban hành quy trình thực hiện các dự án thi công, xây lắp công trình điện và được mô tả qua sơ đồ sau:

Hình 8. Quy trình thực hiện thi công, xây lắp các công trình điện



(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

- **Diễn giải sơ đồ:**

- **Tiếp nhận hồ sơ công trình**

Khi có kết quả thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc có yêu cầu của lãnh đạo Công ty về thực hiện chuẩn bị thi công Công trình, Trường phòng kỹ thuật có giấy yêu cầu Phòng Xây dựng và Đấu thầu cung cấp toàn bộ hồ sơ của công trình cho Phòng Kỹ thuật, hồ sơ sau khi đã lấy được giao cho cán bộ kỹ thuật thuộc Phòng Kỹ thuật chịu trách nhiệm chế bản hồ sơ số lượng theo sự chỉ đạo của trường phòng. Theo đó, việc bảo quản, chế bản, cung cấp cho các đội thi công thuộc trách nhiệm của cán bộ Phòng Kỹ thuật hoặc trường phòng. Trong suốt quá trình thi công công trình nếu có bất cứ văn bản nào của Chủ đầu tư thì bộ phận xử lý tài liệu phải sao gửi cho Phòng Kỹ thuật người tiếp nhận là lãnh đạo phòng hoặc được lãnh đạo phòng ủy quyền.

- **Công tác bóc tách khối lượng chi tiết vật tư, thiết bị công trình**

Hồ sơ thiết kế sẽ được giao cụ thể cho cán bộ phụ trách thi công bóc tách toàn bộ khối lượng thi công, khối lượng chi tiết phải được thực hiện trên hệ thống Excel và gắn đường link từ bản chi tiết, nêu rõ địa chỉ và chuyển toàn bộ file đó cho lãnh đạo phòng phê duyệt. Sau khi lãnh đạo Phòng Kỹ thuật phê duyệt sẽ chuyển hồ sơ sang bộ phận phụ trách vật tư của Công ty để chuẩn bị đặt hàng.

- **Công tác tổ chức giao tuyến công trình**

Cán bộ phụ trách thi công sẽ liên hệ với bộ phận theo dõi của Chủ đầu tư để thực hiện giao tuyến công trình. Công tác giao tuyến cần thực hiện chi tiết đối với từng vị trí đặc biệt đối với các vị trí đào móng và chôn cột. Sau khi hoàn thành công tác giao tuyến công trình, cán bộ phụ trách thi công sẽ phải thực hiện đối chiếu lại với hồ sơ thiết kế với khối lượng đã bóc tách ban đầu để đối chiếu.

- **Công tác bố trí các đội thi công**

Sau khi thực hiện giao tuyến công trình và khối lượng công trình, chủ nhiệm công trình, Trường phòng kỹ thuật cùng Phó Tổng Giám đốc phụ trách sẽ cân đối và bố trí các đội thi công sao cho phù hợp và đảm bảo yêu cầu của dự án chuẩn bị triển khai. Chủ nhiệm công trình cần cung cấp đầy đủ các hồ sơ thiết kế thi công cần thiết và đầy đủ theo yêu cầu công việc của đội.

- **Tổ chức phối hợp cùng Chủ đầu tư GPMB thi công**

Tham gia phối hợp cùng Chủ đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để đảm bảo tiến độ thi công. Toàn bộ công việc liên quan đến bàn giao mặt bằng giữa Chủ đầu tư và đơn vị thi công cần phải được ký xác nhận giữa Chủ nhiệm công trình và đại diện của Chủ đầu tư.

- **Tổ chức chuẩn bị vật tư, vật liệu thi công**

Đơn vị thực hiện Dự án cần bám sát kế toán vật tư và nhà cung cấp vật tư để đảm bảo vật tư cung cấp cho công trình. Đồng thời, cán bộ phụ trách cần phải xây dựng kế hoạch sử dụng vật tư phù hợp để tránh tình trạng dư thừa hoặc thiếu hụt vật tư trong một thời điểm nhất định. Một số vật tư cần mua tại địa phương nơi Dự án được triển khai, Cán bộ dự án có trách nhiệm khảo sát giá thị trường, cung cấp hồ sơ vật tư về cho Phòng Kế toán để thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp vật tư tại địa phương.

- **Khảo sát, lập phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn thi công**

Căn cứ bản thiết kế thi công, cán bộ kỹ thuật liên hệ với đơn vị quản lý vận hành đường dây và TBA tại điểm công tác, phối hợp với đơn vị Quản lý vận hành để khảo sát hiện trường, lập biên bản khảo sát hiện trường chi tiết để làm căn cứ lập phương án thi công, từ đó đưa ra các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình thi công. Trong phương án thi công cần nêu rõ trách nhiệm thực hiện các công việc để đảm bảo an toàn cho đơn vị thi công.

- **Tổ chức thi công tại công trường**

Chủ nhiệm công trình và kỹ thuật thi công phải luôn bám sát công trình trong suốt quá trình thi công, theo dõi, điều tiết vật tư, nhân lực cũng như giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi công. Đồng thời, phải xây dựng kế hoạch, tiến độ thi công các hạng mục công việc theo từng ngày và bám sát theo dõi, luôn luôn phải có biện pháp đẩy nhanh tiến độ, luôn đảm bảo tiến độ công việc theo hợp đồng.

- **Báo cáo tình hình thi công tại công trường**

Công tác thi công trên công trường luôn phải được cập nhật hàng ngày (Ghi nhật ký, lập biên bản nghiệm thu công việc, chụp ảnh...) do Chủ nhiệm công trình hoặc kỹ thuật thi công tổng hợp. Hàng ngày, sau khi tổng hợp khối lượng thi công, CBKT phải làm báo cáo tình hình công việc theo mẫu gửi về cho lãnh đạo phòng và Phó Tổng Giám đốc phụ trách trước 22 giờ hàng ngày.

- **Xác định vật tư thu hồi nhập kho Điện lực**

Trong quá trình triển khai thi công đối với những công trình cải tạo, thay thế, sửa chữa,... Cán bộ phụ trách phải tiến hành lập biên bản xác định vật tư thu hồi nhập kho tại hiện trường, biên bản xác định vật tư phải ghi cụ thể từng loại vật tư, thiết bị, tình trạng, đặc điểm quy cách vật tư thiết bị.

- **Nhập vật tư thu hồi tại kho Điện lực**

Vật tư thu hồi do Đội thi công trực tiếp lưu giữ, bảo quản và nhập kho, sau khi thu hồi tại hiện trường, Cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm liên hệ với Thủ kho Điện lực để đặt lịch nhập kho và thực hiện theo sắp xếp, tránh chồng chéo trong việc nhập kho.

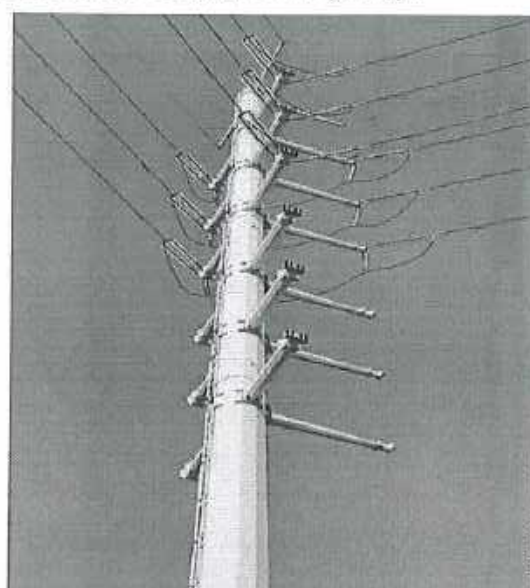
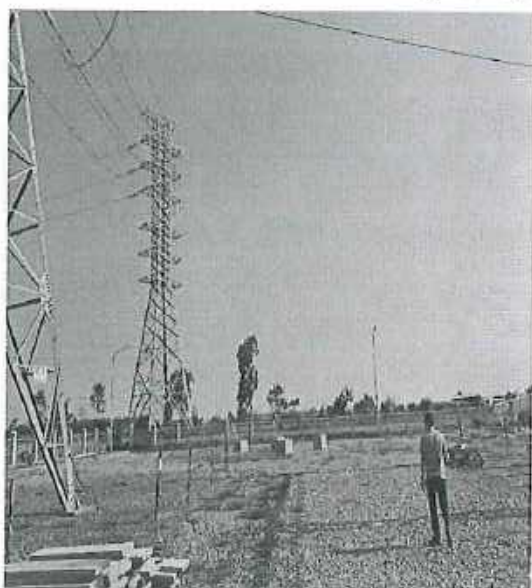
- **Hoàn thiện hồ sơ, thanh quyết toán công trình**

Chủ nhiệm công trình cần tập hợp hồ sơ pháp lý theo từng giai đoạn để tiến hành nghiệm thu, thanh quyết toán. Tất cả các mẫu hồ sơ trên cần thực hiện theo yêu cầu của Chủ đầu tư và phải có công tác làm việc xác nhận mẫu.

- **Đối chiếu vật tư, quyết toán nhân công cho đội thi công**

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình, phiếu xuất vật tư tại công trình cần phải có xác nhận của cán bộ phụ trách kỹ thuật. Thời gian đối chiếu không được chậm hơn 90 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đóng điện.

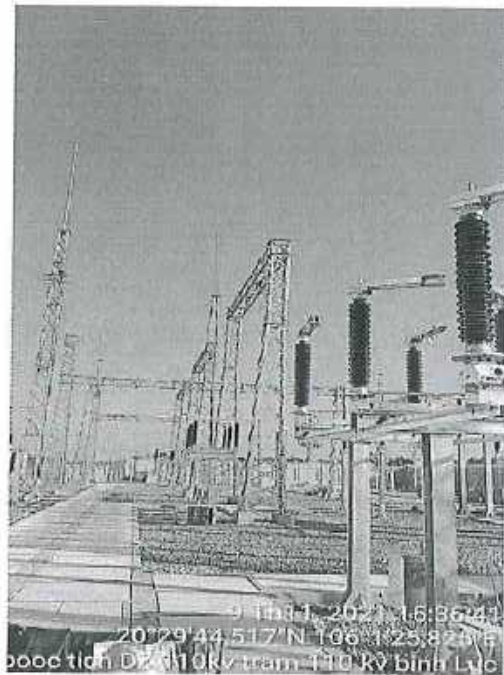
Hình 9. Hình ảnh một số dự án tiêu biểu mà Công ty đã thực hiện



Dự án Đường dây 110kV Bá Thiện



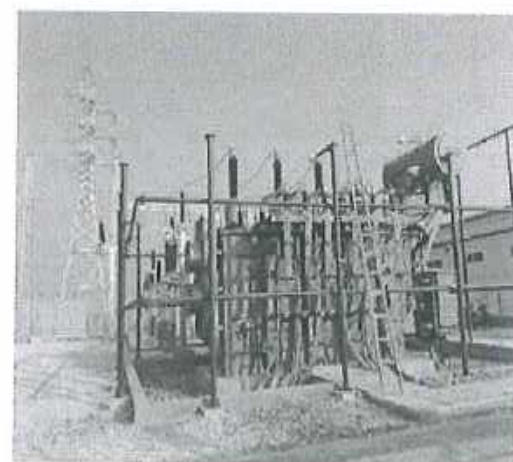
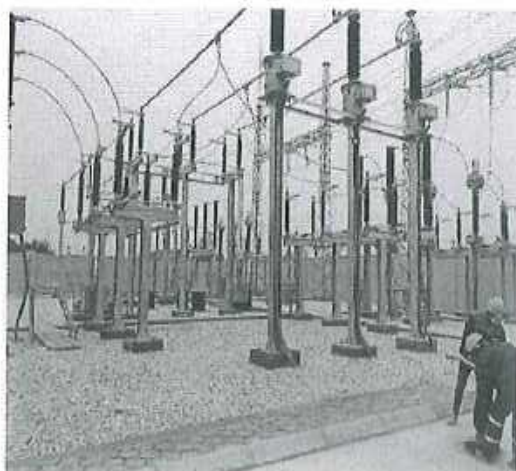
Dự án Đường dây 500kV Sông Hậu – Đức Hòa



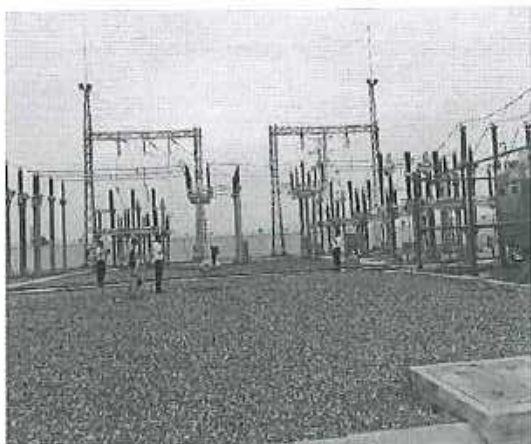
Trạm biến áp 110kV Bình Lục



Đường dây 110kV Chương Mỹ



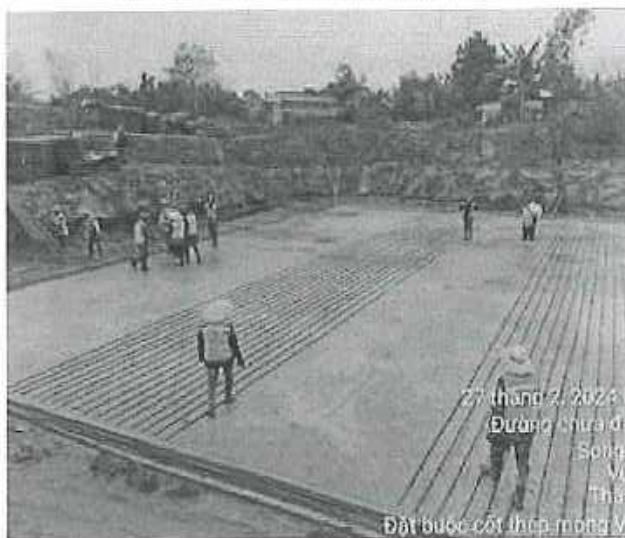
Trạm biến áp 110kV Đồng Văn 3



Trạm biến áp 110kV Kim Bàng



Dự án cấp điện lưới Quốc gia cho Đào Rều, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh



Xây lắp đường dây đoạn tuyến từ VT141 đến VT151 (bao gồm VT151) thuộc dự án: đường dây 500kv NMND Nam Định I – Phố Nối.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

c. Công nghệ áp dụng

✓ Nền tảng nhân sự và kỹ thuật

Đội ngũ nhân sự kỹ thuật chủ chốt phục vụ mảng công trình của TSA đã trải qua gần 10 năm gắn bó và đồng hành cùng Công ty, là lực lượng có trình độ đại học/cao đẳng chuyên ngành xây dựng được đào tạo bài bản, sở hữu kinh nghiệm thực tiễn qua nhiều dự án quy mô lớn và phần lớn đã đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

Bên cạnh yếu tố con người, Trường Sơn là một trong số ít đơn vị được Bộ Xây dựng cấp Giấy chứng nhận năng lực hoạt động xây dựng hạng I trong lĩnh vực thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 500kV (Giấy chứng nhận số 1034/XD-QLHD ngày 15/09/2023). Đây là minh chứng quan trọng, khẳng định năng lực pháp lý và chuyên môn của TSA trong việc tham gia các gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao.

✓ **Trang thiết bị và công nghệ hiện đại**

Công ty chủ động trong việc đầu tư và sở hữu hệ thống trang thiết bị chuyên dụng bao gồm: máy phát điện (7–75 kVA), máy trộn bê tông, máy đào bánh xích, tời máy dựng cột (5 tấn và 10 tấn), máy ép đầu cốt dây dẫn loại 100 tấn, cùng với các phương tiện vận tải đặc thù như xe tải tự đổ, xe tải mui kín tải trọng 6,4 tấn, xe tải có cầu thủy lực và xe goòng... Nguồn lực thiết bị này là cơ sở quan trọng giúp Công ty linh hoạt tổ chức thi công tại các địa bàn phức tạp, đáp ứng tốt các yêu cầu về tiến độ và chất lượng công trình.

TSA cũng tích cực áp dụng các giải pháp thi công tiên tiến nhằm giảm thiểu chi phí đền bù, hạn chế tác động tới hiện trạng mặt bằng và rút ngắn tiến độ triển khai. Cụ thể, trong công tác kéo dây trên không – giai đoạn thi công đường dây truyền tải điện, trong đó các dây dẫn được kéo và lắp đặt giữa các cột điện, Công ty sử dụng máy bay không người lái (drone) để kéo dây mồi và hệ thống máy hãm kéo dây chuyên dụng để giảm ảnh hưởng đến đất canh tác, đồng thời hạn chế phát sinh chi phí đền bù. Các thiết bị này được thuê theo từng công trình thông qua liên kết với các đơn vị sở hữu công nghệ, đồng thời Công ty cũng đã đưa một số thiết bị vào kế hoạch đầu tư để tăng tính chủ động hơn trong tương lai.

Trong thi công móng cột, bê tông thương phẩm được ưu tiên sử dụng để giảm hao hụt và rút ngắn thời gian thi công. Ngoài ra, các thiết bị cơ giới chuyên dụng như tời máy dựng cột có thể thi công trực tiếp tại các khu vực ruộng đồng, thay thế phương pháp thủ công truyền thống. Các thao tác lắp ráp kết cấu thép như siết bulông cũng đã được cơ giới hóa bằng súng bắn bulông chuyên dụng, giúp đẩy nhanh đáng kể tiến độ thi công.

➤ **Sản xuất các sản phẩm từ bê tông**

a. **Giới thiệu chung**

Nhằm mở rộng lĩnh vực hoạt động và tăng cường năng lực chủ động trong chuỗi cung ứng vật tư phục vụ xây lắp, từ năm 2010, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ trương đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành các dây chuyền sản xuất cột và cọc bê tông ly tâm dự ứng lực. Đây là dòng sản phẩm được ứng dụng rộng rãi trong các công trình năng lượng và hạ tầng kỹ thuật tại Việt Nam nhờ ưu điểm vượt trội về khả năng chịu tải, độ bền cơ học và tuổi thọ cao.

Các sản phẩm chính bao gồm:

- Cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực: Sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016, với đa dạng chủng loại từ chiều dài 6,5m đến 26m, tải trọng thiết kế từ 2,0 kN đến 35 kN, bao gồm cả cột 1 đoạn và cột 2–3 đoạn. Ngoài các loại cột tiêu chuẩn, TSA còn sản xuất các loại cột điện ngoài tiêu chuẩn (theo tiêu chuẩn TCCS 03:2023/TS do TSA ban hành) như cột PC/NPC 14m liên khối hoặc các loại cột nổi đặc biệt theo yêu cầu từng công trình;
- Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực: Với đường kính từ D300 đến D600, chiều dài từ 3m đến 15m, cấp tải từ A đến C, mô-men uốn nứt lên đến 284,5 kNm. Cọc được ứng dụng trong các công trình nền móng công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật.

Các sản phẩm này không chỉ được Công ty bán ra cho thị trường mà còn được sử dụng để phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp điện của Công ty, giúp chủ động nguồn cung, rút ngắn

thời gian triển khai và cung cấp các cấu kiện đặc chủng mà nhiều đơn vị khác chưa sản xuất được, như cột PC/NPC 14m liền khối hoặc các loại cột nối 2-3 đoạn dài từ 24 đến 26m.

Bảng 3. Danh mục các sản phẩm cột theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016

Stt	Chủng loại cột	Chiều dài cột (m)	Đường kính ngoài đầu cột (mm)	Đường kính ngoài đáy cột (mm)	Tải trọng (Kn)
1	PC, NPC-6.5	6.5	160	246	Từ 2,0 đến 4.3
2	PC, NPC-7	7	160	253	Từ 2,5 đến 5.0
3	PC, NPC-7,5	7.5	160	260	Từ 2,0 đến 5.4
4	PC, NPC-7,5	7.5	190	290	Từ 4.3 đến 6.0
5	PC, NPC-8	8	160	267	Từ 2,5 đến 5.0
6	PC, NPC-8,5	8.5	160	273	Từ 2,5 đến 4.3
7	PC, NPC-8,5	8.5	190	303	Từ 2,5 đến 5.0
8	PC, NPC-10	10	190	323	Từ 3,5 đến 5.0
9	PC, NPC-12	12	190	350	Từ 3,5 đến 10.0
10	PC, NPC-14	14	190	377	Từ 6,5 đến 13
11	PC, NPC-16	16	190	403	Từ 9.2 đến 13
12	PC, NPC-18	18	190	430	Từ 9.2 đến 13
13	PC, NPC-18	18	230	470	Từ 13 đến 15
14	PC, NPC-20	20	190	456	Từ 9.2 đến 14
15	PC, NPC-20	20	230	483	Từ 13 đến 15
16	PC, NPC-22	22	190	483	Từ 9.2 đến 14
17	PC, NPC-22	22	230	483	Từ 13 đến 15

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Bảng 4. Danh mục các sản phẩm cột theo TCCS 03:2023/TS

Stt	Loại cột (Ký hiệu cột)	Chiều dài cột (m)	Đường kính ngoài đầu cột (mm)	Đường kính ngoài đáy cột (mm)	Tải trọng (Kn)
1	PC, NPC 8,5	8.5	190	303	Từ 11 đến 13
2	PC, NPC 10	10	190	323	Từ 6.8 đến 13
3	PC, NPC 10	10	230	363	Từ 18 đến 24

Stt	Loại cột (Ký hiệu cột)	Chiều dài cột (m)	Đường kính ngoài đầu cột (mm)	Đường kính ngoài đáy cột (mm)	Tải trọng (Kn)
4	PC, NPC 12	12	190	350	13
5	PC, NPC 12	12	230	390	Từ 18 đến 24
6	PC, NPC 12	12	323	483	Từ 30 đến 35
7	PC, NPC 14	14	230	416	Từ 18 đến 24
8	PC, NPC 14	14	323	510	Từ 30 đến 35
9	PC, NPC 16	16	230	443	Từ 18 đến 24
10	PC, NPC 16	16	323	536	Từ 30 đến 35
11	PC, NPC 18	18	230	470	Từ 18 đến 24
12	PC, NPC 18	18	323	563	Từ 30 đến 35
13	PC, NPC 20	20	230	497	Từ 18 đến 24
14	PC, NPC 20	20	323	590	Từ 30 đến 35
15	PC, NPC 22	22	230	523	Từ 18 đến 24
16	PC, NPC 22	22	323	616	Từ 30 đến 35
17	PC, NPC 24	24	190	510	13
18	PC, NPC 24	24	230	510	Từ 13 đến 24
19	PC, NPC 26	26	190	537	13

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Bảng 5. Danh mục các sản phẩm cọc chính

Đường kính ngoài (D, mm)	Chiều dày thành cọc (d, mm)	Cấp tải	Mômen uốn nứt, (KN.m)	Ứng suất hữu hiệu (N/mm ²)	Khả năng bền cắt (KN)	Chiều dài cọc (L, m)
300	60	A	24,5	3,92	99,1	Từ 3 m đến 13 m
		B	34,3	7,85	125,6	
		C	39,2	9,81	136,4	
350	65	A	34,3	3,92	118,7	Từ 5 m đến 13 m
		B	49,0	7,85	150,1	
		C	58,9	9,81	162,8	
400	75	A	54,0	3,92	148,1	

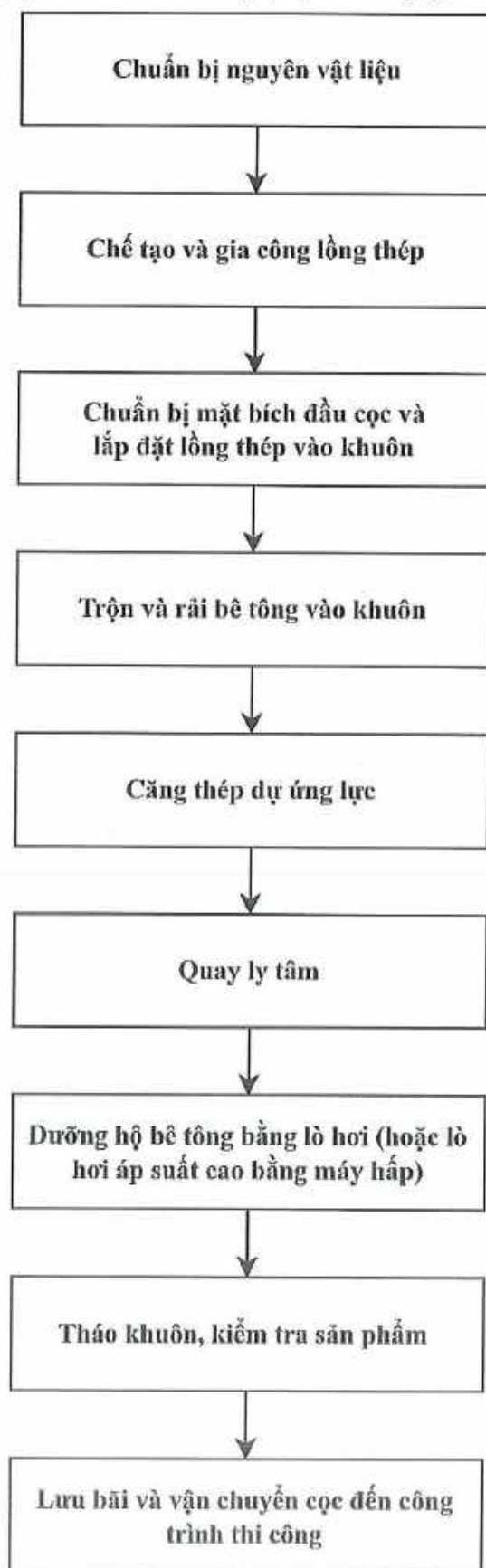
Đường kính ngoài (D, mm)	Chiều dày thành cọc (d, mm)	Cấp tải	Mômen uốn nứt, (KN.m)	Ứng suất hữu hiệu (N/mm ²)	Khả năng bền cắt (KN)	Chiều dài cọc (L, m)
450	80	B	73,6	7,85	187,4	Từ 5 m đến 15 m
		C	88,3	9,81	204,0	
		A	73,6	3,92	180,5	Từ 5 m đến 15 m
		B	107,9	7,85	227,6	
		C	122,6	9,81	248,2	
		A	103,0	3,92	228,6	Từ 5 m đến 15 m
500	90	B	147,2	7,85	288,4	
		C	166,8	9,81	313,9	
		A	166,8	3,92	311,0	Từ 5 m đến 15 m
600	100	B	24,2	7,85	392,4	
		C	284,5	9,81	427,7	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

b. Quy trình sản xuất

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Hình 10. Quy trình sản xuất cọc, cột bê tông ly tâm dự ứng lực



(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

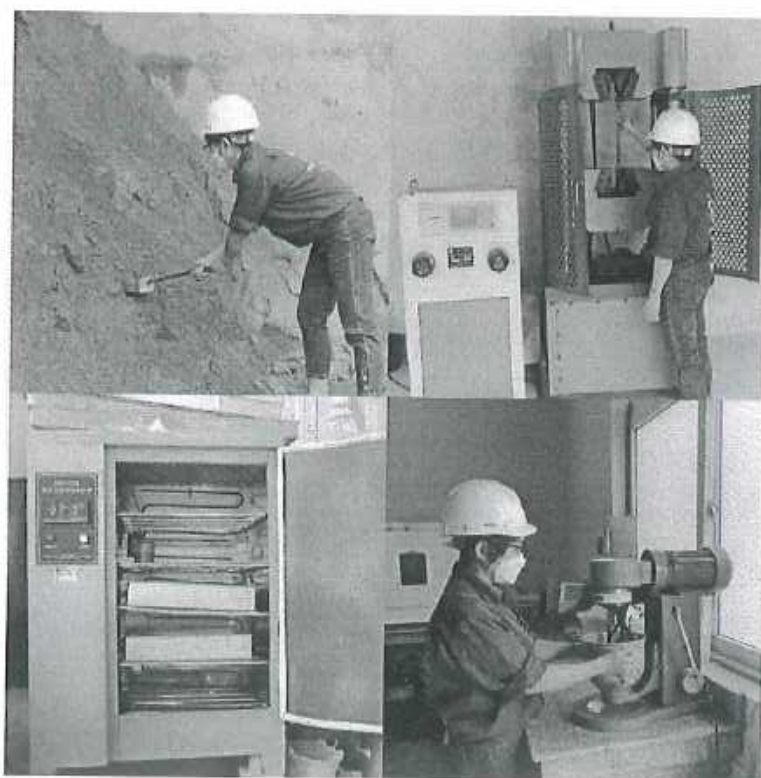
➤ **Diễn giải sơ đồ**

Bước 1: Chuẩn bị nguyên vật liệu.

Vật liệu dùng trong quy trình sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực phải đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật theo các tiêu chuẩn hiện hành, đồng thời đáp ứng các yêu cầu bổ sung của khách hàng khi thiết kế cọc. Vật liệu sẽ được kiểm soát bằng các máy móc, thiết bị của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Las-XD 1184 đã được Bộ Xây dựng cấp phép.



Nơi tập kết vật liệu



Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu

Bước 2: Chế tạo và gia công lồng thép.

Cốt thép chủ được nắn thẳng cắt đúng kích thước, đảm bảo thép đúng chủng loại của bản vẽ thiết kế.



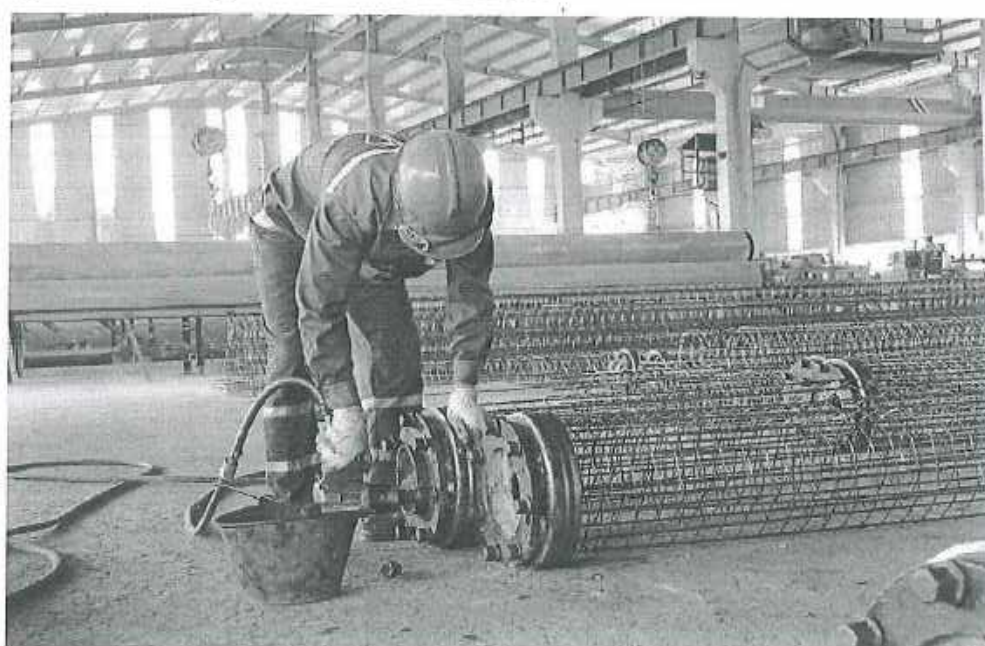
Cốt thép đai được kéo thẳng bằng tời, cắt bằng kim cộng lực theo đúng kích thước thiết kế.





Bước 3: Chuẩn bị mặt bích đầu cọc và lắp đặt lồng thép vào khuôn

Thép đai liên kết với thép chủ bằng dây thép buộc 1 ly, khoảng cách giữa các cốt đai buộc đúng yêu cầu của bản vẽ thiết kế. Thép chủ được liên kết với bích bằng các lỗ me. Bích đầu cọc được gia công đảm bảo đúng theo kích thước thiết kế.



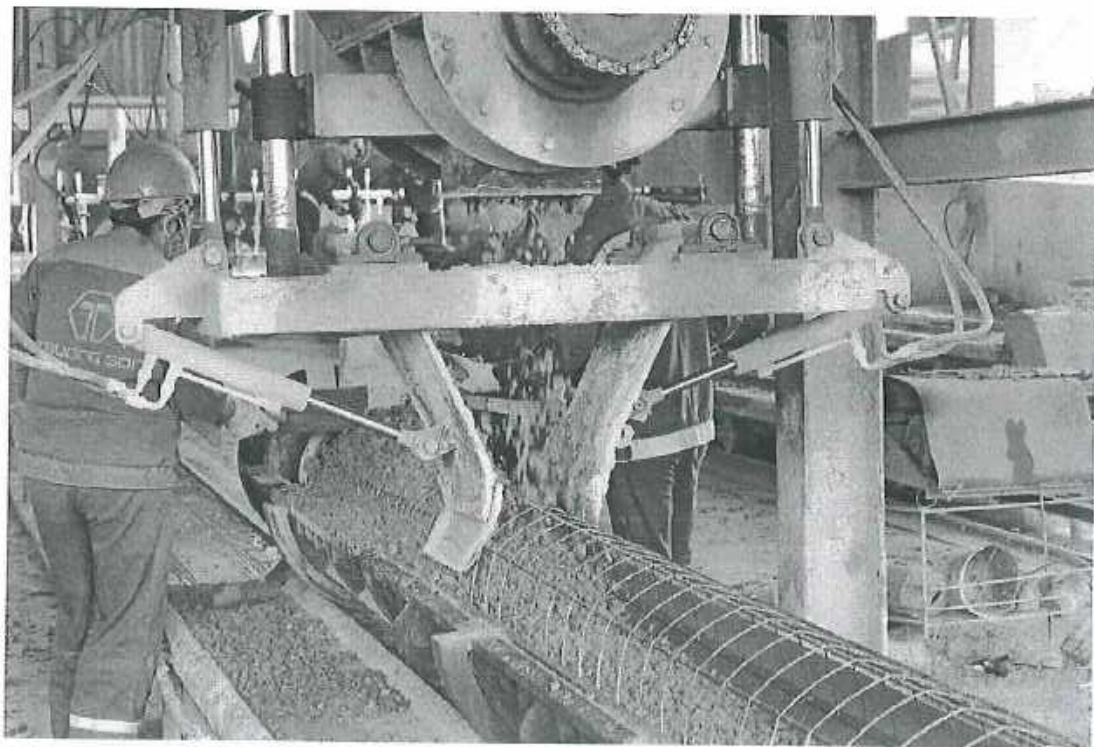
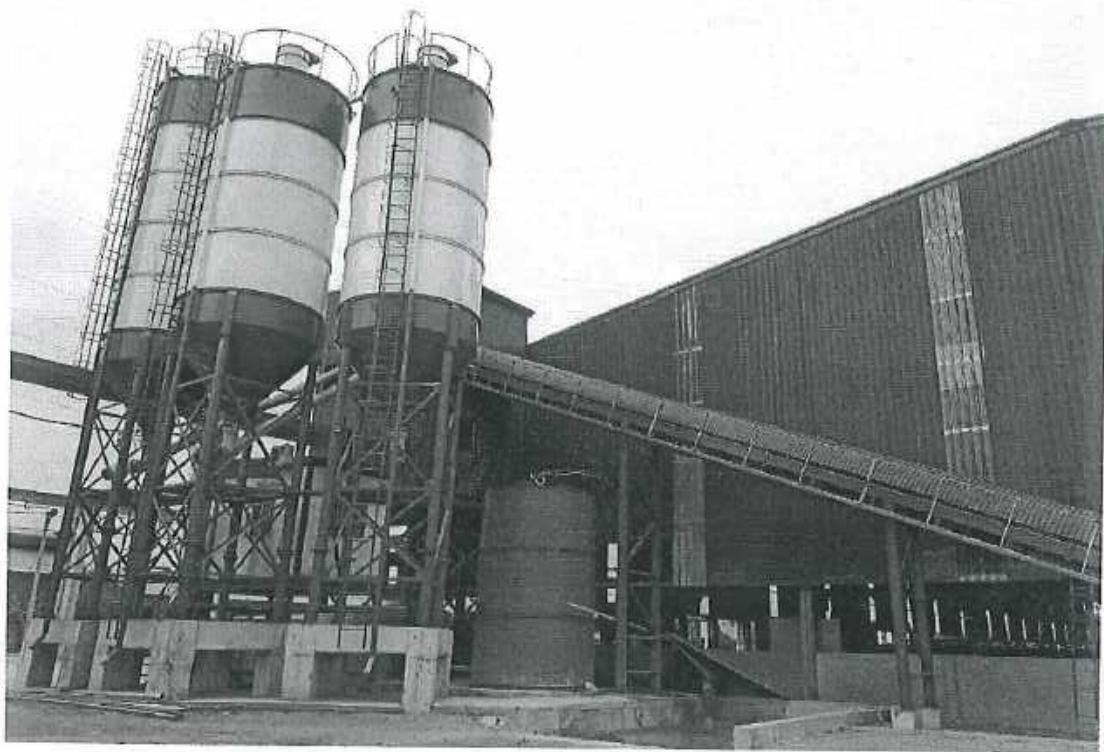


Lồng thép sau khi lắp đặt vào khuôn phải được định vị chính xác và chắc chắn đảm bảo không bị xô dịch hoặc biến dạng trong lúc đổ bê tông.



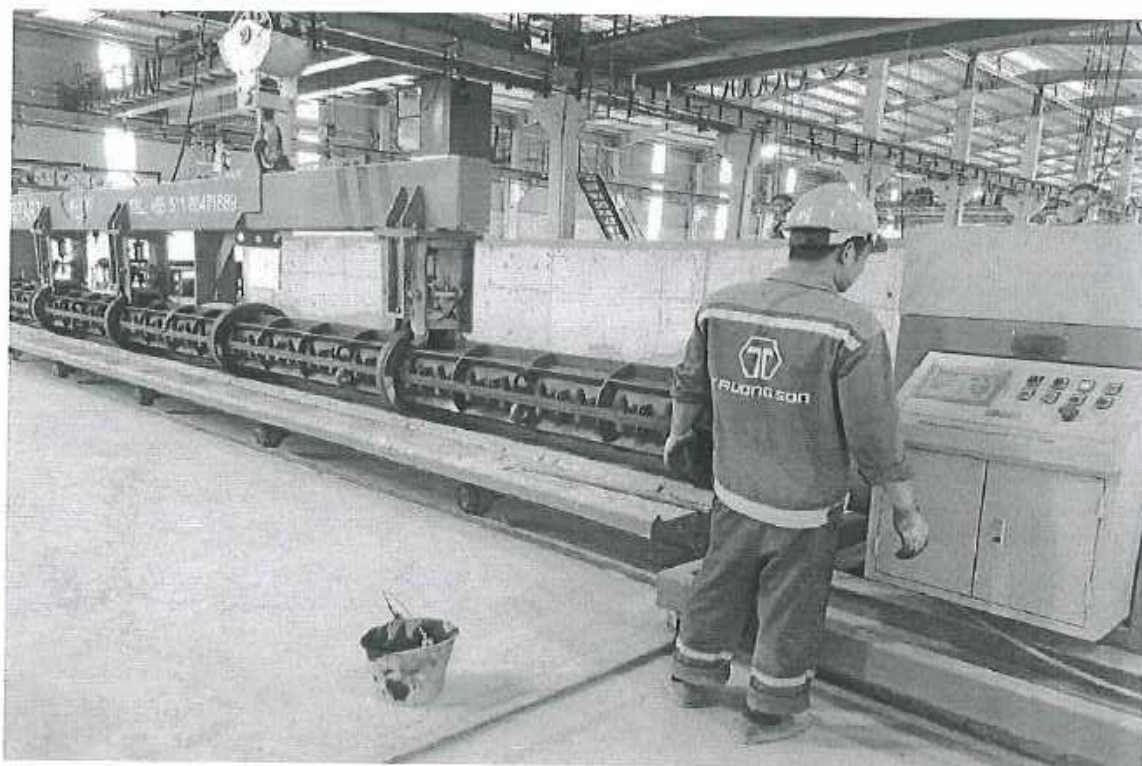
Bước 4: Trộn và rải bê tông vào khuôn.

Bê tông đúc cọc phải được phối trộn bằng hệ thống máy móc, cân tự động đúng theo tỉ lệ cấp phối, thời gian trộn theo đúng quy định của cán bộ kỹ thuật của công ty.



Bước 5: Căng thép dự ứng lực.

Là bước ứng lực trước cho cọc bê tông li tâm theo các ứng suất theo thiết kế để có các moment kháng uốn khi đi vào sử dụng. Các kết quả kéo thép được lưu tại phòng thí nghiệm.



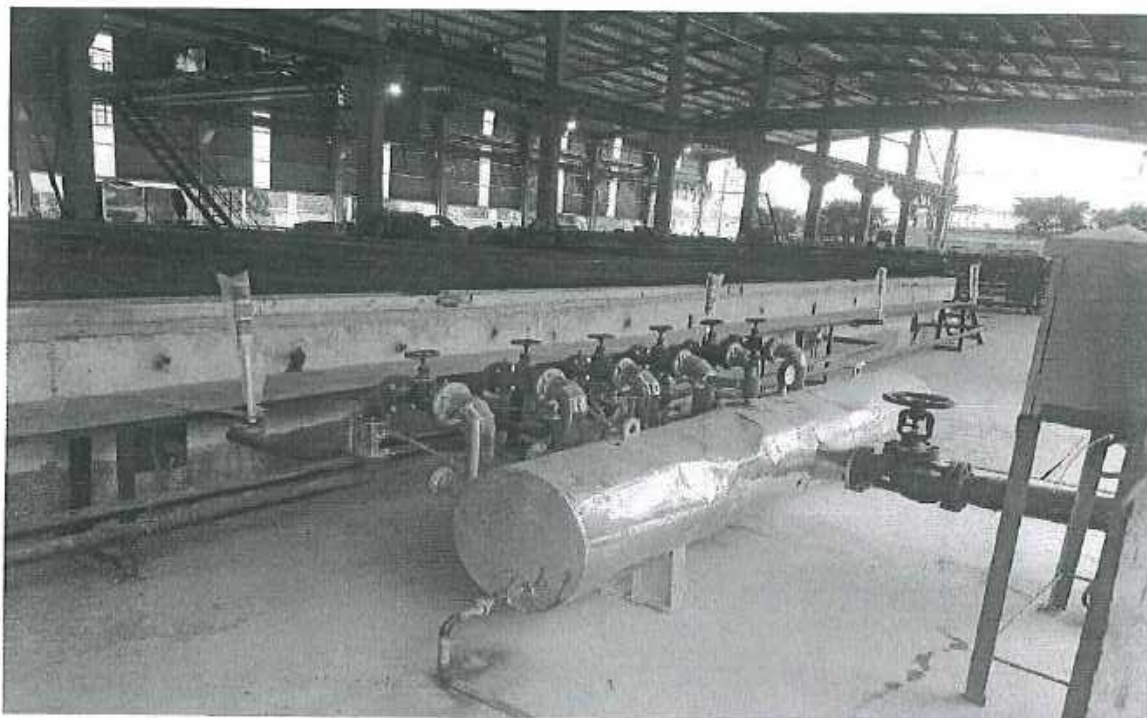
Bước 6: Quay ly tâm.

Đây là bước rất quan trọng để lèn chặt bê tông. Thông thường có 4 cấp độ quay để cộc đạt được chất lượng như thiết kế.



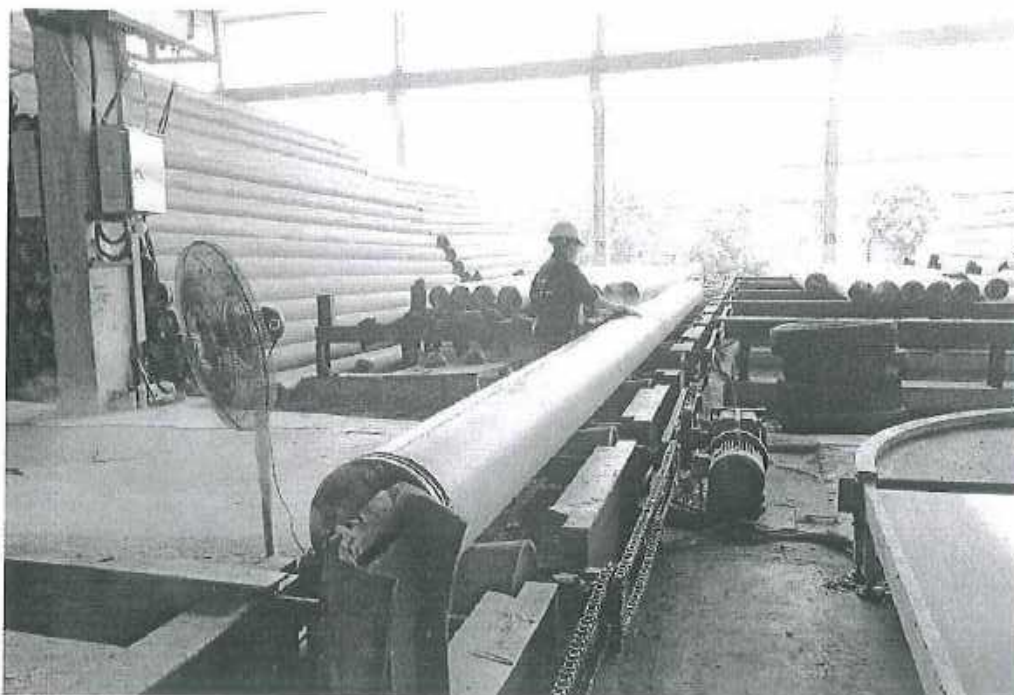
Bước 7: Dưỡng hộ bê tông bằng lò hơi (hoặc lò hơi áp suất cao bằng máy hấp).

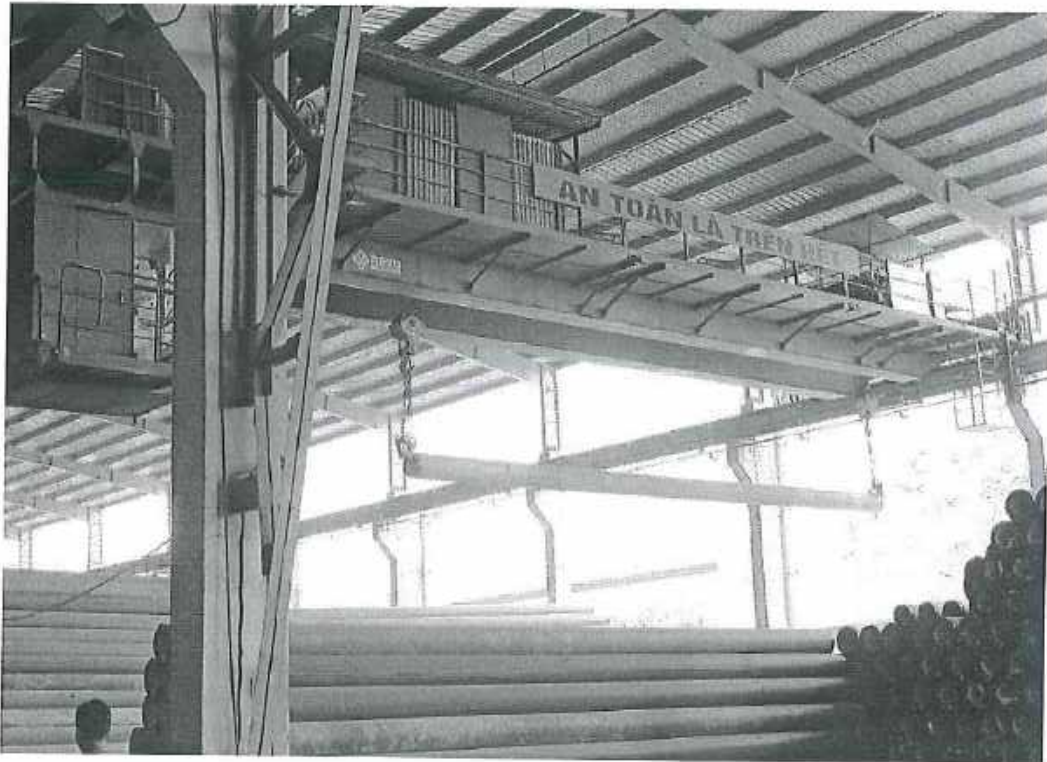
Đây là bước đưa cộc vào lò hơi hấp ở nhiệt độ dao động khoảng $100^{\circ}\text{C} \pm 20$ để quyết định tháo khuôn. Hơi nước nóng sẽ đẩy nhanh quá trình thủy hóa bê tông ở môi trường nhiệt độ cao.



Bước 8: Tháo khuôn, kiểm tra sản phẩm.

Trong bước này chúng ta sẽ kiểm tra và phân loại các loại cọc đúng chất lượng hoặc các lỗi cần lưu ý khác.





Bước 9: Lưu bãi và vận chuyển cọc đến công trình thi công.



c. Công nghệ áp dụng

Công ty hiện đang vận hành hai dây chuyền sản xuất cọc với công suất khoảng 25.000 cọc/năm và một nhà máy sản xuất cọc với công suất đạt 1.000.000 mét dài/năm. Toàn bộ sản phẩm

của TSA đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam, bao gồm: TCVN 7888:2014, TCVN 5847:2016, TCCS 01-2014/BTTS và TCCS 02-2022/TS.

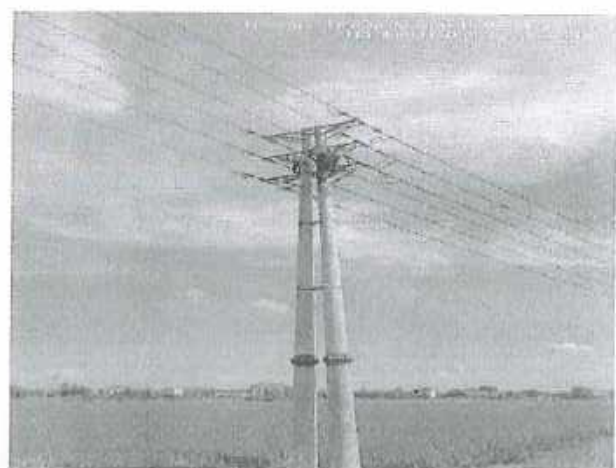
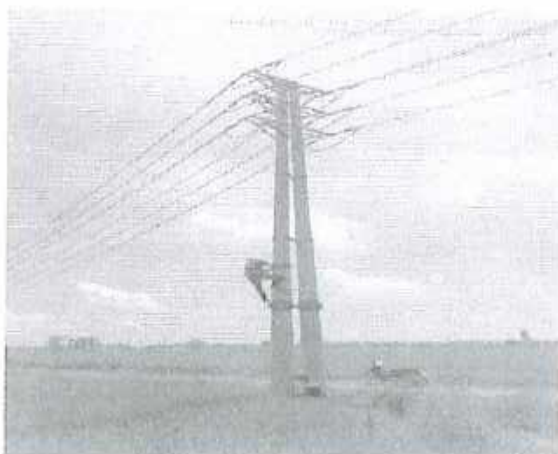
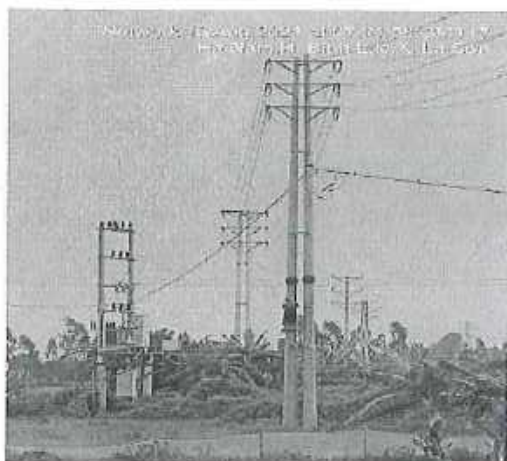
➤ **Công nghệ sản xuất mà TSA áp dụng bao gồm:**

- Sử dụng bê tông mác cao kết hợp với thép dự ứng lực;
- Phương pháp quay ly tâm nhằm tăng khả năng chịu tải, tăng mô-men uốn và giảm khối lượng sản phẩm;
- Sử dụng hơi nước nóng để thúc đẩy quá trình thủy hóa xi măng, giúp rút ngắn thời gian đông kết và tăng cường độ bê tông nhanh chóng.

Sản phẩm của Công ty nhờ vậy có nhiều lợi thế cạnh tranh: giảm giá thành nhờ tối ưu hóa vật liệu, tiến độ sản xuất và thi công nhanh, chất lượng đồng đều và ổn định, khối lượng nhẹ giúp tiết giảm chi phí vận chuyển.

Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường, TSA đã lên kế hoạch đầu tư thêm dây chuyền sản xuất cọc bê tông ly tâm mới, với công suất thiết kế khoảng 1.200.000 mét dài/năm, đường kính từ D300 đến D600. Hiện nay, Công ty đang hoàn thiện các bước thiết kế và lựa chọn nhà cung cấp thiết bị phù hợp.

Hình 11. Hình ảnh một số sản phẩm bê tông công ty đã sản xuất



(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

✓ **Đầu tư và khai thác hệ thống điện mặt trời áp mái**

Xuất phát từ nhu cầu tiết giảm chi phí điện năng, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ trương đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái trên toàn bộ diện tích khu nhà xưởng và văn phòng, với tổng công suất lắp đặt đạt 1MW. Sản lượng điện tạo ra chủ yếu được dùng để phục vụ cho các hoạt động nội bộ, phần dư thừa (nếu có) mới được đấu nối và bán thương mại theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Việc đưa vào vận hành đã giúp Công ty chủ động hơn về nguồn năng lượng sử dụng cho các nhà máy, hạn chế gián đoạn do mất điện, đồng thời cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân nhờ hiệu ứng làm mát mái nhà, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất.

Ngày 20/11/2020, TSA ký kết thỏa thuận đấu nối với Công ty Điện lực Hà Nam, và đến ngày 29/12/2020 đã hoàn tất hợp đồng mua bán điện. Tuy có phát sinh một phần sản lượng bán ra, nhưng hoạt động này chỉ mang tính chất bổ trợ nhằm giúp giảm thiểu chi phí sản xuất và chưa được xem là định hướng khai thác thương mại của Công ty ở thời điểm hiện tại.

Ban lãnh đạo tiếp tục theo dõi hiệu quả vận hành hệ thống, đồng thời cân nhắc mở rộng quy mô đầu tư khi điều kiện thị trường và nội lực cho phép, phù hợp với xu thế sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất công nghiệp.

10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động kinh doanh thường xuyên, diễn ra liên tục trong suốt cả năm và không mang tính thời vụ.

10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

➤ Giá trị các hợp đồng xây lắp tiêu biểu giai đoạn từ 2023 tới nay

Bảng 6. Giá trị các hợp đồng thi công xây lắp tiêu biểu

Stt	Tên gói thầu/hợp đồng	Doanh thu	Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Vai trò của TSA
I	Năm 2023				
1	Gói thầu NPC-KFW3-110BL-W05 Xây lắp đường dây và trạm biến áp 110kV Bình Lục	7.830.888.619	21/04/2020	10/06/2024	Nhà thầu chính
2	Nâng khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 220kV Phủ Lý -TBA 110kV Châu Sơn - TBA 110kV Phủ Lý - TBA 110kV Thạch Tổ	42.476.275.171	21/12/2022	25/12/2023	Nhà thầu chính
3	Đường dây và TBA 110kV Nhân Mỹ, tỉnh Hà Nam	42.386.216.594	21/12/2022	28/11/2023	Nhà thầu chính
4	Nâng cao năng lực truyền tải đường dây 110kV TBA 220kV Việt Trì - TBA 110kV Bắc Việt	30.399.595.518	25/11/2022	14/11/2023	Nhà thầu chính

Stt	Tên gói thầu/hợp đồng	Doanh thu	Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Vai trò của TSA
	Trì - TBA 110kV Thụy Vân, tỉnh Phú Thọ.				
5	Xây dựng XT 22, 35kV sau TBA 110kV Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân	8.682.252.559	09/10/2023	24/01/2024	Nhà thầu chính
6	Các hợp đồng khác	40.094.868.095	-	-	-
Tổng doanh thu từ hoạt động xây lắp		171.870.096.556	-	-	-
II	Năm 2024				
1	Công trình: Đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I - Phố Nối (*)	69.988.012.513	29/01/2024	10/03/2025	Nhà thầu chính
2	Gói thầu 06: Thi công ĐZ 110kV Đồng Văn - Lý Nhân thuộc Dự án: Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV Đồng Văn - Lý Nhân (*)	11.944.833.404	20/01/2022	Đang thi công	Nhà thầu chính
3	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (*)	41.612.437.960	11/10/2023	Đang thi công	Nhà thầu chính
4	Xây lắp đường dây 110KV và TBA 110KV Dự án đường dây và TBA 110KV Thịnh Long	24.865.559.584	14/12/2021	Đang thi công	Nhà thầu chính
5	Cải tạo đường dây 110kV Nam Ninh – Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	16.987.063.400	15/12/2023	Đang thi công	Nhà thầu chính
6	Gói thầu số 16: Xây lắp đường dây và mở rộng ngăn lộ (bao gồm lắp đặt và thí nghiệm cáp ngầm) thuộc Dự án: Cải tạo đường dây 220kV Nhiệt điện Phả Lại - Bắc Giang 1 mạch thành 2 mạch (*)	13.781.149.773	08/09/2023	Đang thi công	Nhà thầu chính
7	Gói KFW-HNPC-DA-W01: Xây lắp Tiểu dự án Cải tạo lưới điện Hà Nội giai đoạn 3 - Huyện Đông Anh	23.424.076.778	29/12/2023	Đang thi công	Nhà thầu chính
8	Xây dựng ĐZ và TBA khu vực huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên bổ sung năm 2023	9.468.800.014	20/12/2023	30/08/2024	Nhà thầu chính

Stt	Tên gói thầu/hợp đồng	Doanh thu	Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Vai trò của TSA
9	Cải tạo lộ 971 TG Nga Liên lên vận hành 22kV (xóa TG Nga Liên), tỉnh Thanh Hóa	9.413.859.547	12/12/2023	02/04/2024	Nhà thầu chính
10	Thi Công xây dựng công trình điện các xã: An Bình, Thống Nhất, Đồng Tâm và Hưng Thi, huyện Lạc Thủy	9.034.354.353	28/12/2022	Đang thi công	Nhà thầu chính
11	Gói 07-LXACCD: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt VTTB công trình : Đường dây 110kV Long Xuyên 2 – An Châu – Cái Dầu (bao gồm thí nghiệm đo thông số đường dây) - Công trình : Đường dây 110kV Long Xuyên 2 – An Châu – Cái Dầu (*)	61.100.824.558	26/09/2023	Đang thi công	Nhà thầu chính
12	Cải tạo, nâng cấp dz 22kv lộ 479+481 E3.17 và lộ 479 E3.10 để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện ... giảm tổn thất điện năng (*)	8.490.189.500	08/11/2024	14/02/2025	Nhà thầu chính
13	Các Hợp đồng khác	62.913.831.558	-	-	-
Tổng doanh thu từ hoạt động xây lắp		363.024.992.942	-	-	-
III	9 tháng đầu năm 2025				
1	Công trình: Đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I – Phố Nối (*)	810.265.899	29/01/2024	10/03/2025	Nhà thầu chính
2	Cải tạo, nâng cấp dz 22kv lộ 479+481 E3.17 và lộ 479 E3.10 để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện ...giảm tổn thất điện năng (*)	1.565.823.508	08/11/2024	14/02/2025	Nhà thầu chính
3	Công trình: Đường dây 500kV Đức Hòa – Chơn Thành	2.110.977.801	10/11/2021	Đang thi công	Nhà thầu phụ
4	Dự án/công trình Đường dây 110kV Tịnh Biên - Hà Tiên.	36.659.945.951	13/03/2024	Đang thi công	Nhà thầu chính

Stt	Tên gói thầu/hợp đồng	Doanh thu	Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Vai trò của TSA
5	Nâng cao chất lượng lưới điện trung hạ áp năm 2024 – 2025 cho các TBA CC khu vực phía đông TX Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam	9.119.262.398	10/12/2024	Đang thi công	Nhà thầu chính
6	Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực các xã Công Lý, Đức Lý..., huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam	5.982.814.375	10/12/2024	Đang thi công	Nhà thầu chính
7	Lộ ra 110kV trạm 220kV Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (*)	6.952.020.915	11/10/2023	Đang thi công	Nhà thầu chính
8	Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực phía Đông Nam huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	8.401.913.788	20/11/2024	Đang thi công	Nhà thầu chính
9	Gói thầu số 16: Xây lắp đường dây và mở rộng ngăn lộ (bao gồm lắp đặt và thí nghiệm cáp ngầm) thuộc Dự án: Cải tạo đường dây 220kV Nhiệt điện Phả Lại - Bắc Giang 1 mạch thành 2 mạch (*)	8.078.265.057	08/09/2023	Đang thi công	Nhà thầu chính
10	Gói thầu: Gói 03 – Xây lắp và mua sắm VTTB thuộc dự án: Cải tạo lộ 371 E28.8 nâng cao khả năng truyền tải và độ tin cậy cung cấp điện cho huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	7.638.370.300	10/03/2025	Đang thi công	Nhà thầu chính
11	Gói 07-LXACCD: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt VTTB công trình: Đường dây 110kV Long Xuyên 2 – An Châu – Cái Dầu (bao gồm thí nghiệm đo thông số đường dây) - Công trình : Đường dây	42.040.719.700	26/09/2023	Đang thi công	Nhà thầu chính

Stt	Tên gói thầu/hợp đồng	Doanh thu	Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Vai trò của TSA
	110kV Long Xuyên 2 – An Châu – Cái Dầu (*)				
12	Gói thầu 06: Thi công ĐZ 110kV Đồng Văn - Lý Nhân thuộc Dự án: Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV Đồng Văn - Lý Nhân (*)	13.668.272.819	20/01/2022	Đang thi công	Nhà thầu chính
13	Khác	25.493.167.791	-	-	-
Tổng doanh thu từ hoạt động xây lắp		168.521.820.302	-	-	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

(*) Đây là các gói thầu/hợp đồng được triển khai và nghiệm thu theo tiến độ hoàn thành công việc của các Công trình/Dự án, do đó doanh thu được ghi nhận có thể kéo dài qua các năm tài chính khác nhau.

➤ Sản lượng cột, cọc bê tông trong giai đoạn từ năm 2023 đến nay

Bảng 7. Sản lượng thành phẩm cột bê tông giai đoạn từ năm 2023 đến nay và doanh thu tương ứng từng thời điểm

Đơn vị: Chiếc

Stt	Sản phẩm	Năm 2023		Năm 2024		% thay đổi sản lượng 2024/2023	9 tháng đầu năm 2025	
		Sản lượng (chiếc)	Doanh thu (đồng)	Sản lượng (chiếc)	Doanh thu (đồng)		Sản lượng (chiếc)	Doanh thu (đồng)
1	Cột bê tông	17.364	97.538.323.568	18.782	106.654.845.774	8,17	11.545	67.909.461.986
Tổng		17.364	97.538.323.568	18.782	106.654.845.774	8,17	11.545	67.909.461.986

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Bảng 8. Sản lượng thành phẩm cọc bê tông giai đoạn từ năm 2023 đến nay và doanh thu tương ứng từng thời điểm

Đơn vị: mét dài

Stt	Sản phẩm	Năm 2023		Năm 2024		% thay đổi sản lượng 2024/2023	9 tháng đầu năm 2025	
		Sản lượng (mét dài)	Doanh thu (đồng)	Sản lượng (mét dài)	Doanh thu (đồng)		Sản lượng (mét dài)	Doanh thu (đồng)
1	Cọc bê tông	297.123,1	71.896.242.300	769.614	164.090.708.600	159,02	533.362	144.506.489.750
Tổng		297.123,1	71.896.242.300	769.614	164.090.708.600	159,02	533.362	144.506.489.750

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

➤ Sản lượng điện mặt trời áp mái bán ra

Bảng 9. Doanh thu, sản lượng điện mặt trời bán ra trong giai đoạn từ năm 2023 đến nay

Stt	Sản phẩm	Năm 2023	Năm 2024	% thay đổi năm 2024/2023 (%)	9 tháng đầu năm 2025
1	Sản lượng điện mặt trời bán ra (Kwh)	764.170	406.076	(46,86)	178.155
2	Doanh thu điện mặt trời bán ra (đồng)	1.511.528.260	811.745.924	(46,29)	363.260.084

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Hệ thống điện mặt trời áp mái của Công ty chủ yếu được sử dụng để phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, trong năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025, khi công suất sản xuất tại các nhà máy tăng, phần lớn sản lượng điện mặt trời đã được sử dụng nội bộ, dẫn đến sản lượng điện bán vào lưới điện quốc gia giảm.

➤ Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong năm 2023, năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025

Bảng 10. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp các mảng kinh doanh năm 2023, năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
I	Doanh thu thuần	369.214.890.229	100,00	652.666.751.902	100,00	442.051.565.125	100,00
1	Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	197.344.793.673	53,45	291.051.733.283	44,59	273.530.105.123	61,88
2	Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	171.870.096.556	46,55	361.615.018.619	55,41	168.521.460.002	38,12
II	Giá vốn hàng bán	325.946.441.324	88,28	593.252.259.362	90,90	398.713.297.111	90,20
1	Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	166.625.825.755	45,13	261.806.214.226	40,11	247.273.039.049	55,94
2	Giá vốn hoạt động xây lắp	159.320.615.569	43,15	331.446.045.136	50,78	151.440.258.062	34,26
III	Lợi nhuận gộp	43.268.448.905	11,72	59.414.492.540	9,10	43.338.268.014	9,80
1	Lợi nhuận gộp hoạt động bán hàng hóa và thành phẩm	30.718.967.918	8,32	29.245.519.057	4,48	26.257.066.074	5,94
2	Lợi nhuận gộp hoạt động xây lắp	12.549.480.987	3,40	30.168.973.483	4,62	17.081.201.940	3,86

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

Bảng 11. Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp của TSA giai đoạn 2023 - 2024

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tốc độ tăng trưởng (%)
I	Doanh thu thuần	369.214.890.229	652.666.751.902	76,77

Stt	Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tốc độ tăng trưởng (%)
1	Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	197.344.793.673	291.051.733.283	47,48
2	Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	171.870.096.556	361.615.018.619	110,40
II	Giá vốn hàng bán	325.946.441.324	593.252.259.362	82,01
1	Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	166.625.825.755	261.806.214.226	57,12
2	Giá vốn hoạt động xây lắp	159.320.615.569	331.446.045.136	108,04
III	Lợi nhuận gộp	43.268.448.905	59.414.492.540	37,32
1	Lợi nhuận gộp hoạt động bán hàng hóa và thành phẩm	30.718.967.918	29.245.519.057	(4,80)
2	Lợi nhuận gộp hoạt động xây lắp	12.549.480.987	30.168.973.483	140,40

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Trong năm 2024, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 652,66 tỷ đồng, tăng 76,77% so với năm 2023 (369,21 tỷ đồng). Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ hoạt động xây lắp, với mức tăng hơn 110%, chủ yếu đến từ việc thi công xây lắp đường dây 500KV mạch 3 đoạn tuyến từ VT141 đến VT151, trong khi doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm chỉ tăng khoảng 47,48%. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp bình quân toàn Công ty giảm từ 11,72% năm 2023 xuống còn 9,10% năm 2024. Nguyên nhân chính bao gồm:

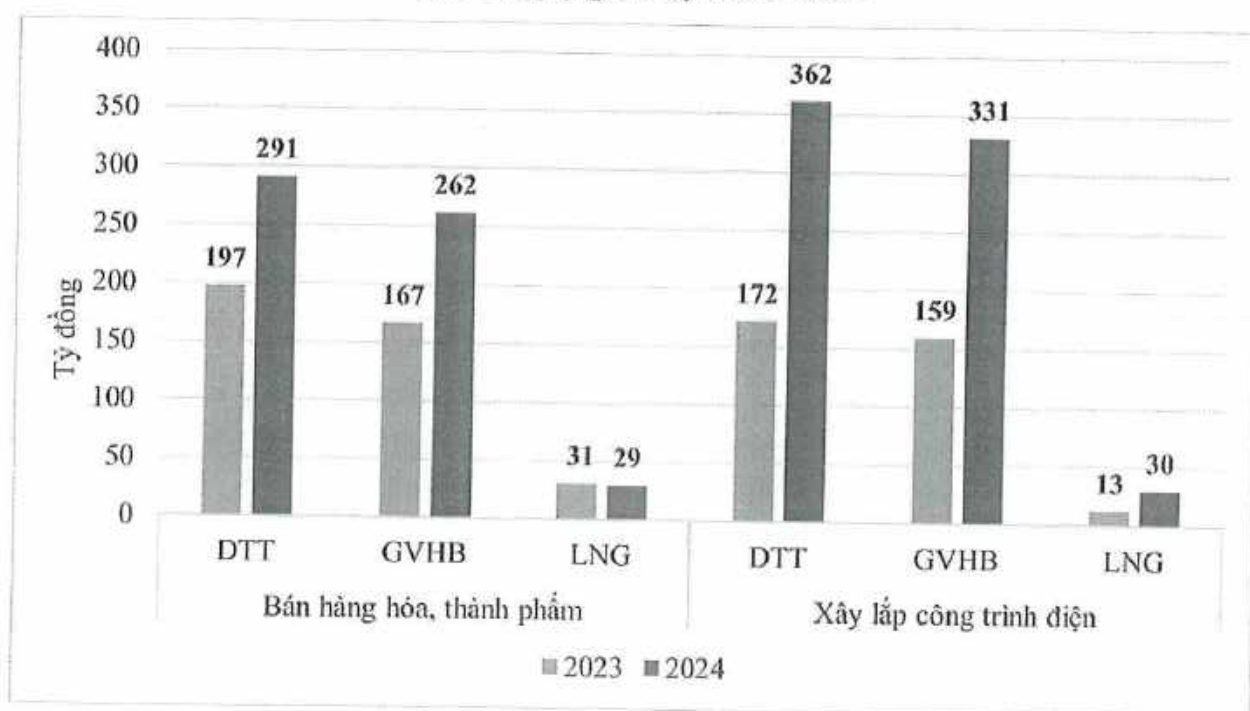
- Cơ cấu doanh thu thay đổi: Biên lợi nhuận gộp của mảng xây lắp (trung bình 4,01%) thường thấp hơn so với mảng kinh doanh sản phẩm bê tông (hàng hóa, thành phẩm) (trung bình 6,40%). Sau đó, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động xây lắp tăng từ 46,55% (năm 2023) lên 55,41% (năm 2024). Sự dịch chuyển này đã kéo theo tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần của Công ty giảm so với năm trước.
- Biên lợi nhuận mảng bán hàng hóa, thành phẩm giảm từ 8,32% (năm 2023) xuống còn 4,48% (năm 2024), chủ yếu do chi phí đầu vào gia tăng trong bối cảnh giá nguyên vật liệu biến động, cùng với áp lực cạnh tranh trên thị trường.
- Tốc độ tăng giá vốn hàng bán (90,20%) cao hơn tốc độ tăng doanh thu thuần (76,77%), dẫn tới mức cải thiện lợi nhuận gộp không tương xứng.

Như vậy, mặc dù doanh thu tăng trưởng, biên lợi nhuận gộp giảm phản ánh đặc thù cơ cấu doanh thu chuyển dịch sang lĩnh vực xây lắp và ảnh hưởng từ yếu tố chi phí. Công ty đang định hướng tập trung kiểm soát chi phí, đồng thời lựa chọn các dự án xây lắp có tỷ suất lợi nhuận cao hơn để cải thiện biên lợi nhuận trong các kỳ tới.

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2025, Trường Sơn ghi nhận doanh thu thuần ở mức 442,05 tỷ đồng, tăng 31,27% so với cùng kỳ năm 2024. Lợi nhuận gộp đạt 43,33 tỷ đồng, tăng 26,72% so với cùng kỳ năm 2024. Mảng bán hàng hóa và thành phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, với 273,53 tỷ đồng (chiếm 61,88% trên doanh thu thuần), biên lợi nhuận gộp đạt 5,94%. Trong khi đó, mảng xây lắp đạt doanh thu 168,52 tỷ đồng (chiếm 38,12% trên doanh thu thuần), biên lợi nhuận gộp mảng này đạt 3,86%.

Có thể thấy, đà tăng trưởng doanh thu tiếp tục là điểm sáng đáng ghi nhận của Công ty trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế hiện nay. Tuy nhiên, sự thu hẹp biên lợi nhuận gộp trong năm 2024 và chi phí giá vốn leo thang vẫn là những yếu tố cần phải theo dõi sát sao. Đây không chỉ là thách thức riêng của TSA, mà còn là thực trạng chung của toàn ngành. Trong thời gian tới, chiến lược kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành và lựa chọn các dự án có biên lợi nhuận cao sẽ đóng vai trò then chốt trong việc duy trì tăng trưởng ổn định và bền vững cho Công ty.

Hình 12. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp theo từng mảng kinh doanh của Công ty giai đoạn 2023–2024



(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

10.1.4. Nguyên vật liệu

- **Nguồn nguyên vật liệu**

Công ty sử dụng hai nhóm nguyên vật liệu chính phục vụ cho hoạt động sản xuất các sản phẩm bê tông và thi công xây lắp:

- Đối với sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực: nguyên vật liệu chủ yếu bao gồm thép dự ứng lực (PC bar), xi măng, đá, cát, phụ gia bê tông và nhiên liệu than phục vụ hệ thống lò hơi.

- Đối với thi công, xây lắp các công trình điện: vật tư chủ yếu là thép hình, bulong, khóa neo, móc neo, dây dẫn, thiết bị móng và kết cấu thép khác.

Các vật tư được cung cấp chủ yếu từ thị trường trong nước thông qua hệ thống nhà cung cấp lớn, có năng lực ổn định, đã đồng hành với Công ty qua nhiều năm như: Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam, Công ty trách nhiệm hữu hạn kim khí Phú Hưng, Công ty TNHH kinh doanh vận tải Transeo,...v.v

Đối với một số gói thầu quy mô lớn hoặc yêu cầu kỹ thuật đặc biệt, Công ty có thể nhập khẩu trực tiếp hoặc thông qua các đại lý trong nước.

- **Sự ổn định của nguồn cung cấp**

Công ty đã xây dựng mối quan hệ hợp tác dài hạn và ổn định với các nhà cung ứng vật tư chính. Trong năm 2023–2024, dù thị trường vật liệu xây dựng trong nước có biến động, Công ty vẫn đảm bảo được tiến độ cung ứng vật tư bởi các yếu tố sau đây:

- Ký kết các hợp đồng nguyên tắc linh hoạt về khối lượng và tiến độ giao hàng;
- Chủ động dự trữ vật tư tại kho tổng để phục vụ sản xuất liên tục, nhất là đối với các hợp đồng lớn đã ký nhưng chưa triển khai trong năm 2024;
- Phân chia đơn hàng cho nhiều nhà cung cấp có năng lực tương đương để giảm rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng. Ngoài ra, việc sở hữu cơ sở hạ tầng sản xuất (trạm trộn, bãi đúc, khu gia công...) ngay tại Khu công nghiệp Châu Sơn – nơi Công ty đặt trụ sở chính, giúp tiết giảm chi phí và nâng cao tính chủ động trong việc điều phối vật tư.

- **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận**

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán thường chiếm từ 90% đến 95% tổng chi phí, trong đó phần lớn là chi phí nguyên vật liệu đầu vào như thép, xi măng, cát, đá, phụ gia bê tông và các thiết bị thi công lắp đặt. Đây là nhóm chi phí có tỷ trọng lớn và có thể biến động mạnh theo diễn biến thị trường trong nước và quốc tế.

Do đó, khi giá nguyên vật liệu tăng, biên lợi nhuận gộp của Công ty có thể sẽ bị thu hẹp đáng kể. Ngược lại, việc ổn định được nguồn cung và giá cả đầu vào là yếu tố sẽ giúp Công ty duy trì hiệu quả hoạt động và ổn định kết quả kinh doanh.

Đồng thời để giảm thiểu rủi ro, Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường nguyên liệu trong và ngoài nước, dự trữ hàng tồn kho chiến lược, đa dạng hóa danh mục nhà cung cấp và đàm phán cơ chế điều chỉnh giá với khách hàng trong một số hợp đồng dài hạn.

Bảng 12. Danh sách các nhà cung ứng nguyên vật liệu lớn của Công ty năm 2023, năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025

Stt	Nhà cung cấp	Loại hợp đồng và điều khoản thanh toán	Ngày hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan
I. Nhà cung cấp lớn năm 2023						
1	Công ty cổ phần đầu tư công nghệ hàng không	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng	03/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng mua bán phụ gia bê tông	Không có
2	Công ty TNHH thương mại và phát triển xây dựng Nhật Minh	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 240 ngày kể từ ngày nhận hàng	03/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng nguyên tắc mua ống thoát nước, các loại phụ kiện nước, thiết bị vệ sinh	Không có
3	Công ty cổ phần thương mại Thành Nam	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng mua bán xi măng	Không có
4	Công ty cổ phần cơ khí và xây dựng cầu đường Đức Minh	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 180 ngày kể từ ngày nhận hàng	03/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng nguyên tắc vật tư bulong, khóa neo, mắt nối trung gian, móc neo, khóa đỡ, tăng đỡ, khóa đai,...	Không có

Stt	Nhà cung cấp	Loại hợp đồng và điều khoản thanh toán	Ngày hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan
5	Công ty cổ phần 298	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 25 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng mua bán cát, đá, ...	Không có
6	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển GAVICO	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng nhập than	Không có
7	Công ty cổ phần sản xuất than và vật liệu xây dựng Bắc Phú Mỹ	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng nhập than	Không có
8	Công ty TNHH Tiến Cường	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày hoặc thanh toán toàn bộ giá trị đơn hàng theo từng đơn hàng giao nhận	02/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm phôi bích, bích đầu cọc	Không có
9	Công ty trách nhiệm hữu hạn kim khí Phú Hưng	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng	03/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng mua bán sắt thép các loại	Không có

Stt	Nhà cung cấp	Loại hợp đồng và điều khoản thanh toán	Ngày hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan
10	Công ty TNHH sản xuất và thương mại kim khí Hưng Bắc	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm bích đầu cọc	Không có
11	Công ty TNHH cơ khí Đức Thành Công	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng	03/01/2023	Hiệu lực trong năm 2023	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm bích đầu cọc	Không có

II. Nhà cung cấp lớn năm 2024

1	Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ hàng không	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng	03/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng mua bán phụ gia bê tông	Không có
2	Công ty TNHH thương mại và phát triển xây dựng Nhật Minh	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 240 ngày kể từ ngày nhận hàng	03/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng nguyên tắc mua ống thoát nước, các loại phụ kiện nước, thiết bị vệ sinh	Không có
3	Công ty cổ phần thương mại Thành Nam	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng mua bán xi măng	Không có

Stt	Nhà cung cấp	Loại hợp đồng và điều khoản thanh toán	Ngày hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan
4	Công ty cổ phần cơ khí và xây dựng cầu đường Đức Minh	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 180 ngày kể từ ngày nhận hàng	03/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng nguyên tắc vật tư bulong, khóa neo, mắt nối trung gian, móc neo, khóa đỡ, tăng đơ, khóa đai,...	Không có
5	Công ty cổ phần 298	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 25 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng mua bán cát, đá, ...	Không có
6	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển GAVICO	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng nhập than	Không có
7	Công ty cổ phần sản xuất than và vật liệu xây dựng Bắc Phú Mỹ	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng nhập than	Không có
8	Công ty TNHH Tiến Cường	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày hoặc thanh toán	02/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm phôi	Không có

Stt	Nhà cung cấp	Loại hợp đồng và điều khoản thanh toán	Ngày hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan
		toàn bộ giá trị đơn hàng theo từng đơn hàng giao nhận			bích, bích đầu cọc	
9	Công ty trách nhiệm hữu hạn kim khí Phú Hưng	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng mua bán sắt thép các loại	Không có
10	Công ty TNHH sản xuất và thương mại kim khí Hưng Bắc	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm bích đầu cọc	Không có
11	Công ty TNHH cơ khí Đức Thành Công	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2024	Hiệu lực trong năm 2024	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm bích đầu cọc	Không có
III. Nhà cung cấp lớn 9 tháng đầu năm 2025						
1	Công ty TNHH thương mại Thăng Yên	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 120 ngày kể từ ngày nhận hàng	03/01/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Hợp đồng nguyên tắc mua thép, xi măng	Không có
2	Công ty TNHH Kim khí Phú Hưng	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày kể	02/01/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Hợp đồng nguyên tắc mua thép	Không có

Stt	Nhà cung cấp	Loại hợp đồng và điều khoản thanh toán	Ngày hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan
		từ ngày nhận hàng				
3	Công ty TNHH kinh doanh vận tải Transco	Hợp đồng nguyên tắc, xác định công nợ theo tháng, thanh toán vào ngày 25 của tháng kế tiếp	02/01/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Hợp đồng nguyên tắc mua đá, cát	Không có
4	CTCP Thương mại Thành Nam	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng	01/01/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Hợp đồng nguyên tắc mua xi măng	Không có
5	Công ty TNHH Cơ khí Đúc Thành Công	Hợp đồng nguyên tắc, Thanh toán trong khoảng từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng. Được phép nợ gối đầu giữa các tháng khoảng từ 500 – 600 triệu đồng	02/01/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm bích đầu cọc	Không có
6	CTCP Sản xuất và Thương mại Kim khí Hưng Bắc	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm bích đầu cọc	Không có

Stt	Nhà cung cấp	Loại hợp đồng và điều khoản thanh toán	Ngày hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan
7	Công ty TNHH Tiến Cường	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng	02/01/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm bích đầu cọc	Không có
8	CTCP Đầu tư và Phát triển Gavico	Hợp đồng nguyên tắc. Thanh toán sau khi đối chiếu công nợ, từ ngày 10 đến 15 hàng tháng	02/01/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Hợp đồng nguyên tắc mua than	Không có
9	CHANGSHU LONGTE INTERNATIONAL TRADE CO., LTD	Hợp đồng mua bán thép dự ứng lực. Thanh toán bằng thư tín dụng không hủy ngang	04/12/2024	10/01/2025	Cung cấp 500 tấn thép dự ứng lực	Không có
			12/02/2025	25/02/2025	Cung cấp 450 tấn thép dự ứng lực	
			10/04/2025	24/04/2025	Cung cấp 650 tấn thép dự ứng lực	
11	Công ty cổ phần cáp điện Tự Cường	Hợp đồng kinh tế	20/05/2025	30 ngày	Cung cấp cáp điện	Không có
12	Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại Đồng Xuân	Hợp đồng kinh tế	17/05/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Cung cấp thép	Không có
13	Công ty TNHH đầu tư sản xuất	Hợp đồng kinh tế	12/04/2025	Giao hàng sau 20 ngày kể từ ngày	Cung cấp cáp điện	Không có

Stt	Nhà cung cấp	Loại hợp đồng và điều khoản thanh toán	Ngày hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan
	và thương mại Trường Thành			nhận tạm ứng		
14	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghiệp HTH	Hợp đồng kinh tế	20/05/2025	30 ngày	Cung cấp chuỗi cách điện, ghíp...	Không có
15	Công ty TNHH dây và cáp điện Trường Thịnh	Hợp đồng kinh tế	28/04/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Cung cấp dây cáp điện	Không có
16	Công ty TNHH thiết bị điện Lioa	Hợp đồng kinh tế	03/07/2025	Hiệu lực trong năm 2025	Cung cấp dây cáp điện	Không có

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

10.1.5. Chi phí sản xuất

Bảng 13. Cơ cấu chi phí của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	%/ DTT (%)	Giá trị	%/ DTT (%)	Giá trị	%/ DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	325.946.441.324	88,28	593.252.259.362	90,90	398.713.297.111	90,20
2	Chi phí tài chính	9.276.680.434	2,51	5.212.631.201	0,80	3.114.032.582	0,70
3	Chi phí bán hàng	8.133.930.543	2,20	6.754.266.953	1,03	4.693.436.180	1,06
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.055.183.024	3,54	18.721.365.513	2,87	15.109.282.208	3,42

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	%/ DTT (%)	Giá trị	%/ DTT (%)	Giá trị	%/ DTT (%)
5	Chi phí khác	486.206.219	0,13	49.579.556	0,01	23.844.873	0,01
Tổng cộng		356.348.441.544	96,52	623.990.102.585	95,61	421.653.892.954	95,39

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

Tổng chi phí sản xuất của Công ty tăng từ 356,35 tỷ đồng trong năm 2023 lên gần 624 tỷ đồng trong năm 2024, trong khi đó tỷ trọng tổng chi phí sản xuất trên doanh thu thuần lại giảm từ 96,52% năm 2023 xuống còn 95,61% trong năm 2024.

Về giá vốn hàng bán: Đối với một doanh nghiệp có hoạt động chính là xây lắp và sản xuất, đây vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí, tỷ trọng 88,28% trên doanh thu thuần năm 2023 tăng lên 90,90% trong năm 2024. Với tỷ trọng cao như vậy, sự gia tăng chi phí sản xuất trong kỳ chủ yếu xuất phát từ biến động tại khoản mục này. Trong 9 tháng đầu năm 2025, giá vốn chiếm tỷ trọng 90,20% doanh thu thuần.

Về chi phí tài chính và chi phí bán hàng: hai loại chi phí này đều có xu hướng giảm. Trong giai đoạn 2023 – 2024, chi phí bán hàng giảm từ 8,13 tỷ đồng (chiếm 2,2% doanh thu thuần) xuống 6,75 tỷ đồng (chiếm 1,03% doanh thu thuần), đồng thời, chi phí tài chính giảm từ 9,27 tỷ đồng (chiếm 2,51% doanh thu thuần) xuống 5,21 tỷ đồng (chiếm 0,80% doanh thu thuần). Chi phí tài chính và chi phí bán hàng trong 9 tháng đầu năm 2025 lần lượt đạt giá trị là 3,11 tỷ đồng (chiếm 0,70% doanh thu thuần), 4,69 tỷ đồng (chiếm 1,06% doanh thu thuần).

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: mặc dù ghi nhận giá trị tăng từ 13,05 tỷ đồng (năm 2023) lên 18,72 tỷ đồng (năm 2024), song tỷ trọng trên doanh thu thuần giảm từ 3,54% xuống 2,87%. Điều này cho thấy hiệu suất sử dụng chi phí quản trị đã được cải thiện đáng kể, khiến mỗi đồng chi phí quản lý hiện tạo ra nhiều doanh thu hơn, phù hợp với bối cảnh Công ty đang mở rộng quy mô hoạt động. Trong 9 tháng đầu năm 2025, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 15,10 tỷ đồng, chiếm 3,42% doanh thu thuần.

Về các chi phí khác: chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong doanh thu thuần, trong đó có sự giảm từ năm 2023 đến năm 2024, cụ thể từ 486,20 triệu đồng (chiếm 0,13% doanh thu thuần) xuống 49,57 triệu đồng (chiếm 0,01% doanh thu thuần). Trong 9 tháng đầu năm 2025, chi phí khác đạt 23,84 triệu đồng, tương đương 0,01% doanh thu thuần.

Nhìn chung, TSA vẫn duy trì được tỷ trọng chi phí ở mức tương đối ổn định và có tính cạnh tranh. Việc kiểm soát chi phí tài chính và chi phí bán hàng hiệu quả, song song với việc duy trì tỷ lệ chi phí sản xuất trên doanh thu dưới ngưỡng 96%, là một tín hiệu tích cực cho thấy Công ty đang hướng tới mô hình hoạt động tiết kiệm và hiệu quả hơn.

10.1.6. Trình độ công nghệ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn luôn chú trọng đầu tư, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng công trình, đảm bảo tiến độ và tiết giảm chi phí sản xuất. Hiện nay, Công ty đã ứng dụng đồng bộ các công nghệ tiên tiến trong thi công xây lắp và sản xuất cấu kiện bê tông dự ứng lực.

Công ty sở hữu dây chuyền sản xuất cọc bê tông dự ứng lực đồng bộ, hiện đại, được tự động hóa cao từ khâu cắt, tán thép chủ, hàn lồng thép, lắp đặt khuôn, căng kéo sợi đến đổ bê tông và dưỡng hộ cọc bằng hơi nước nóng. Các thiết bị như máy cắt tán tự động, máy hàn lồng thép tự động, trạm trộn bê tông HKT công suất 90m³/giờ, hệ thống đầm hút cọc,... giúp giảm lao động thủ công, tăng độ chính xác và năng suất sản xuất. Đồng thời, trước nhu cầu thị trường gia tăng, Công ty cũng chủ động mở rộng quy mô sản xuất. Vào ngày 01/08/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 186/NQ-HĐQT về việc đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cọc, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực – Công trình: Xây dựng xưởng sản xuất cọc, cọc số 2 với tổng công suất 1.000.000m – 1.300.000 m/năm, nhằm gia tăng sản lượng, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của thị trường.

Trong thi công xây lắp, Công ty áp dụng các giải pháp thi công hiện đại như công nghệ ép cọc ly tâm dự ứng lực bằng máy ép tĩnh, công nghệ thi công hạ tầng đồng bộ kết hợp phần mềm quản lý tiến độ, dự toán, kiểm soát chi phí và chất lượng.

Nhờ sự đầu tư bài bản và chiến lược phát triển công nghệ rõ ràng, TSA từng bước xây dựng được nền tảng công nghệ vững chắc, đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng, an toàn và tiến độ thi công của các dự án trong và ngoài nước.

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định

Bảng 14. Tình hình TSCĐ của Công ty tại thời điểm 30/09/2025

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	Tài sản cố định hữu hình	297.005.352.812	141.840.205.883	47,76%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	127.824.042.183	64.481.635.055	50,45%
2	Máy móc thiết bị	119.089.037.674	56.263.357.941	47,24%
3	Phương tiện vận tải	48.019.143.460	20.049.048.928	41,75%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	2.073.129.495	1.046.163.959	50,46%
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
	Tổng cộng	297.005.352.812	141.840.205.883	47,76%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

Bảng 15. Danh sách một số tài sản có giá trị lớn của Công ty tại ngày 30/09/2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	127.824.042.183	64.481.635.055
-	Nhà nghỉ ca	1.320.107.333	-
-	Cổng, tường rào, san nền, sân bê tông, bồn hoa	7.310.794.868	-
-	Nhà điều hành sản xuất	4.325.857.310	1.860.118.706
-	Nhà kho số 1	1.638.450.507	-
-	Xưởng sản xuất số 1	1.858.868.412	-
-	Xưởng sản xuất dây truyền số 2	15.049.412.292	3.845.960.928
-	Mở rộng nhà điều hành sản xuất	1.161.820.839	700.965.255
-	San nền, cổng, tường rào, rãnh thoát nước, sân cột H	4.893.202.158	40.776.643
-	Cải tạo và mở rộng xưởng sản xuất 1	11.757.085.490	4.898.785.580
-	Cải tạo và mở rộng xưởng sản xuất 2	2.118.267.211	476.610.100
-	San nền, rãnh thoát nước, đường	5.123.783.097	3.358.924.453
-	Lò hơi	1.258.962.194	825.319.686
-	Nhà vệ sinh, nhà kỹ thuật, nhà bảo vệ	1.174.555.287	668.843.979
-	Trạm trộn	1.820.802.218	1.193.637.002
-	Xây dựng xưởng sản xuất cọc bê tông dự ứng lực	34.711.349.844	25.744.251.156
-	Cải tạo nhà nghỉ giữa ca thành nhà ăn	2.091.245.418	1.568.434.068
-	Cải tạo và sửa chữa xưởng cột	4.558.821.916	2.849.263.681
-	Xây dựng nhà 3 tầng	2.315.515.493	1.736.636.618
-	Hạng mục: Cải tạo và sửa chữa nhà điều hành sản xuất công ty Trường Sơn	1.472.475.157	1.141.168.255
-	Hạng mục: Cải tạo và sửa chữa xưởng cọc	2.581.237.910	2.000.459.378
-	Hạng mục: Hệ thống phòng cháy chữa cháy giai đoạn 3 hạng mục nhà xưởng cọc	1.275.040.543	988.156.417
-	Hạng mục: Cải tạo và sửa chữa xưởng cọc	3.818.631.519	2.000.459.378
-	Hạng mục: Đường nội bộ + bãi chứa cột xưởng 1 + xưởng 2	1.770.214.146	1.548.937.374
-	Hạng mục: Cải tạo và sửa chữa nhà điều hành sản xuất công ty Trường Sơn	1.472.939.142	1.141.168.255
-	Khác	10.944.601.879	5.892.758.143
2	Máy móc thiết bị	119.089.037.674	56.263.357.941
-	Hệ thống lò hơi tầng sôi công suất 4 tấn/giờ	5.136.190.000	3.367.057.882
-	Trạm trộn bê tông HKT 90, công suất 90m ³ /h	4.118.000.000	2.699.577.764
-	Cầu trục dầm đôi 2 palang (8+8T) model QE (5+5) T-19.55-12M-A6 Số 1	2.685.100.000	1.760.232.236

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (8+8T) model QE (5+5) T-19.55-12M-A6 Số 2	2.685.100.000	1.760.232.236
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (8+8T) model QE (5+5) T-19.55-12M-A6 Số 3	2.685.100.000	1.760.232.236
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (8+8T) model QE (5+5) T-19.55-12M-A6 Số 4	2.685.100.000	1.760.232.236
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (5+5T) model QE (5+5) T-19.55-12M-A6	2.450.000.000	1.606.111.118
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (8+8T) model QE (5+5) T-23.55-12M-A6	2.854.000.000	1.870.955.528
-	Băng tải dọc chuyển khuôn tháo cọc a=2.4m	1.489.500.000	719.925.000
-	Băng tải xích cho nắp khuôn trên a=3*10.65m	1.320.800.000	638.386.646
-	Hệ thống chuyển cọc ra kho thành phẩm, D300mm-D600mm	1.573.700.000	1.031.647.764
-	Máy cắt và tán đầu tự động thép chủ, PC bar dia: ≤Ø14mm, ..., Motor power: 2.2kw	3.372.400.000	2.210.795.528
-	Máy hàn lồng thép, Welding dia: Ø230-Ø530, PC bar dia: Ø7.1-Ø12.6mm, ..., Y112M-4KW	1.312.250.000	860.252.764
-	Máy hàn lồng thép, Welding dia: Ø230-Ø530, PC bar dia: Ø7.1-Ø12.6mm, ..., Y112M-4KW	1.312.250.000	860.252.764
-	Máy xúc lật/956F	1.159.090.909	410.511.341
-	Máy hàn lồng thép cột điện, chiều dài L max - 14m (tích hợp cả đầu hàn thép thường và thép dự ứng lực)	1.515.000.000	1.100.139.769
-	Máy hàn lồng thép cột điện, chiều dài L max - 12m (tích hợp cả đầu hàn thép thường và thép dự ứng lực)	1.563.000.000	1.246.058.345
-	Hệ thống dầm hút cọc	1.130.000.000	912.998.140
-	Khác	78.042.456.765	29.687.758.644
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	48.019.143.460	20.049.048.928
-	Ô tô 7 chỗ Toyota Landcruiser Prado	2.164.047.916	-
-	Xe ô tô tải có mui CNHTC có cầu Soosan	1.723.885.455	-
-	Xe ô tô Mercedes-Benz C300	1.823.952.727	-
-	Xe ô tô tải (tự đổ) hiệu HOWO	1.198.527.273	-
-	Xe ô tô tải có mui FOTON có cầu thủy lực soosan	2.277.554.545	-
-	Ô tô con 7 chỗ hiệu Hyundai SantaFe DM6-W7L661G-2	1.037.731.818	-
-	Ô tô con hiệu Toyota Landcruiser VXR	4.896.000.000	-

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
-	Xe ô tô sát xi HYUNDAI HD210 gắn cầu Unic	1.975.436.363	-
-	Xây dựng ĐZ và TBA cấp điện cho nhà máy SX Cọc BTLT DUỖ Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	3.600.236.734	2.360.155.204
-	Dự án điện mặt trời mái nhà xưởng 1114 KWP	9.997.753.903	7.623.287.347
-	Dự án điện mặt trời mái nhà xưởng 1114 KWP	6.017.003.217	7.623.287.347
-	Xe ô tô con 7 chỗ: Toyota Land Cruiser Prado biển số xe 30L-61232	1.245.768.000	1.067.801.148
-	Khác	10.061.245.509	1.374.517.882
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	2.073.129.495	1.046.163.959
-	Điều hòa nhiệt độ DAIKIN	300.127.000	-
-	Ti vi LDS 3D Sony KD65X900 B-65	65.363.636	-
-	Ghế giám đốc (có chức năng MS)	57.190.909	-
-	Máy photocopy Ricoh MP 7502	67.800.000	-
-	Tủ lạnh Hitachi R-X670GV	90.454.545	51.332.948
-	Hệ thống điều hòa hòa không khí trung tâm VRV	545.445.000	448.881.962
-	TIVI OLED LG OLED83C4PSA.ATV_IMEI: 409INTX50649	79.445.455	70.933.444
-	Khác	867.302.950	475.015.605
Tổng cộng		297.005.352.812	141.840.205.883

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

➤ **Tài sản là bất động sản thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của TSA:**

Công ty hiện không sở hữu quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu bất động sản nào, mà chỉ thực hiện thuê đất để hoạt động sản xuất kinh doanh theo các hợp đồng thuê đất đã ký kết. Cụ thể:

Bảng 16. Các hợp đồng thuê đất phục vụ hoạt động Công ty

Stt	Số hợp đồng	Diện tích	Địa điểm	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê
1	03/HĐTĐ	21.296 m ²	Xã Kim Bình, TP. Phú Lý, tỉnh Ninh Bình	Xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp Trường Sơn	Đến 06/12/2067
2	27/HĐTĐ	27.158 m ²	KCN Châu Sơn, Phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình	Xây dựng nhà máy sản xuất cột điện bê	Đến 06/08/2060

Stt	Số hợp đồng	Diện tích	Địa điểm	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê
				tổng dự ứng lực và gạch siêu nhẹ	
3	86/HĐTĐ	6.240 m ²	KCN Châu Sơn, Phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình	Xây dựng nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông dự ứng lực	Đến 19/11/2059
4	43/HĐTĐ	15.648 m ²	KCN Châu Sơn, Phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình	Mở rộng nhà máy sản xuất cột điện bê tông dự ứng lực và gạch siêu nhẹ	Đến 06/08/2060

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

10.2.2. Tài sản dở dang dài hạn

Bảng 17. Tài sản dở dang dài hạn của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1	Xây dựng Trung tâm Thương mại và Tổng hợp Trường Sơn (i)	31.803.307.240	31.945.835.029	31.945.835.029
2	Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m3/ngày/đêm thuộc dự án “Nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông dự ứng lực” (ii)	545.032.723	545.032.723	-
3	Nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông dự ứng lực - xây dựng mở rộng xưởng sản xuất cọc, cột số 2 (iii)	-	-	3.941.517.209
Tổng cộng		32.348.339.963	32.490.867.752	35.887.352.238

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

(i) Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và Tổng hợp Trường Sơn.

Thông tin cơ bản về dự án:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp Trường Sơn.
- Các văn bản liên quan đến thủ tục đầu tư dự án:
 - ✓ Dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND tỉnh Hà Nam;

- ✓ Tờ trình số 438/TTr-STN&MT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam, ngày 20/10/2023, về việc gia hạn đưa đất vào sử dụng đối với Dự án xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp Trường Sơn tại xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- Tổng diện tích : 21.296 m².
- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp cung cấp dịch vụ nhà hàng và showroom trưng bày ô tô phục vụ khoảng 25.000 lượt khách/năm, giao dịch khoảng 150 xe ô tô cũ và mới/năm nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ ăn uống, phương tiện đi lại cho khách du lịch và nhân dân trong khu vực.
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 71.425.000.000 đồng.
- Quá trình triển khai và tình trạng của dự án: Ngay sau khi được cấp phép đầu tư và xây dựng, Công ty đã chủ động triển khai thi công dự án. Tuy nhiên, quá trình thực hiện gặp phải nhiều trở ngại do dịch COVID-19 bùng phát, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động xây dựng, cung ứng vật tư và huy động nhân lực. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát, dự án tiếp tục bị gián đoạn do Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hết hiệu lực, buộc phải tạm dừng thi công trong thời gian hoàn thiện lại thủ tục pháp lý.
- Tính đến 30/09/2025, Trường Sơn đã thực hiện hoàn tất một số hạng mục như: san nền, xây dựng một phần tường rào, hạ tầng kỹ thuật cơ bản và nhà xưởng phụ trợ. Tổng giá trị đã đầu tư ước đạt gần 45% kế hoạch, tương đương 31,94 tỷ đồng. Song song với đó, Công ty cũng đã cơ bản hoàn thành thiết kế điều chỉnh của dự án và đang phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được gia hạn thời gian thực hiện, cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng. Ngay sau khi các thủ tục pháp lý được hoàn tất, sẽ nhanh chóng tái khởi động dự án, đảm bảo thi công đúng tiến độ điều chỉnh và đưa dự án vào khai thác thương mại.

Đánh giá các rủi ro hiện tại của dự án:

- Rủi ro về tiến độ: Trong bối cảnh địa phương đang thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, Công ty có thể gặp khó khăn trong việc xin gia hạn và hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết, dẫn đến nguy cơ kéo dài thời gian xem xét và phê duyệt hồ sơ đầu tư.
- Rủi ro tài chính: Dự án đã kéo dài nhiều năm, do vậy chi phí đầu tư có thể phát sinh vượt kế hoạch ban đầu, làm ảnh hưởng đến phương án tài chính và thời gian hoàn vốn.

(ii) Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày/đêm thuộc dự án “Nhà máy sản xuất xuất cốt, cọc bê tông dự ứng lực”:

Thông tin cơ bản về dự án:

- Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa nhà máy sản xuất cốt, cọc bê tông dự ứng lực.
- Tên hạng mục: Xây dựng bể xử lý nước thải.
- Địa điểm: Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- Tổng vốn đầu tư hạng mục: 518.723.787 đồng.

- Tình trạng của dự án đến thời điểm 30/09/2025: Hạng mục Xử lý nước thải đã được đưa vào hoạt động.

Đánh giá rủi ro môi trường:

Công ty nhận định rằng, các tác động môi trường phát sinh do việc dự án chưa được nghiệm thu là không đáng kể, do nguồn nước thải chủ yếu là nước sinh hoạt thông thường, không phát sinh từ quá trình sản xuất công nghiệp hay chứa hóa chất độc hại. Hiện nay, nước thải được thoát tạm thời qua hệ thống mương dẫn và không gây áp lực lên hệ thống xử lý chất thải tập trung trong khu công nghiệp.

(iii) Nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông dự ứng lực - xây dựng mở rộng xưởng sản xuất cọc, cột số 2:

Thông tin cơ bản về dự án:

- Tên công trình: Xây dựng xưởng sản xuất cột, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực số 2 thuộc dự án: Nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực.
- Địa điểm xây dựng: KCN Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn.
- Mục đích: Công ty hiện nay đang có 01 xưởng sản xuất cọc bê ly tâm dự ứng lực, 02 xưởng sản xuất cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực gồm xưởng số 1 và xưởng số 2. Tuy nhiên, sản phẩm sản xuất không kịp cung cấp cho thị trường xây dựng nên công ty đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến hoàn thành 30/06/2026.
- Tuổi thọ: Dự kiến tuổi thọ của dự án là 40 năm.
- Quy mô: Tổng công suất: 1.000.000m - 1.300.000 mdài/năm và các hạng mục phụ trợ phục vụ sản xuất.
- Tổng vốn đầu tư tạm tính: 138.580.000.000 đồng, trong đó:
 - + Vốn tự có: 41.574.000.000 đồng;
 - + Vốn vay: 97.006.000.000 đồng.
- Tiến độ thực hiện Dự án đến ngày 30/09/2025: Thực hiện phá dỡ Xưởng sản xuất cột số 1 để thực hiện xây dựng Xưởng sản xuất cọc số 2. Dự án đang triển khai các hạng mục ép cọc, giải phóng mặt bằng và đặt mua máy móc, thiết bị....cho Xưởng cọc số 2.

Đánh giá rủi ro hiện tại của Dự án:

- Rủi ro về pháp lý: đây là Dự án do Công ty làm chủ đầu tư và tự thực hiện, không có vướng mắc về các thủ tục pháp lý. Do đó, Công ty chỉ tập trung vào xây dựng, thi công hoàn thiện Dự án.
- Rủi ro về tài chính: tổng mức đầu tư của Dự án với phần vốn vay chiếm tỷ trọng 70% tổng nguồn vốn. Theo đó, việc chậm tiến độ hoặc phát sinh chi phí trong quá trình thực hiện có thể ảnh hưởng đến khả năng cân đối vốn cho Dự án.

10.3. Thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động của Công ty trải dài từ Bắc vào Nam và toàn bộ 100% thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Toàn bộ doanh thu cũng như lợi nhuận phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các hoạt động chính

❖ Đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2023, Công ty đã chi 5,75 tỷ đồng để mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2024, Công ty đã chi 2,47 tỷ đồng để mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong 09 tháng đầu năm 2025, Công ty đã chi 2,48 tỷ đồng để mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đồng thời, vào ngày 01/08/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành nghị quyết thông qua dự án đầu tư xây dựng: Nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực - Công trình: Xây dựng xưởng sản xuất cọc, cột số 2 với một số nội dung cơ bản như sau:

- Tên công trình: Xây dựng xưởng sản xuất cột, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực số 2 thuộc dự án: Nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực.
- Địa điểm xây dựng: KCN Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn.
- Mục đích: Công ty hiện nay đang có 01 xưởng sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực, 02 xưởng sản xuất cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực gồm xưởng số 1 và xưởng số 2. Tuy nhiên, sản phẩm sản xuất không kịp cung cấp cho thị trường xây dựng nên công ty đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến hoàn thành 30/06/2026.
- Tuổi thọ: Dự kiến tuổi thọ của dự án là 40 năm.
- Quy mô: Tổng công suất: 1.000.000m - 1.300.000 mdài/năm và các hạng mục phụ trợ phục vụ sản xuất.
- Tổng vốn đầu tư tạm tính: 138.580.000.000 đồng, trong đó:
 - Vốn tự có: 41.574.000.000 đồng;
 - Vốn vay: 97.006.000.000 đồng.

❖ Các dự án đang thực hiện đầu tư

Các dự án đang được đầu tư tính đến ngày 30/09/2025 đã được trình bày và thuyết minh tại mục IV.10.2.2. Tài sản dở dang dài hạn.

❖ Đầu tư tài chính

Công ty có các khoản đầu tư tài chính như sau:

Bảng 18. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/09/2025

Stt	Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
1	Ngắn hạn	3.011.575.963	-	3.142.990.803	-	3.173.587.866	-
1.1	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.011.575.963	-	3.142.990.803	-	3.173.587.866	-
1.2	Các hình thức đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
2	Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		3.011.575.963	-	3.142.990.803	-	3.173.587.866	-

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng.

Do nguồn vốn của Công ty tập trung cho hoạt động Xây lắp và Sản xuất bê tông, Công ty không dành nguồn lực để thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính.

❖ **Các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư**

Bảng 19. Các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư của Công ty

STT	Các chỉ tiêu hiệu quả	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
1	Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần (%)	11,72	9,10	9,80
2	Tỷ lệ lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần (%)	3,54	4,48	4,75
3	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (%)	2,71	3,61	3,82

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)



10.5. Các hợp đồng lớn đang thực hiện và/hoặc đã được ký kết

Bảng 20. Các hợp đồng bán hàng, cung cấp dịch vụ lớn (giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên) các năm 2023 và 2024 và 9 tháng đầu năm 2025

Stt	Tên/Số hiệu hợp đồng	Giá trị HĐ (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Công trình	Tên đối tác	Mối quan hệ (*)	Tiến độ thực hiện	Các điều khoản quan trọng khác
Hợp đồng thi công, xây lắp									
1	Hợp đồng Số 087.231/NPTPMB-TS.T&D	79,70	08/9/2023	450 ngày và đã được gia hạn đến 31/12/2025	Cải tạo đường dây 220kV NĐ Phả Lại – Bắc Giang 1 mạch thành 2 mạch	Ban Quản lý dự án truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia	Không có	Đang thực hiện	Không có
2	Hợp đồng Số 82/HĐ-EVN-SPC-LD TRUONGSON - TANVIET	131,10	26/09/2023	540 ngày và đã được gia hạn đến 30/12/2025	Đường dây 110kV Long Xuyên 2 – An Châu – Cái Dầu.	Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	Không có	Đang thực hiện	Không có
3	Hợp đồng Số 16/2023/HĐ-ALDMN-TRUONGSON	50,5	11/10/2023	300 ngày	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH - Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam	Không có	Hoàn thành	Không có



Stt	Tên/Số hiệu hợp đồng	Giá trị HĐ (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Công trình	Tên đối tác	Mối quan hệ (*)	Tiến độ thực hiện	Các điều khoản quan trọng khác
4	Hợp đồng Số 24/2023-PCVP-XL	10,1	20/10/2023	90 ngày	Xây dựng mới, cải tạo đường dây trung thế liên kết mạch vòng lộ 473 trạm 110 kV Bá Thiện và 477 trạm 110kV Thiện Kế - Khu vực huyện Bình Xuyên	Công ty điện lực Vĩnh Phúc-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	Không có	Hoàn thành	Không có
5	Hợp đồng Số: 237/12/23/PCTH-TS	10,1	12/12/2023	120 ngày	Cải tạo lộ 971 TG Nga Liên lên vận hành 22kV (Xóa TG Nga Liên), tỉnh Thanh Hóa	Công ty điện lực Thanh Hoá - chi nhánh tổng công ty điện lực Miền Bắc	Không có	Hoàn thành	Không có
6	Hợp đồng số 115/2023/HDTCXD-BDADL-KHVT	33,3	15/12/2023	150 ngày và đã được gia hạn đến 31/12/2025	Cải tạo đường dây 110kV Nam Ninh - Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Ban quản lý dự án phát triển điện lực	Không có	Đang thực hiện	Không có
7	Hợp đồng Số 66A3/2023/HDXL-PCHY-ĐT	10,1	20/12/2023	150 ngày	Xây dựng ĐZ và TBA khu vực huyện Ân Thi tỉnh Hưng	Công ty điện lực Hưng Yên - Chi	Không có	Hoàn thành	Không có



Stt	Tên/Số hiệu hợp đồng	Giá trị HĐ (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Công trình	Tên đối tác	Mối quan hệ (*)	Tiến độ thực hiện	Các điều khoản quan trọng khác
					Yên bổ sung năm 2023	nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc			
8	Hợp đồng Số: 23/2023/HĐ-ALĐMN-TRUONGSON	64,6	25/12/2023	270 ngày	Đường dây 110kV từ trạm 220kV Cà Mau 2 - Trần Văn Thời (mạch 2)	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH - Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam	Không có	Thanh lý, không thi công	Không có
9	Hợp đồng Số: 52/2023/HĐ-EVNHANOIPMB	278	29/12/2023	300 ngày và đang được gia hạn theo tiến độ của Dự án	Gói KFW-HNPC-DA-W01: Xây lắp Tiểu dự án Cải tạo lưới điện Hà Nội giai đoạn 3 - Huyện Đông Anh	Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội-Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	Không có	Đang thực hiện	Không có
10	Hợp đồng Số: 51/2023/HĐ-EVNHANOIPMB	87,8	29/12/2023	1 năm và đã được gia hạn đến 23/11/2025	Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV từ trạm biến áp 110kV Văn Đình đi trạm biến áp 110kV Tĩa	Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội-Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	Không có	Đang thực hiện	Không có



Sst	Tên/Số hiệu hợp đồng	Giá trị HĐ (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Công trình	Tên đối tác	Mối quan hệ (*)	Tiến độ thực hiện	Các điều khoản quan trọng khác
11	Hợp đồng Số: 2401/500NĐI-PN/XL52-221 ngày 29/01/2024	81,3	29/01/2024	150 ngày	Công trình: Đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I - Phố Nối	Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (NPMB)	Không có	Hoàn thành	Không có
12	Số: 134/2024/HĐXL-CPMB ngày 31/12/2024	84,5	31/12/2024	365 ngày	Trạm biến áp 220kV Sầm Sơn và đường dây đầu nối 220kV Thanh Hóa - Sầm Sơn	Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	Không có	Đang thực hiện	Không có
13	Số: 06A3/2025/HĐXL-PCHY-BA ngày 10/03/2025	11,7	10/03/2025	180 ngày	Cải tạo lộ 371 E28.8 nâng cao khả năng truyền tải và độ tin cậy cung cấp điện cho huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Công ty điện lực Hưng Yên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	Không có	Hoàn thành	Không có
14	Số: 248/PCNB-HĐXL-25	24,1	12/08/2025	120 ngày	Xây dựng 02 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Đồng Văn 3,	Công ty điện lực Ninh Bình - Chi	Không có	Đang thực hiện	Không có

Sst	Tên/Số hiệu hợp đồng	Giá trị HD (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Công trình	Tên đối tác	Mối quan hệ (*)	Tiến độ thực hiện	Các điều khoản quan trọng khác
					cáp điện cho KCN Đồng Văn 3 mở rộng	nhánh Tổng Công ty điện lực miền bắc			
Hợp đồng cung cấp cột, cọc bê tông									
15	Hợp đồng số 01-2023/HĐMB/NVHN-TS	21,8	23/06/2023	Theo yêu cầu khách hàng	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	Công ty cổ phần đầu tư Nam Việt Hà Nội	Không có	Hoàn thành	Không có
16	Hợp đồng số 2005-2024/HĐKT/VH-TS ngày 20/05/2024	11,2	20/05/2024	Theo yêu cầu khách hàng	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	Công ty TNHH xây dựng và xử lý nền móng Việt Hùng	Không có	Hoàn thành	Không có
17	Hợp đồng số 2409-2024/HĐKT/VH-TS ngày 24/9/2024	12,3	24/09/2024	Theo yêu cầu khách hàng	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	Công ty TNHH xây dựng và xử lý nền móng Việt Hùng	Không có	Hoàn thành	Không có
18	Hợp đồng số 102/HĐ-PCMELINH ngày 29/10/2024	18,8	29/10/2024	Theo yêu cầu khách hàng	Cột điện bê tông dự ứng lực	Công ty điện lực Mê Linh	Không có	Hoàn thành	Không có
19	Hợp đồng số 33/HĐ-PCTHANHOAI ngày 13/11/2024	23,3	13/11/2024	Theo yêu cầu khách hàng	Cột điện bê tông dự ứng lực	Công ty Điện Lực Thanh Oai	Không có	Hoàn thành	Không có



Stt	Tên/Số hiệu hợp đồng	Giá trị HD (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Công trình	Tên đối tác	Mối quan hệ (*)	Tiến độ thực hiện	Các điều khoản quan trọng khác
20	Hợp đồng số 04-2025/HKKT/VH-TS ngày 22/01/2025	13,1	22/01/2025	Theo yêu cầu khách hàng	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	Công ty TNHH xây dựng và xử lý nền móng Việt Hùng	Không có	Hoàn thành	Không có
21	Hợp đồng số 21/HĐ-PCQUOCOAI ngày 11/3/2025	37,1	11/03/2025	Theo yêu cầu khách hàng	Hợp đồng mua bán cọc, vật tư	Công ty điện lực Quốc Oai	Không có	Hoàn thành	Không có
22	Hợp đồng số 82/HĐ-PC GIALAM ngày 09/05/2025	38	09/05/2025	Theo yêu cầu khách hàng	Hợp đồng mua bán cọc, vật tư	Công ty điện lực Gia Lâm	Không có	Hoàn thành	Không có
23	Hợp đồng số 04/HĐ-PCDONGANH ngày 01/08/2025	37,6	01/08/2025	30 ngày	Hợp đồng mua bán cọc, vật tư	Công ty điện lực Đông Anh	Không có	Hoàn thành	Không có

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

(*): Là mối quan hệ có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của Trường Sơn.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 21. Các khách hàng lớn của CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn

TT	Tên khách hàng	Sản phẩm, dịch vụ chính	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/ doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Mối quan hệ với Công ty
1	Ban Quản lý dự án truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia	Thi công, xây lắp, cải tạo đường dây truyền tải điện	230.299.091	0,06	2023	Không có
			13.781.149.773	2,11	2024	
			14.549.185.625	3,29	9 tháng đầu năm 2025	
2	Công ty CP Thành Hưng	Cột điện bê tông dự ứng lực	1.370.591.848	0,37	2023	Không có
			2.397.208.034	0,37	2024	
			526.499.000	0,12	9 tháng đầu năm 2025	
3	Công ty TNHH Hùng Dũng	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	1.507.384.000	0,41	2023	Không có
			462.204.000	0,07	2024	
4	Công ty cổ phần CDI	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	1.719.132.000	0,47	2023	Không có
			9.657.968.000	1,48	2024	
			9.666.442.000	2,19	9 tháng đầu năm 2025	
5	Ban quản lý dự án phát triển điện lực	Thi công, xây lắp, cải tạo đường dây truyền tải điện	2.168.091.645	0,59	2023	Không có
			46.494.015.117	7,12	2024	
			7.664.185.138	1,73	9 tháng đầu năm 2025	
6	Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Trường Phát	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2.796.971.900	0,76	2023	Không có
			1.582.069.500	0,24	2024	
7			2.806.436.559	0,76	2023	

TT	Tên khách hàng	Sản phẩm, dịch vụ chính	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/ doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Mối quan hệ với Công ty
	Công ty điện lực Vĩnh Phúc-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	Thi công, xây lắp, cải tạo đường dây truyền tải điện	6.069.829.381	0,93	2024	Không có
8	Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	Thi công, xây lắp, cải tạo đường dây truyền tải điện	5.307.670.573	1,44	2023	Không có
			68.029.271.221	10,42	2024	
			36.659.945.951	8,29	9 tháng đầu năm 2025	
9	Công ty điện lực Thanh Hoá - chi nhánh tổng công ty điện lực Miền Bắc	Thi công, xây lắp, cải tạo đường dây truyền tải điện	7.321.346.675	1,98	2023	Không có
			17.496.928.713	2,68	2024	
10	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành	Cột điện bê tông dự ứng lực	5.753.261.670	1,56	2023	Không có
			12.725.672.059	1,95	2024	
			8.149.226.000	1,84	9 tháng đầu năm 2025	
11	Công ty CP TM và xây lắp Hà Đông	Cột điện bê tông dự ứng lực	6.501.721.000	1,76	2023	Không có
			7.678.004.500	1,18	2024	
			3.832.872.000	0,87	9 tháng đầu năm 2025	
12	Công ty điện lực Chương Mỹ	Cột điện bê tông dự ứng lực	4.991.410.000	1,35	2023	Không có
13	CTCP Xây dựng và xử lý nền móng Thành Đông	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	5.343.907.000	1,45	2023	Không có
			528.610.000	0,12	9 tháng đầu năm 2025	

TT	Tên khách hàng	Sản phẩm, dịch vụ chính	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/ doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Mối quan hệ với Công ty
14	Công ty cổ phần đầu tư Nam Việt Hà Nội	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	21.285.981.000	5,77	2023	Không có
15	Công ty cổ phần bê tông & nền móng Phước Thịnh	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	22.713.413.800	6,15	2023	Không có
			11.186.750.400	1,71	2024	
			10.030.522.000	2,27	9 tháng đầu năm 2025	
16	Công ty TNHH xây dựng và xử lý nền móng Việt Hùng	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	10.723.920.600	2,90	2023	Không có
			33.326.779.200	5,11	2024	
			58.528.092.000	13,24	9 tháng đầu năm 2025	
17	Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (NPMB)	Thi công, xây lắp, cải tạo đường dây truyền tải điện	69.988.012.513	10,72	2024	Không có
			810.265.899	0,18	9 tháng đầu năm 2025	
18	Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại Tân Việt	Cột điện bê tông dự ứng lực	2.819.203.000	0,76	2023	Không có
			12.178.509.000	1,87	2024	
			848.587.000	0,19	9 tháng đầu năm 2025	
19	Công ty cổ phần kết cấu bê tông Châu Âu Nam	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	16.833.466.000	2,58	2024	Không có
20	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và XLD Thiên Trường	Cột điện bê tông dự ứng lực	542.694.000	0,15	2023	Không có
			1.392.680.000	0,21	2024	

TT	Tên khách hàng	Sản phẩm, dịch vụ chính	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/ doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Mối quan hệ với Công ty
21	Công ty cổ phần Vina SLC	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	2.198.942.000	0,34	2024	Không có
			77.842.000	0,02	9 tháng đầu năm 2025	
22	Công ty CP tư vấn miền bắc - MIBACO	Cột điện bê tông dự ứng lực	838.853.893	0,23	2023	Không có
			4.544.897.616	0,70	2024	
23	Công ty cổ phần Vinael	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	575.322.500	0,16	2023	Không có
			5.548.050.555	0,85	2024	
			1.441.562.500	0,33	9 tháng đầu năm 2025	
24	Công ty cổ phần xây dựng tập đoàn 3T	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	15.026.049.000	2,30	2024	Không có
			31.274.843.000	7,07	9 tháng đầu năm 2025	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

(*): Là mối quan hệ có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của Trường Sơn.

Bảng 22. Thông tin một số khách hàng lớn của TSA

STT	Khách hàng lớn	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Tình trạng hoạt động	Giới thiệu chung
1	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành	0700500449	Tổ 2, Phường Phú Vân, Ninh Bình, Việt Nam.	Đang hoạt động	Là đối tác lâu năm của TSA, cũng hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện. Công ty Hà Thành có năng lực thi công lâu năm các công trình điện tới 110kV tại địa phương. Hà Thành ưu tiên lựa chọn các sản phẩm cột điện bê tông của TSA để phục vụ cho công trình của

STT	Khách hàng lớn	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Tình trạng hoạt động	Giới thiệu chung
					minh nhờ chất lượng đảm bảo.
2	Công ty cổ phần đầu tư Nam Việt Hà Nội	0107412775	Tầng 2, tháp Tây, số 72 đường Trần Đăng Ninh, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Đang hoạt động	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Việt Hà Nội, thành lập năm 2016, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản và đầu tư bất động sản. Công ty thi công các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng – công nghiệp và phát triển dự án bất động sản. Với phương châm “Chất lượng – Tiến độ – Hiệu quả”, Nam Việt Hà Nội luôn hướng tới sự hài lòng của khách hàng. Doanh nghiệp định hướng trở thành đơn vị uy tín hàng đầu, phát triển bền vững trên nền tảng chuyên nghiệp và lợi ích hài hòa. Trong năm 2023, Nam Việt Hà Nội đã có hợp đồng lớn đặt mua cọc bê tông của TSA.
3	Công ty TNHH xây dựng và xử lý nền móng Việt Hùng	0200821934	Số 34/45 Kiều Sơn, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.	Đang hoạt động	Công ty TNHH xây dựng và xử lý nền móng Việt Hùng là công ty hoạt động trong Lĩnh vực cung cấp và thi công ép cọc bê tông ly tâm bằng Robot tự hành. Công ty TNHH xây dựng và xử lý nền móng Việt Hùng là một đơn vị có tên tuổi doanh nghiệp trong lĩnh vực cung cấp và thi công ép cọc Bê tông li tâm dự ứng lực trên khắp cả nước, có thể đáp ứng mọi nhu cầu về vấn đề cung cấp, vận chuyển, thi công cọc các hạng mục Nhà xưởng, nhà máy, nhà dân dụng từ lớn nhất đến nhỏ

STT	Khách hàng lớn	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Tình trạng hoạt động	Giới thiệu chung
					nhất. Công ty Việt Hùng lựa chọn sản phẩm cọc bê tông của TSA cho các công trình của mình và duy trì từ 2023 tới nay.
4	Công ty cổ phần kết cấu bê tông Châu Âu Nam	0700446110	Tiểu khu 1, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Đang hoạt động	Là công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cấu kiện bê tông thương hiệu AMACCAO với Cụm Nhà máy sản xuất lớn tại phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình; Sản phẩm thương hiệu AMACCAO đạt Top 10 Thương hiệu uy tín hàng đầu Châu Á năm 2022. Với quy mô sản xuất lớn Công ty Châu Âu Nam cũng đã có hợp đồng lớn mua cọc bê tông với TSA trong năm 2024.
5	Công ty cổ phần xây dựng tập đoàn 3T	0109452886	Số 9 liên kề 13, Khu đô thị Văn Khê, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Đang hoạt động	Công ty cổ phần xây dựng tập đoàn 3T là đơn vị thi công xây dựng công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng công trình Dân dụng & Công nghiệp, xây dựng công trình NN & PTNT với các chứng chỉ năng lực HỖXD hạng III. Mặc dù chỉ thi công các công trình với quy mô vừa và nhỏ nhưng trong năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025, với nhu cầu lớn của mình, Tập đoàn 3T cũng có các hợp đồng mua bán cọc bê tông lớn với TSA.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Bảng 23. Thông tin về tiến độ nghiệm thu một số hợp đồng đã ký kết với các đơn vị trực thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)

STT	Khách hàng	Hợp đồng đã ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Tiến độ nghiệm thu (*)
1	Ban quản lý dự án phát triển điện lực	Hợp đồng số 56/2020/HĐ TCXD-BĐAĐL-KHVT ngày 17/4/2020	71.046.538.156	17/4/2025	Đang thực hiện	Tháng 9/2020: nghiệm thu 31,4% hợp đồng. Tháng 10/2020: nghiệm thu 6,3% giá trị hợp đồng. Tháng 12/2020: nghiệm thu 3,6% giá trị hợp đồng. Tháng 03/2022: nghiệm thu 8,7% giá trị hợp đồng. Tháng 12/2023: nghiệm thu 3% giá trị hợp đồng. Tháng 12/2024: nghiệm thu 7% giá trị hợp đồng.
		Hợp đồng số: 320/2021/HĐ TCXD-BĐAĐL - KHVT ngày 14/12/2021	56.848.153.330	Công trình vướng mặt bằng đến cuối năm 2024 mới triển khai thi công	Đang thực hiện	Tháng 12/2024: nghiệm thu 47% giá trị hợp đồng. Tháng 9/2025: nghiệm thu 15% giá trị hợp đồng.
		Hợp đồng số: 115/2023/HĐ TCXD-BĐAĐL - KHVT ngày 15/12/2023	33.659.109.576	15/12/2023	Đang thực hiện	Tháng 12/2024: nghiệm thu 55% giá trị hợp đồng.

STT	Khách hàng	Hợp đồng đã ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Tiến độ nghiệm thu (%)
2	Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	Hợp đồng 2401/500NĐ I-PN/XL52-221 ngày 29/01/2024.	81.296.843.581	29/1/2024	29/03/2025	Tháng 5/2024: Nghiệm thu 82% giá trị hợp đồng. Tháng 12/2024: Nghiệm thu 12% giá trị hợp đồng. Tháng 3/2025: Nghiệm thu 6% giá trị hợp đồng.
3	Ban Quản lý dự án truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia	Hợp đồng số 136.211/NPT PMB-TSAIT ký ngày 01/10/2021	10.770.520.030	01/10/2021	30/06/2023	Tháng 10/2022: nghiệm thu 60% giá trị hợp đồng. Tháng 6/2023: nghiệm thu 40% giá trị hợp đồng.
		Hợp đồng số 087.231/NPT PMB-TS.T&D ký ngày 08/09/2023	63.727.502.478	08/9/2023	Đang thực hiện	Tháng 7/2024: nghiệm thu 24% giá trị hợp đồng. Tháng 7/2025: nghiệm thu 13% giá trị hợp đồng.
		Hợp đồng số 189.211/NPT PMB-TS-AI ngày 28 tháng 12 năm 2021	23.125.143.664	28/12/2021	Đang thực hiện	Tháng 8/2025: nghiệm thu 26% giá trị hợp đồng.
4	Công ty điện lực Thanh Hoá - chi nhánh	Hợp đồng số 268/6/2020/HĐXD-PCTH ngày 08/06/2020	45.607.083.436	08/6/2020	31/12/2023	Tháng 12/2020: nghiệm thu 24% giá trị hợp đồng.

STT	Khách hàng	Hợp đồng đã ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Tiến độ nghiệm thu (%)
	tổng công ty điện lực Miền Bắc					Tháng 08/2021: nghiệm thu 28% giá trị hợp đồng. Tháng 11/2021: nghiệm thu 19% giá trị hợp đồng. Tháng 11/2022: nghiệm thu 3% giá trị hợp đồng. Tháng 12/2023: nghiệm thu 26% giá trị hợp đồng.
		Hợp đồng số: 72/07/23/PC TH-TS-DHMT ngày 17/7/2023	3.843.243.342	17/7/2023	01/10/2024	Tháng 11/2023: nghiệm thu 72% giá trị hợp đồng. Tháng 08/2024: nghiệm thu 28% giá trị hợp đồng.
		Hợp đồng số: 89/07/23/PC TH-HT-TS-CĐMB ngày 04/8/2023	4.495.750.592	04/8/2023	10/12/2024	Tháng 11/2023: nghiệm thu 90% giá trị hợp đồng. Tháng 9/2024: nghiệm thu 10% giá trị hợp đồng.
		Hợp đồng số 237/12/23/P CTH-TS ký ngày 12/12/2023	10.400.646.009	12/12/2023	02/12/2024	Tháng 6/2024: nghiệm thu 86% giá trị hợp đồng. Tháng 10/2024: nghiệm thu 11% giá trị hợp đồng. Tháng 12/2024: nghiệm thu 3% giá trị hợp đồng.

STT	Khách hàng	Hợp đồng đã ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Tiến độ nghiệm thu (*)
		Hợp đồng số 243/12/23/P CTH-TS ký ngày 14/12/2023	7.694.909.973	14/12/2023	30/11/2024	Tháng 6/2024: nghiệm thu 73% giá trị hợp đồng. Tháng 10/2024: nghiệm thu 21% giá trị hợp đồng. Tháng 11/2024: nghiệm thu 6% giá trị hợp đồng.
5	Công ty điện lực Vĩnh Phúc-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	Hợp đồng số 24/2023-PCVP-XL ký ngày 20/10/2023	10.068.659.500	20/10/2023	31/07/2025	Tháng 12/2023: Nghiệm thu 30% giá trị hợp đồng. Tháng 5/2024: Nghiệm thu 34% giá trị hợp đồng Tháng 11/2024: Nghiệm thu 36% giá trị hợp đồng
6	Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	Hợp đồng số 82/HĐ-EVNSPC-LD TRUONGSON-TANVIET ngày 26/9/2023	127.217.741.876	26/9/2023	Đang thực hiện	Tháng 10/2022: nghiệm thu 5% giá trị hợp đồng. Tháng 7/2024: nghiệm thu 7% giá trị hợp đồng. Tháng 10/2024: nghiệm thu 14% giá trị hợp đồng. Tháng 11/2024: nghiệm thu 8% giá trị hợp đồng. Tháng 12/2024: nghiệm thu 22% giá trị hợp đồng.

STT	Khách hàng	Hợp đồng đã ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Tiến độ nghiệm thu (*)
						Tháng 9/2025: nghiệm thu 36% giá trị hợp đồng.
		Hợp đồng số 21/HĐ-EVNSPC-LD-TS-TV ngày 13/3/2024	113.984.552.688	13/3/2024	11/2025	Tháng 12/2024: nghiệm thu 15% giá trị hợp đồng. Tháng 04/2025: nghiệm thu 45% giá trị hợp đồng. Tháng 06/2025: nghiệm thu 37% giá trị hợp đồng.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

(*) Các hợp đồng được nghiệm thu và thanh toán theo tiến độ thực hiện công việc và khối lượng hoàn thành thực tế.

Bảng 24. Các nhà cung cấp lớn của CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm, dịch vụ chính	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/ doanh thu (%)	Mối quan hệ với Công ty
1	Công ty cổ phần thương mại Thành Nam	Hợp đồng mua bán xi măng	2023	13.919.370.981	3,77	Không có
			2024	24.400.442.869	3,74	
			9 tháng đầu năm 2025	17.189.009.244	3,89	
2	Công ty cổ phần cơ khí và xây dựng cầu đường Đức Minh	Hợp đồng nguyên tắc vật tư bulong, khóa neo, mắt nối trung gian, móc neo, khóa đỡ,	2023	10.593.490.000	2,87	Không có
			2024	9.526.639.000	1,46	
			9 tháng đầu năm 2025	7.297.050.000	1,65	

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm, dịch vụ chính	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/ doanh thu (%)	Mối quan hệ với Công ty
		tăng đơ, khóa đai,...				
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn kim khí Phú Hưng	Hợp đồng mua bán sắt thép các loại	2023	19.490.848.792	5,28	Không có
			2024	30.743.768.047	4,71	
			9 tháng đầu năm 2025	12.198.833.136	2,76	
4	Công ty TNHH sản xuất và thương mại kim khí Hưng Bắc	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm mặt bích	2023	1.533.143.210	0,42	Không có
			2024	7.515.651.442	1,15	
			9 tháng đầu năm 2025	6.450.665.237	1,46	
5	Công ty TNHH kinh doanh vận tải Transco	Hợp đồng mua bán cát, đá, ...	2023	293.117.994	0,08	Không có
			2024	13.068.862.748	2,00	
			9 tháng đầu năm 2025	24.774.827.246	5,60	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

(*): Là mối quan hệ có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của Trường Sơn.

10.7. Vị thế của Công ty trong ngành

10.7.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

➤ Vị thế của Trường Sơn

Công ty Trường Sơn đã trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, hiện nay đã khẳng định vững chắc vị thế của mình trong các lĩnh vực hoạt động trọng yếu, đặc biệt là xây lắp công trình điện và sản xuất cấu kiện bê tông dự ứng lực.

Trong lĩnh vực xây lắp, Trường Sơn có bề dày kinh nghiệm thực hiện nhiều dự án truyền tải điện và trạm biến áp ở các cấp điện áp 500kV, 220kV, 110kV. Với doanh thu xây lắp điện trung bình hằng năm đạt 215 tỷ đồng, Công ty từng bước mở rộng quy mô, khẳng định năng lực trong ngành. Trường Sơn đã và đang đảm nhiệm các gói thầu lớn như Dự án hiệu quả năng lượng vay vốn Chính phủ Đức, Dự án đường dây 500kV Sông Hậu – Đức Hòa, Đào Rều (Quảng Ninh), xuất tuyển sau TBA Yên Phong 3... Đặc biệt, cuối năm 2023 – đầu 2024, Công ty trúng thầu xây lắp đường dây 500kV đoạn VT141-VT151 thuộc dự án NMNĐ Nam Định I – Phố Nối, một công trình trọng điểm quốc gia do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo tiến độ. Việc đảm nhận dự án

này là minh chứng cho năng lực thi công và uy tín thương hiệu của Trường Sơn trong ngành xây lắp điện.

Song song với đó, Trường Sơn cũng là doanh nghiệp đi đầu trong sản xuất cọc và cột bê tông ly tâm dự ứng lực. Từ năm 2017, Công ty đã đưa vào vận hành hai dây chuyền sản xuất cột điện hiện đại, và đến năm 2020 tiếp tục khánh thành nhà máy sản xuất cọc bê tông với công suất lớn và công nghệ hàng đầu. Sản phẩm của Công ty đạt chuẩn chất lượng Việt Nam như TCVN 7888:2014, TCVN 5847:2016, TCCS 01-2014/BTTS, TCCS 02-2022/TS, được thị trường tin dùng và đánh giá cao.

Yếu tố nền tảng tạo nên vị thế của Trường Sơn gồm:

- **Năng lực quản lý và triển khai dự án:** Công ty đã tích lũy được kinh nghiệm sâu rộng từ thiết kế, thi công đến chuyển giao dự án. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, kiến trúc sư được đào tạo bài bản, giàu kinh nghiệm, kết hợp với hệ thống phương tiện thi công hiện đại giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu khắt khe về tiến độ và chất lượng.
- **Uy tín trong chất lượng và dịch vụ:** Trường Sơn luôn duy trì chất lượng sản phẩm ổn định, đảm bảo tiến độ, an toàn lao động, qua đó được các chủ đầu tư đánh giá cao và tiếp tục tin tưởng giao thực hiện các dự án mới.
- **Tiềm lực quản trị và tài chính ổn định:** Đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn, giàu kinh nghiệm, luôn chủ động thích ứng với sự thay đổi của thị trường. Tình hình tài chính của Công ty duy trì ổn định, lành mạnh, thuộc nhóm các thương hiệu tư nhân mạnh trong lĩnh vực xây lắp và sản xuất cọc, cột bê tông dự ứng lực tại Việt Nam.

Với chiến lược phát triển bền vững, nền tảng tài chính lành mạnh và năng lực thi công không ngừng được củng cố, Trường Sơn đang khẳng định vai trò của mình như một trong những đơn vị xây lắp tư nhân có năng lực cạnh tranh cao, sẵn sàng đảm nhận các dự án hạ tầng quy mô lớn, góp phần vào quá trình hiện đại hóa ngành năng lượng và xây dựng quốc gia.

➤ **So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn có hoạt động kinh doanh chủ yếu là thi công, xây lắp các công trình điện và sản xuất cọc, cột bê tông dự ứng lực. Công ty lựa chọn các đơn vị có cùng hoạt động trong ngành xây dựng công trình công nghiệp hiện đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên TTCK Việt Nam có quy mô tương đương để thực hiện so sánh, gồm:

- Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (Mã chứng khoán: SD5);
- Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (Mã chứng khoán: HUB);
- Công ty Cổ phần Xây dựng CDC (Mã chứng khoán: CCC);
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hudland (Mã chứng khoán: HLD).

Bảng 25. So sánh một số chỉ tiêu tài chính năm 2024 với các công ty trong cùng ngành

Đơn vị tính: tỷ đồng

Công ty	Vốn điều lệ	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần	LNST	ROE (%)	ROA (%)
SD5	259,998	1.596,792	480,432	2.337,133	23,646	4,94	1,53
HUB	262,984	961,051	614,619	308,546	71,203	11,79	7,51
CCC	402,500	2.083,852	588,064	2.189,074	42,288	7,89	2,22
HLD	316,000	2.023,313	427,257	28,959	3,820	0,90	0,29
TSA	350,000	643,130	396,237	652,667	23,543	6,12	3,83

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của các công ty)

Hiện tại, về tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2024 đạt 6,12% và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) trong năm 2024 đạt 3,83%, TSA đang ở vị trí trung bình – khá trong nhóm doanh nghiệp được lựa chọn để so sánh. Công ty có lợi thế về quy mô và doanh thu, song vẫn cần tiếp tục cải thiện hiệu quả sử dụng vốn và tài sản, đồng thời sẵn sàng mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh sản xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

➤ Mức độ cạnh tranh và thị phần

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn không có nguồn thông tin tham khảo chính thức để đánh giá mức độ cạnh tranh và thị phần đối với các doanh nghiệp cùng ngành, nghề hiện đang giao dịch/niêm yết trên thị trường Việt Nam.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo quy hoạch điện VIII, nhu cầu vốn đầu tư phát triển lưới điện truyền tải giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 18,1 tỷ USD. Do đó, việc triển khai các dự án điện nêu trên được tiến hành xong về mặt thủ tục đầu tư, tiến độ giải phóng mặt bằng... và đi vào xây dựng, Công ty kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận sẽ có sự tăng trưởng vượt bậc. Từ cuối năm 2023 và đầu năm 2024, Trường Sơn đã trúng nhiều gói thầu thuộc dự án đường dây 500kV mạch 3 mở rộng. Song song với mảng xây lắp, mảng sản xuất bê tông cũng được kỳ vọng sẽ phục hồi đáng kể nhờ sản xuất cột thép cho dự án 500kV mạch 3 kéo dài. Hầu hết các mảng kinh doanh của Trường Sơn đều được hưởng lợi lớn từ Quy hoạch Điện VIII.

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), nhu cầu vốn đầu tư cho lưới điện truyền tải giai đoạn 2031 – 2035 là khoảng 15,9 tỷ USD (bình quân 3,18 tỷ USD/năm) và giai đoạn 2036 – 2050 là khoảng 27,9 tỷ USD (bình quân 1,86 tỷ USD/năm). Theo đó, mảng xây lắp và sản xuất công nghiệp được kỳ vọng sẽ khá dồi dào từ nay tới 2050.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

✓ Định hướng phát triển của Công ty

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty.

- Tiếp tục mở rộng thêm địa bàn hoạt động của Công ty trên toàn quốc.
 - Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông sự kiện hỗ trợ cho công tác phát triển thương hiệu.
 - Duy trì và tạo dựng mối quan hệ tốt với đơn vị chủ đầu tư về ngành điện để đẩy mạnh hoạt động bán hàng, phân phối sản phẩm, mở rộng thị trường, phạm vi hoạt động.
 - Đầu tư trang máy móc thiết bị hiện đại hướng đến thi công những công trình lớn có giá trị cao.
- ✓ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Trường Sơn so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới**

Việc tăng trưởng sản lượng điện gắn liền với tăng trưởng GDP của một quốc gia. Những năm qua, hệ thống truyền tải điện của Việt Nam và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới không ngừng mở rộng, hoàn thiện. Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo yêu cầu Bộ Công Thương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể nhất là kế hoạch để triển khai Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 (Quyết định số 768/QĐ-TTG do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 15/04/2025).

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn, với thương hiệu đã được xác lập cùng với lợi thế sẵn có của đơn vị và đang xây dựng công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, chú trọng định hướng nâng cao trình độ công nghệ xây dựng, tạo điều kiện cho nhân viên nâng cao chuyên môn và nâng cấp trình độ quản lý, công nghệ hiện đại, từ đó nâng cao chất lượng công trình có khả năng cạnh tranh trên thị trường, và phát triển phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

10.8. Hoạt động Marketing

TSA có định hướng xuyên suốt trở thành một trong những nhà sản xuất – xây dựng hàng đầu Việt Nam. Trong lĩnh vực cốt lõi là xây lắp điện, Công ty luôn định hướng xây dựng hình ảnh và uy tín của mình trên mọi mặt chất lượng, tiến độ, giá thành và thẩm mỹ công nghiệp. Các công trình được thực hiện đảm bảo chất lượng với công nghệ kỹ thuật cao, không những hoàn thành kế hoạch mà còn bàn giao sớm hơn kế hoạch, giá thành đúng với chất lượng, và có tính thẩm mỹ. Hình ảnh uy tín của Công ty chính là hình ảnh marketing tốt nhất.

Để xây dựng hình ảnh tích cực trước khách hàng và chủ đầu tư, Phòng Xây dựng và đấu thầu đã xây dựng bản Hồ sơ năng lực nhằm mô tả đầy đủ, chính xác về khả năng tài chính cũng như năng lực thi công của Trường Sơn. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty cũng đang triển khai tổ chức phòng Quan hệ công chúng nhằm mục đích tối ưu hóa được khả năng tương tác giữa khách hàng, nhà cung cấp, cổ đông với Công ty.

Về sứ mệnh, Trường Sơn luôn mong muốn tạo ra những sản phẩm, giải pháp đầu tư xây dựng chất lượng nhất, đáp ứng sự kỳ vọng của khách hàng. Xây dựng môi trường làm việc công bằng, văn minh, mang lại lợi ích tối đa cho người lao động. Bảo vệ môi trường, không ngừng tạo nên những giá trị bền vững, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế quốc gia.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Trải qua quá trình hoạt động, Công ty đã để lại uy tín với các đối tác với sự phát triển đột phá về sản phẩm, đa dạng hóa về các sản phẩm vệ tinh (các sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ cho sản phẩm cốt lõi), nghiên cứu và phát triển các dịch vụ gia tăng, sự kiên định trong việc quản trị công ty và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Điều đó được thể hiện bằng sự tin tưởng của khách hàng, chủ đầu tư với sự hiện diện sản phẩm của Công ty ở rất nhiều hạng mục công trình quan trọng. Những thành quả đó đã tạo niềm tin vững chắc đối với chủ đầu tư, nhờ đó ngày càng củng cố tên tuổi cũng như vị thế của Công ty trong ngành và trong nền kinh tế. Hiện nay nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn là một thương hiệu mạnh trong ngành xây lắp điện cũng như cung cấp sản phẩm bê tông dự ứng lực.

Hình 13. Hình ảnh biểu tượng Logo của Công ty

Logo Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu từ ngày 31/07/2020



Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và ban hành hệ thống nhận diện thương hiệu để quản trị thương hiệu đồng thời xây dựng tính cách thương hiệu trong tâm trí khách hàng thông qua các hoạt động truyền thông, truyền tải hình ảnh và phương châm kinh doanh của thương hiệu Trường Sơn tới công chúng.

(Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống)

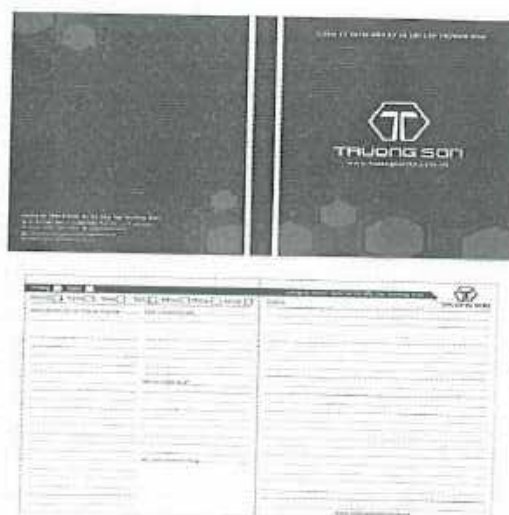
Hình 14. Hệ thống nhận diện thương hiệu của Trường Sơn



Thẻ nhân viên sử dụng trong nội bộ công ty



Phong bì thư sử dụng để gửi văn bản, tài liệu



Bìa và mặt trong của sổ tay sử dụng nội bộ và làm quà tặng cho khách hàng



Bảng tên Công ty sử dụng ở cửa văn phòng



Biển chức danh



Phù hiệu đeo ngực



Banner phục vụ các chiến dịch quảng cáo



Áo phong sử dụng trong các hoạt động nội bộ của Công ty



Đồng phục kỹ sư, KTV



Đồng phục văn phòng nữ



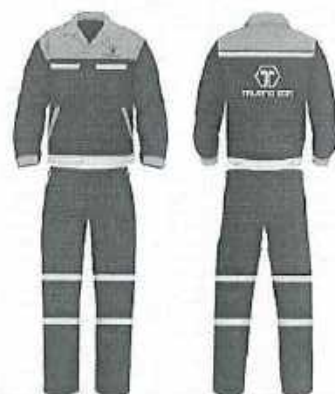
Đồng phục văn phòng nam



Đồng phục bảo vệ



Đồng phục lễ tân



Trang phục bảo hộ



Mũ bảo hộ

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

(Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống)

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong giai đoạn từ năm 2023 đến nay, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (TSA) đã chú trọng đầu tư nâng cao năng lực sản xuất và phát triển sản phẩm thông qua việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, cập nhật các xu hướng kỹ thuật xây dựng hiện đại. Hoạt động nghiên cứu và phát triển của Công ty tập trung vào hai định hướng chính:

- **Ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng thi công:** Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất cọc tại nhà máy, với quy mô tăng gấp đôi công suất so với trước đây, đồng thời đưa vào vận hành công nghệ đúc mới cho phép sản xuất cọc có đường kính lớn hơn 1.200 mm, phục vụ các dự án hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn như trạm biến áp và đường dây truyền tải điện. Dây chuyền mới sử dụng công nghệ ly tâm điều khiển tự động, giúp kiểm soát chất lượng đồng đều, rút ngắn thời gian đóng rắn, giảm hao hụt vật liệu và tối ưu hóa chi phí sản xuất. Ngoài ra, vào ngày 01/08/2025 vừa qua, HĐQT Công ty đã thông qua đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cọc, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực – Công trình: Xây dựng xưởng sản xuất cọc, cọc số 2 với mục tiêu gia tăng sản lượng, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của thị trường.
- **Phát triển sản phẩm chuyên biệt, khác biệt hóa so với thị trường:** TSA hiện là một trong số ít đơn vị trong ngành có khả năng sản xuất các loại cọc điện bê tông ly tâm một đoạn, chiều dài lớn, giúp giảm mối nối, tiết kiệm chi phí đầu tư cho chủ đầu tư dự án. Tiêu biểu như: Cọc PC và NPC một đoạn dài 14m, cọc dự ứng lực có lực đầu cọc lớn, chiều dài cọc lớn: cọc PC, NPC có chiều dài lên đến 30m, cọc có lực đầu cọc 35 Kn dài 22m (những chủng loại mà nhiều đơn vị khác chưa làm hoặc không đủ năng lực sản xuất ổn định).

10.11. Chiến lược kinh doanh

➤ Tổng quan về chiến lược kinh doanh của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp luôn dẫn đầu trong lĩnh vực thi công, xây lắp công trình điện và sản xuất các sản phẩm bê tông dự ứng lực với đảm bảo tiêu chí: chuyên nghiệp, hiệu quả và bền vững. Trong đó, với chiến lược kinh doanh ngắn hạn trong 2 năm tới, Công ty sẽ mở rộng quy mô lĩnh vực sản xuất và phát triển các sản phẩm bê tông mới chất lượng cao với các hoạt động sau:

- Thi công, xây lắp công trình điện: trở thành tổng thầu tư vấn, quản lý dự án, thi công xây lắp các dự án, công trình điện. Tiếp tục nâng cao năng lực, nắm bắt thời cơ hợp tác với các đối tác quốc tế, nghiên cứu tiếp cận đấu thầu thi công xây lắp các dự án lớn;
- Sản xuất các sản phẩm bê tông: đẩy mạnh phát triển lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bê tông như cọc, cọc bê tông dự ứng lực,...Đồng thời, tiếp tục tiến hành nghiên cứu các công nghệ, kỹ thuật mới nhằm áp dụng vào quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng các sản phẩm bê tông, tạo thương hiệu và uy tín trên thị trường cùng lĩnh vực;
- Hoàn thiện và phát triển các dự án xây dựng trung tâm thương mại và khu du lịch sinh thái;
- Mở rộng quy mô sản xuất: với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực, hiện tại công ty mới hoạt động chủ yếu tại thị trường miền Bắc. Do đó, công ty đẩy mạnh

hoạt động kinh doanh và sản xuất sản phẩm bê tông trên khắp Việt Nam, tận dụng cơ hội đầu tư thành lập các nhà máy sản xuất mới tại địa bàn miền Trung, miền Nam;

- Tiến hành nghiên cứu thị trường kinh doanh, mua bán điện tại các Khu công nghiệp. Đồng thời, đánh giá tiềm năng của Công ty và tham gia vào lĩnh vực này;
- Thực hiện nghiên cứu và tìm kiếm, nắm bắt các cơ hội đầu tư tài chính nhằm tăng lợi nhuận cho Công ty.

➤ **Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến**

Để triển khai đồng bộ các hoạt động kinh doanh, Công ty dự kiến sử dụng tất cả các nguồn vốn huy động được bao gồm:

- Nguồn vốn hiện có của công ty;
- Huy động vốn từ các cổ đông/nhà đầu tư;
- Vốn vay từ các tổ chức tín dụng.

Ban lãnh đạo Công ty sẽ cân đối huy động vốn từ các nguồn vốn một cách hợp lý, tùy thuộc vào từng thời điểm khác nhau trong tương lai nhằm thực hiện các chiến lược kinh doanh đã được đề ra.

10.12. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo pháp luật liên quan

Không có.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Trường Sơn, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ Nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Theo Báo cáo tài chính năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, tổng số lao động toàn Công ty đến thời điểm 31/12/2023 là 110 người, thời điểm 31/12/2024 là 147 người. Số lượng lao động bình quân của Công ty trong năm 2023 và năm 2024 là khoảng 129 người.

Tính đến thời điểm 30/09/2025, tổng số lao động trong Công ty là 153 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 26. Cơ cấu lao động của Công ty

Đơn vị: Người

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I	Theo giới tính						

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1	Nam	89	81	122	82,99	124	81,04
2	Nữ	21	19	25	17,01	29	18,95
II	Theo trình độ						
1	Trình độ đại học và trên đại học	28	26	32	21,77	32	20,91
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	15	14	15	10,20	15	9,80
3	Sơ cấp, trung cấp	-	-	-	-	-	-
4	Khác	67	40	100	68,03	106	69,28
III	Theo thời hạn						
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	-	-	-	-	-	-
2	Hợp đồng dài hạn	110	100	147	100	153	100
3	Hợp đồng ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng số		110	100	147	100	153	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a) Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 6 ngày/tuần, 48 giờ trong tuần, 8 giờ một ngày;
- Nghỉ lễ, tết và nghỉ phép theo quy định của Nhà nước;
- Được cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc.

b) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Công ty có chính sách trả lương cố định và lương kinh doanh. Ngoài ra, Công ty còn có các quy định về lương tháng thứ 13 và Quy chế tiền thưởng cho các dịp lễ, tết;
- Lương ngoài giờ: Các quy định về làm việc ngoài giờ và đơn giá tiền lương ngoài giờ theo Luật Lao động hiện hành;
- Hàng năm Công ty thực hiện xem xét nâng lương theo Quy chế tiền lương;
- Chính sách phúc lợi;
- Công ty đảm bảo các chế độ BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành. Hàng năm, Công ty có chế độ khám sức khỏe toàn diện cho cán bộ nhân viên 1 lần;

- Hàng năm, Công đoàn Công ty có chính sách khen thưởng dịp lễ tết: chính sách khen thưởng Nhân viên có thành tích xuất sắc và các chế độ tham quan, nghỉ mát định kỳ;
- Các chế độ phúc lợi khác cho người lao động, theo quy định của pháp luật.
- Công ty luôn đảm bảo môi trường làm việc an toàn.

c) Chính sách đào tạo

Trường Sơn thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên Công ty dưới nhiều hình thức phong phú, bao gồm đào tạo nội bộ tại Công ty, liên kết đào tạo với các đơn vị khác, cử cán bộ và chi trả kinh phí tham dự các khóa đào tạo nghiệp vụ do các cơ quan quản lý nhà nước tổ chức và động viên khuyến khích 100% cán bộ nghiệp vụ tham dự các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

d) Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của các CBNV Trường Sơn trong năm 2023 và năm 2024 như sau:

Bảng 27. Lương bình quân của CBNV năm 2023 và năm 2024

Đơn vị: đồng

Năm	2023	2024
Lương bình quân (đồng)	6.950.000	7.081.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế cụ thể để áp dụng trong toàn bộ quá trình hoạt động, hàng năm, dựa trên kết quả kinh doanh đạt được, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động cụ thể.

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc tài sản khác từ nguồn lợi nhuận giữ lại, sau khi Công ty đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính. Theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi được ĐHCĐ thông qua. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia cổ tức.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả cổ tức phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn điều lệ trong những năm gần đây như sau:

Bảng 28. Tỷ lệ chi trả cổ tức trong những năm gần đây

STT	Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Giá trị chi trả (VND)	Hình thức	Tình trạng
1	2022	-	-	-	-
2	2023	-	-	-	-
3	2024	10% Trong đó:	38.499.940.000	Tiền mặt và phát hành cổ phần	Đã thực hiện chi trả
		5%	19.250.000.000	Tiền mặt	
		5%	19.249.940.000 (*)	Phát hành cổ phần	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

(*) Giá trị phát hành theo mệnh giá sau khi hoàn tất được phát hành (đã được xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025).

Trong các năm qua, Công ty đang trong quá trình đầu tư mở rộng nên cần giữ lại dòng tiền để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó chưa thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông.

Tuy nhiên, với kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2024 và định hướng ổn định tài chính sau khi đã hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ đầu năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Nghị quyết số 89/NQ-TSA ngày 25/04/2025) đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% và cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%, tổng tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm 2025 là 10%. Việc chi trả đã được thực hiện với nguồn vốn là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12/2024 trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty.

Trong các năm tới, với kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Công ty sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch chi trả cổ tức hợp lý, đảm bảo hài hòa giữa quyền lợi cổ đông và nhu cầu tái đầu tư phục vụ chiến lược phát triển bền vững.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết
Không có.
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu
Không có.
15. Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích
Không có.

16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15

Không có.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

- 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất

Bảng 29. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023, năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm năm 2024 so với 2023	9 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	585.221.629.315	643.130.145.884	9,90	613.346.252.211
Vốn chủ sở hữu	372.862.341.784	396.237.459.467	6,27	428.735.889.172
Doanh thu thuần	369.214.890.229	652.666.751.902	76,77	442.051.565.125
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	13.086.728.067	29.218.511.271	123,27	21.019.182.112
Lợi nhuận khác	(71.522.337)	340.570.673	576,17	160.403.146
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.015.205.730	29.559.081.944	127,11	21.179.585.258
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.018.961.028	23.543.117.683	134,99	16.874.429.705
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	163,53	-	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	-	10,00	-	-
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân (%)	2,72	6,12	-	4,09

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty đạt 643,13 tỷ đồng, tăng 9,90% so với thời điểm 31/12/2023 (585,22 tỷ đồng), chủ yếu đến từ việc gia tăng tài sản ngắn hạn từ 381,35 tỷ đồng (năm 2023) lên 449,29 tỷ đồng (năm 2024), tăng 67,94 tỷ đồng (tương ứng 17,82% so với

cùng kỳ). Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng từ 206,37 tỷ đồng (năm 2023) lên 232,60 tỷ đồng (năm 2024), tăng 26,22 tỷ đồng, cùng với đó các khoản tiền và tương đương tiền cũng tăng 57,34 tỷ đồng, từ 65,86 tỷ đồng (năm 2023) lên 123,20 tỷ đồng (năm 2024). Tại thời điểm 30/09/2025, tổng giá trị tài sản của công ty đạt 613,34 tỷ đồng.

Doanh thu thuần năm 2024 tăng 76,77%, đạt 652,66 tỷ đồng, nhờ doanh thu thuần từ mảng xây lắp tăng hơn gấp đôi (từ 171,87 tỷ đồng trong năm 2023 lên 361,61 tỷ đồng trong năm 2024). Trong 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 442,05 tỷ đồng.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2024 đạt 29,21 tỷ đồng, tăng 123,27% so với cùng kỳ. Theo đó, lợi nhuận trước thuế đạt 29,55 tỷ đồng, tăng 127,11% so với năm 2023. Sau khi trừ thuế, lợi nhuận sau thuế năm 2024 ghi nhận 23,54 tỷ đồng, tăng 134,99% so với năm 2023. Trong 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 21,01 tỷ đồng, 21,17 tỷ đồng và 16,87 tỷ đồng.

Kết quả trên cho thấy hiệu quả quản trị chi phí và cơ cấu doanh thu hợp lý, đồng thời phản ánh những cải thiện rõ rệt về biên lợi nhuận và chất lượng tăng trưởng, đặc biệt từ mảng xây lắp – lĩnh vực cốt lõi của Công ty.

- **Các chỉ tiêu khác:** Không có.
- **Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập về các chỉ tiêu:** Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty

1.2.1. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động thi công, xây lắp công trình điện

➤ Nhân tố thuận lợi

Ngoài việc xây dựng nguồn điện như các nhà máy điện thì các hệ thống truyền tải điện gồm trạm biến áp và các mạng lưới đường dây cũng là một phần rất quan trọng trong Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia. Với nhu cầu về điện năng ngày càng tăng, Chính phủ đã phải đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào hệ thống trạm biến áp và đường dây truyền tải điện trong những năm qua và đặc biệt trong tương lai. Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (còn gọi là Quy hoạch điện VIII) được Thủ tướng phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025. Theo đó, với mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, quy hoạch điện VIII nhằm đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu điện, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng GDP bình quân khoảng 10,0%/năm giai đoạn 2026-2030, khoảng 7,5%/năm trong giai đoạn 2031-2050. Việc Quy hoạch điện VIII đi vào thực tiễn sẽ là động lực không nhỏ thúc đẩy các doanh nghiệp có năng lực xây lắp điện tốt như Trường Sơn tiếp tục phát triển. Theo Quy hoạch điện VIII, khối lượng xây dựng lưới truyền tải như sau:

- Giai đoạn 2025 - 2030: Xây dựng mới 102.900 MVA và cải tạo 23.250 MVA trạm biến áp 500 kV; xây dựng mới 12.944 km và cải tạo 1.404 km đường dây 500 kV; xây dựng mới 105.565 MVA và cải tạo 17.509 MVA trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới 15.307 km và cải tạo 5.483 km đường dây 220 kV.
- Định hướng giai đoạn 2031 - 2035: Xây dựng mới 26.000 - 36.000 MW dung lượng trạm chuyển đổi điện cao áp một chiều (trạm HVDC) và 3.500 - 6.600 km đường dây truyền tải cao áp một chiều (HVDC). Xây dựng mới 73.800 MVA và cải tạo 36.600 MVA trạm biến

áp 500 kV; xây dựng mới 7.480 km và cải tạo 650 km đường dây 500 kV; xây dựng mới 44.500 MVA và cải tạo 34.625 MVA trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới 4.296 km và cải tạo 624 km đường dây 220 kV.

- Định hướng giai đoạn 2036 - 2050: Xây dựng mới 26.000 - 36.000 MW dung lượng trạm HVDC và 3.600 - 6.700 km đường dây HVDC; xây dựng mới 24.000 MVA dung lượng trạm chuyển đổi điện cao áp xoay chiều (trạm HVAC) trên 500 kV và 2.500 km đường dây truyền tải cao áp xoay chiều HVAC trên 500kV; xây dựng mới 72.900 MVA và cải tạo 102.600 MVA trạm biến áp 500 kV; xây dựng mới 7.846 km và cải tạo 750 km đường dây 500 kV; xây dựng mới 81.875 MVA và cải tạo 103.125 MVA trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới 5.370 km và cải tạo 830 km đường dây 220 kV.

Cũng theo Quy hoạch điện VIII, định hướng phát triển lưới điện truyền tải 500 kV giữ vai trò xương sống trong liên kết các hệ thống điện miền và trao đổi điện năng với các nước trong khu vực. Với năng lực hiện có, việc phát triển các lưới điện truyền tải đồng bộ là một thuận lợi cho sự phát triển của Trường Sơn trong lĩnh vực xây lắp điện.

➤ Nhân tố khó khăn

Điều kiện thi công và điều kiện thời tiết luôn là khó khăn mà Trường Sơn luôn phải đối mặt trong các hoạt động xây lắp. Như đã phân tích trong phần rủi ro, các hoạt động xây lắp điện chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại nhiều khu vực có địa hình phức tạp, do đó, điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả và mức độ an toàn trong sản xuất kinh doanh của lĩnh vực này. Đây là khó khăn mà tất cả các công ty thuộc ngành xây lắp điện đều phải đối mặt.

Đối với hoạt động xây lắp nói riêng, ngành điện nói chung, yếu tố khoa học công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện hiệu quả sản xuất và tương thích với những tiến bộ kỹ thuật ngày càng cao cả trong và ngoài nước. Do đó, mỗi một thay đổi hoặc tiến bộ về mặt công nghệ sẽ làm cho năng lực sản xuất hiện có trở nên lỗi thời, đòi hỏi Công ty phải đầu tư mới thiết bị máy móc, nâng cao năng lực nhân sự vận hành.

1.2.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh cọc, cột bê tông

➤ Nhân tố thuận lợi

Với vị thế là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp, thi công các công trình điện nên Công ty đã có sẵn tệp khách hàng trong việc cung cấp cọc bê tông cho các chủ đầu tư lớn đã có quan hệ lâu năm. Từ lợi thế về kinh nghiệm và năng lực sản xuất, Công ty nhận thấy rằng việc sản xuất sẽ mang lại nguồn doanh thu lớn và ổn định trong nhiều năm tới.

Nhu cầu xây dựng dân dụng trong thời gian tới vẫn ở mức cao khi tốc độ đô thị hoá ở Việt Nam là khá nhanh, đạt 2,87%, tương đối nhanh trong khu vực. Trong 10 năm tới, The World Bank dự báo dân số đô thị Việt Nam dự phóng tăng trưởng trung bình 2,6%/năm, đứng thứ ba trong các quốc gia ASEAN. Tới năm 2039, sẽ có trên 50% dân số Việt Nam sống tại các đô thị và lên tới 57,3% trong năm 2050.

Theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 do Tổng cục Thống kê công bố, dân số Việt Nam tại thời điểm 01/04/2024 là hơn 101,1 triệu người, dân số thành thị đạt 38,6 triệu

người, chiếm 38,2% một tỷ lệ khá thấp trong khu vực, cho thấy dư địa phát triển lớn của các đô thị tại Việt Nam. Với mức dự báo về mức tăng dân số hàng năm, dân số Việt Nam năm 2025 ước đạt khoảng 102 triệu người. Căn cứ Quyết định 179/QĐ-TTg ngày 16/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5 - 1,9% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 1,9 - 2,3%. Theo đó, xu hướng đô thị hóa thúc đẩy nhu cầu nhà ở, công trình thương mại, công cộng và cơ sở hạ tầng đô thị.

Đồng thời, theo Bộ tài chính, tính đến hết 9 tháng đầu năm 2025, giải ngân vốn đầu tư công đạt khoảng 50% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, so với cùng kỳ năm 2024 cao hơn 4,5% về tỷ lệ. Hầu hết các địa phương thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng nằm trong nhóm các bộ, ngành, địa phương dẫn đầu cả nước về tỷ lệ giải ngân, trong đó có tỉnh Ninh Bình. Tại Ninh Bình, các dự án quan trọng, mang tính kết nối vùng được tỉnh đẩy mạnh thi công và thanh toán vốn như: Tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định (CT08); dự án Xây dựng cầu vượt sông Đáy nối tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định (cũ) thuộc tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình-Nam Định-Thái Bình- Hải Phòng; dự án Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định- Lạc Quan-Đường bộ ven biển; các tuyến đường liên kết Hà Nam-Nam Định-Ninh Bình (cũ), đường kết nối khu kinh tế Ninh Cơ. Các chuyên gia đều đánh giá cao phát triển cơ sở hạ tầng trong năm tới khi các vấn đề về thiếu hụt nguồn cung đá, cát và giá vật liệu xây dựng cao hầu như đã được giải quyết. Các dự án hạ tầng giao thông đáng chú ý trong thời gian tới tại miền Bắc là Cao tốc Bắc Nam (CTBN) phía Đông – giai đoạn 2021 – 2025 (12 dự án thành phần); Đường vành đai 4 (Hà Nội); Đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam...

Vì vậy, sản phẩm cọc bê tông ly tâm của Công ty sẽ luôn có chỗ đứng vững mạnh trên thị trường.

➤ Nhân tố khó khăn

Theo Báo cáo xu hướng sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và xây dựng quý III và dự báo quý IV năm 2025 của Cục thống kê (Bộ Tài chính), trong quý III năm 2025, các doanh nghiệp xây dựng cho thấy khó khăn lớn là sự biến động giá nguyên vật liệu xây dựng tăng cao.

Nguyên nhân chính đến từ nhu cầu do đầu tư công vào các dự án hạ tầng lớn như đường cao tốc, hệ thống cảng biển, sân bay... đã khiến nhu cầu cát, đá, thép, xi măng tăng đột biến. Trong khi đó, nguồn cát và đá phục vụ xây dựng ở một số địa phương còn xảy ra hiện tượng khan hiếm cục bộ, do tình trạng thiếu nguồn cung cấp: mỏ hết hạn, bị gián đoạn khai thác, sạt lở... Tình trạng chi phí nguyên liệu đầu vào như năng lượng - vận chuyển tăng cũng làm cho giá vật liệu xây dựng có xu hướng tăng.

1.2.3. Phân tích nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng mạnh trong năm 2024

Trong năm 2024, doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng trưởng mạnh mẽ nhờ trúng thầu nhiều công trình truyền tải điện trọng điểm, đặc biệt là đường dây 500kV mạch III – công trình cấp bách quốc gia được hoàn thành chỉ trong nửa năm. Khối lượng thi công khổng lồ từ dự án này, cùng với các gói thầu 220kV, trạm biến áp và ngầm hóa đô thị (công trình được xây dựng dưới mặt đất tại đô thị), đã mang lại nguồn Doanh thu lớn cho Công ty. Đồng thời, tiến độ nghiệm thu – thanh toán của các đơn vị trực thuộc EVN thuận lợi hơn, trong khi giá vật liệu chủ chốt như thép duy trì ổn định, tạo điều kiện cải thiện biên lợi nhuận. Ngoài ra, việc Chính phủ thúc đẩy tiến độ giải ngân các dự án đầu tư công cũng làm tăng nhu cầu sử dụng cọc, cột bê tông. Nhờ sự kết hợp của các yếu tố thuận lợi này, Công ty đã ghi nhận tăng trưởng vượt bậc về cả doanh thu và lợi nhuận, khẳng định vai trò hưởng lợi trực tiếp từ các dự án điện lớn của quốc gia.

1.2.4. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

➤ **Tình hình tăng vốn và sử dụng vốn điều lệ trong 02 năm gần nhất và tới thời điểm 30/09/2025**

Trong năm 2023, Công ty không tiến hành đợt tăng vốn điều lệ nào.

Năm 2024, Công ty triển khai phương án phát hành thêm 3.500.000 cổ phiếu ra công chúng theo nghị quyết Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-TS ngày 05/01/2024. Thời điểm hoàn thành đợt chào bán là ngày 11/03/2025.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, Công ty đã triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức tỷ lệ 5% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 89/NQ-TSA ngày 25/04/2025.

Các đợt phát hành tăng vốn điều lệ trong 02 năm gần nhất cụ thể như sau:

Tài liệu	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá (đồng)
Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-TS ngày 05/01/2024 thông qua Phương án phát hành thêm 3.500.000 cổ phiếu ra công chúng tương đương 35.000.000.000 đồng và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	3.500.000	35.000.000.000
Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 89/NQ-TSA ngày 25/04/2025 thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức tỷ lệ 5%	1.924.994	19.249.940.000

Tài liệu	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá (đồng)
Tổng cộng	5.424.994	54.249.940.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2025 của TSA)

- **Phát hành thêm 3.500.000 cổ phiếu ra công chúng tương đương 35.000.000.000 đồng và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Phương án sử dụng vốn được thông qua và điều chỉnh chi tiết tại Báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán số 93/BC-TSA ngày 25/04/2025. Theo kết quả sử dụng vốn tính đến thời điểm 25/04/2025, Công ty đã sử dụng vốn theo đúng các mục đích công bố tới cổ đông/nhà đầu tư và các cơ quan quản lý, cụ thể như sau:

- Tổng số tiền thu ròng từ đợt chào bán: 34.998.900.000 đồng.
- Mục đích sử dụng vốn và số tiền sử dụng:
- Thanh toán tiền vay ngân hàng: 17.500.000.000 đồng. Tổng số tiền đã sử dụng: 17.500.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này đã được TSA sử dụng để chi trả cho các khoản gốc và lãi vay ngân hàng, chi tiết như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Hợp đồng hạn mức	Ngân hàng cấp tín dụng	Số tiền sử dụng (VND)
1	Thanh toán tiền vay ngân hàng	236630.24.770.2145251.TD	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam	10.012.837.617
		23/23/HĐCTD/HNA	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	3.848.051.551
		01/2023/3586897/HĐTD	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	3.639.110.832
Tổng				17.500.000.000

- Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh: 17.500.000.000 đồng. Tổng số tiền đã sử dụng: 17.500.000.000 đồng, cụ thể như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn		Số tiền dự kiến	Tỷ lệ (%)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Chi phí mua sắt, thép phục vụ sản xuất		6.200.000.000	17,71%	Quý II và/hoặc Quý III năm 2025.
1.1	Thanh toán một phần tiền mua thép, xi măng theo Hợp đồng nguyên tắc số 03012025 HĐNT-TY-TS ngày 03/01/2025	Công ty TNHH thương mại Thắng Yên	3.500.000.000		
1.2	Thanh toán một phần tiền mua thép theo Hợp đồng nguyên tắc số 02.01.2025 HĐNT-TS-KPH ngày 02/01/2025	Công ty TNHH Kim khí Phú Hưng	2.700.000.000		
2	Chi phí mua cát, đá phục vụ sản xuất		2.500.000.000	7,14%	
2.1	Thanh toán một phần tiền mua đá, cát, vận chuyển theo Hợp đồng kinh tế số 02.01.25 HĐKT-TS-TRANSCO ngày 02/01/2025	Công ty TNHH kinh doanh vận tải Transco	2.500.000.000		
3	Chi phí mua xi măng phục vụ sản xuất		3.000.000.000	8,57%	
3.1	Thanh toán một phần tiền mua xi măng theo Hợp đồng kinh tế số 08/2025/HĐKT/TN-TS ngày 01/01/2025	CTCP Thương mại Thành Nam	3.000.000.000		
4	Chi phí mua bích cột, bích đầu cọc phục vụ sản xuất		4.300.000.000	12,29%	
4.1	Thanh toán một phần tiền mua bích cột điện theo Hợp đồng nguyên tắc số 02.01.25 HĐNT/ĐTC-TS ngày 02/01/2025	Công ty TNHH Cơ khí Đức Thành Công	1.000.000.000		

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền dự kiến	Tỷ lệ (%)	Thời gian sử dụng dự kiến
4.2	Thanh toán một phần tiền mua bích đầu cọc theo Hợp đồng nguyên tắc số 02.01.25 HĐNT/HB-TS ngày 02/01/2025	CTCP Sản xuất và Thương mại Kim khí Hưng Bắc	1.500.000.000	
4.3	Thanh toán một phần tiền mua bích đầu cọc theo Hợp đồng nguyên tắc số 02.01.25 HĐNT/TC-TS ngày 02/01/2025	Công ty TNHH Tiến Cường	1.800.000.000	
5	Chi phí nhập than phục vụ sản xuất		1.500.000.000	4,29%
5.1	Thanh toán một phần tiền nhập than cám theo Hợp đồng kinh tế số 02.01.25 HĐKT/TS-GVC ngày 02/01/2025	CTCP Đầu tư và Phát triển Gavico	1.500.000.000	
Tổng		17.500.000.000	50%	

(*) là tỷ lệ được tính bằng số tiền sử dụng cho từng hạng mục trên tổng nguồn vốn huy động (35.000.000.000 đồng).

Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét, đến thời điểm ngày 30/06/2025, Công ty đã sử dụng hết số vốn thu được từ đợt phát hành 3.500.000 cổ phiếu.

○ **Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức tỷ lệ 10%**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 89/NQ-TSA ngày 25/04/2025 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Tài liệu	Số cổ phiếu
Trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 5% tương đương 19.250.000.000 đồng	19.250.000.000
Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức tỷ lệ 5% tương đương 19.250.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu đã phân phối là 1.924.994 cổ phiếu tương đương 19.249.940.000 đồng.	19.249.940.000
Tổng cộng	38.499.940.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2025 của TSA)

➤ **Vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn kinh doanh**

Bảng 30. Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I. Vốn chủ sở hữu	372.862.341.784	396.237.459.467	428.735.889.172
Vốn góp của chủ sở hữu	350.000.000.000	350.000.000.000	404.249.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	(126.000.000)
LNST chưa phân phối	22.862.341.784	46.237.459.467	24.611.949.172
II. Nợ phải trả	212.359.287.531	246.892.686.417	184.610.363.039
Nợ ngắn hạn	203.360.827.216	240.775.138.194	181.373.726.908
Nợ dài hạn	8.998.460.315	6.117.548.223	3.236.636.131
Tổng nguồn vốn kinh doanh	585.221.629.315	643.130.145.884	613.346.252.211

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

Bảng 31. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.860.531.119	123.206.220.051	66.893.597.797
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.011.575.963	3.142.990.803	3.173.587.866
Các khoản phải thu ngắn hạn	219.778.781.801	234.659.240.978	205.420.793.832
Hàng tồn kho	92.475.545.321	86.397.093.362	138.925.322.082
Tài sản ngắn hạn khác	225.284.940	1.886.886.688	6.980.534.866
Tài sản cố định	157.171.725.046	148.128.126.640	141.840.205.883
Tài sản dở dang dài hạn	32.348.339.963	32.490.867.752	35.887.352.238
Tài sản dài hạn khác	4.578.870.604	4.647.745.052	5.653.883.089
Tổng cộng	575.450.654.757	634.559.171.326	604.775.277.653

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Trong suốt thời gian sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định.

Khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 – 50 năm;
- Máy móc, thiết bị: 03 – 15 năm;
- Phương tiện vận tải: 06 – 15 năm;
- Thiết bị văn phòng: 03 – 07 năm.

2.1.3. Mức lương bình quân

Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, v.v. căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo quy chế của Công ty.

- Thu nhập bình quân tính đến 31/12/2023: 6.950.000 đồng/người/tháng;
- Thu nhập bình quân tính đến 31/12/2024: 7.081.000 đồng/người/tháng.

So với mặt bằng chung của các doanh nghiệp cùng ngành xây lắp và sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam và các khu vực lân cận, mức thu nhập bình quân của người lao động tại Trường Sơn được đánh giá là tương đối cạnh tranh và ổn định. Trong khi nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp đang phải cắt giảm nhân sự hoặc giữ mức lương không đổi do ảnh hưởng của chi phí đầu vào và biến động thị trường, Công ty vẫn duy trì mức tăng thu nhập hàng năm cho người lao động.

Ngoài chính sách lương, Công ty còn đảm bảo đầy đủ các chế độ thưởng lễ, Tết, phúc lợi, bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe. Trong giai đoạn tới, với mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao năng suất lao động, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục điều chỉnh tăng thu nhập cho người lao động, góp phần giữ chân nguồn nhân lực chất lượng và nâng cao đời sống CBNV.

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 32. Tổng số nợ phải thu và nợ phải trả của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Tổng nợ phải thu	229.549.756.359	243.230.215.536	213.991.768.390
1	Phải thu ngắn hạn	219.778.781.801	234.659.240.978	205.420.793.832
2	Phải thu dài hạn	9.770.974.558	8.570.974.558	8.570.974.558
II	Tổng số nợ phải trả	212.359.287.531	246.892.686.417	184.610.363.039
1	Nợ ngắn hạn	203.360.827.216	240.775.138.194	181.373.726.908
2	Nợ dài hạn	8.998.460.315	6.117.548.223	3.236.636.131

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

2.1.5. Công nợ phải thu

Bảng 33. Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Phải thu ngắn hạn	219.778.781.801	234.659.240.978	205.420.793.832
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	206.379.686.589	232.604.525.858	169.744.024.920
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.482.451.260	5.292.625.370	29.035.366.160
3	Phải thu ngắn hạn khác	60.272.100	450.000.000	12.296.657.997
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.143.628.148)	(3.687.913.250)	(5.655.255.245)
II	Phải thu dài hạn	9.770.974.558	8.570.974.558	8.570.974.558
1	Phải thu dài hạn khách hàng	9.770.974.558	8.570.974.558	8.570.974.558
2	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
Tổng cộng		229.549.756.359	243.230.215.536	213.991.768.390

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng giá trị các khoản phải thu của Công ty đạt 243,23 tỷ đồng, tăng khoảng 6% so với thời điểm 31/12/2023 (229,54 tỷ đồng).

Tại ngày 30/09/2025, tổng khoản phải thu là 213,99 tỷ đồng, trong đó các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng là 169,74 tỷ đồng, đồng thời các khoản trả trước cho người bán phát sinh là 29,03 tỷ đồng và phải thu ngắn hạn khác là 12,29 tỷ đồng.

Về cơ cấu các khoản phải thu, phải thu ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu, đạt 205,42 tỷ đồng tại thời điểm 30/09/2025, tương ứng khoảng 95,99% tổng giá trị phải thu. Phải thu dài hạn ở mức 8,57 tỷ đồng, chiếm khoảng 4,01% tổng giá trị phải thu.

Chi tiết một số chỉ tiêu trọng yếu trong công nợ phải thu của Công ty giai đoạn 2023 – 2024 được trình bày dưới đây:

➤ **Phải thu khách hàng**

Bảng 34. Chi tiết các khoản phải thu khách hàng

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Phải thu khách hàng ngắn hạn	206.379.686.589	232.604.528.858	145.631.598.764
1	Công ty Cổ phần Thái Bình Dương	17.466.122.442	14.466.122.442	12.466.122.442
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Việt Hà Nội	19.843.152.480	13.843.152.480	7.893.152.480
3	Ban quản lý dự án Phát triển	430.828.844	39.870.524.133	13.992.298.006

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
	Điện lực			
4	Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam	400.000.000	1.200.000.000	600.000.000
5	Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	20.903.865.342	2.254.393.582	819.942.551
6	Các khoản phải thu các khách hàng khác	147.335.717.481	160.970.336.221	133.972.509.441
II	Phải thu khách hàng dài hạn	9.770.974.558	8.570.974.558	8.570.974.558
1	Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam (*)	9.770.974.558	8.570.974.558	8.570.974.558
	Tổng cộng	216.150.661.147	241.175.503.416	154.202.573.322

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

(*) Theo Hợp đồng 03/2020/HDXL/HP-TS ngày 01/08/2020 và PLHD số 01 ngày 02/01/2022, PLHD số 02 ngày 25/12/2023, Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ được quy định cụ thể theo phụ lục hoặc theo tiến độ mà thầu chính được chủ đầu tư thanh toán, tùy điều kiện nào đến trước. Lịch thanh toán theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng được quy định cụ thể như sau: Năm 2025: 1.200.000.000 đồng; Năm 2026: 3.200.000.000 đồng; Năm 2027: 5.370.974.558 đồng).

➤ **Nợ xấu và các khoản dự phòng phải thu khó đòi**

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi tại 30/09/2025 như sau:

Bảng 35. Các khoản phải thu khó đòi của Công ty tại ngày 30/09/2025

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đối tượng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Trích lập dự phòng
1	Công ty cổ phần đầu tư Đức Việt	Trên 3 năm	492.488.510	-	(492.488.510)
2	Công ty cổ phần xây dựng SAS	Trên 3 năm	838.949.825	-	(838.949.825)
3	Công ty cổ phần xây lắp ALPHA	Trên 3 năm	243.387.000	-	(243.387.000)
4	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp K18	Trên 3 năm	283.780.000	-	(283.780.000)

Stt	Tên đối tượng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Trích lập dự phòng
5	Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Hà Nam	1 - 2 năm	-	-	-
6	Công ty cổ phần phát triển năng lượng Thủ Đô	2 - 3 năm	151.761.080		(151.761.080)
7	Công ty cổ phần xây dựng và nội thất Thăng Long	dưới 1 năm	466.109.600	326.276.720	(139.832.880)
8	Công ty TNHH điện Sông Thương	1 - 2 năm	800.000.000	450.000.000	(350.000.000)
9	Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Bình Minh	Trên 3 năm	72.435.480	-	(72.435.480)
10	Công ty TNHH sản xuất và xây dựng thương mại Tân Việt Phát	2 - 3 năm	689.306.000	-	(689.306.000)
11	Công ty cổ phần thiết bị và xây lắp ACG	2 - 3 năm	394.070.000	-	(394.070.000)
12	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hoàng Tiến Phát	2 - 3 năm	1.524.079.470	-	(1.524.079.470)
13	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và sản xuất Công nghiệp	2 - 3 năm	-	-	-
14	Công ty cổ phần SATURN Việt Nam	2 - 3 năm	475.165.000	-	(475.165.000)
Tổng			6.431.531.965	776.276.720	(5.655.255.245)

(Nguồn: Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

- **Tình trạng và căn cứ thực hiện trích lập dự phòng:** Các khoản phải thu khó đòi mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn đang thực hiện trích lập dự phòng chủ yếu phát sinh từ các khách hàng đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, dẫn đến chưa có nguồn thu để thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự

phòng các khoản nợ phải thu quá hạn đúng mức theo điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/09/2019 do Bộ Tài chính ban hành:

“a) Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.”

- **Khả năng thu hồi:** Trên thực tế, các khách hàng có phát sinh các khoản phải thu khó đòi với Công ty vẫn hoạt động bình thường và chỉ tạm thời rơi vào tình trạng khó khăn về tài chính. Do đó, TSA đã và đang tích cực đối thoại với các khách hàng nêu trên, cùng nhau tìm kiếm giải pháp phù hợp, từng bước thu hồi các khoản công nợ quá hạn đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

2.1.6. Công nợ phải trả

Bảng 36. Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Tổng nợ ngắn hạn	203.360.827.216	240.775.138.194	181.373.726.908
1	Phải trả người bán ngắn hạn	53.583.564.019	128.459.388.230	50.815.067.257
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	45.625.994.429	32.413.201.236	30.096.976.040
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	4.979.065.576	2.965.964.261	4.594.876.953
4	Phải trả người lao động	-	-	1.672.444.875
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	240.418.658	256.441.873	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	-	-	300.198.363
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	98.918.017.138	76.666.375.198	93.880.396.024
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.767.396	13.767.396	13.767.396
II	Tổng nợ dài hạn	8.998.460.315	6.117.548.223	3.236.636.131
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.998.460.315	6.117.548.223	3.236.636.131
Tổng cộng		212.359.287.531	246.892.686.417	184.610.363.039

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

Tính đến hết ngày 31/12/2024, tổng nợ phải trả của Trường Sơn là 246,89 tỷ đồng, tăng 16,3% so với thời điểm 31/12/2023 (212,36 tỷ đồng).

Trong các khoản phải trả, tỷ trọng lớn nhất đến từ phải trả người bán ngắn hạn (128,46 tỷ đồng) và vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn (76,67 tỷ đồng). Các khoản vay và nợ thuê tài chính chủ yếu là các hợp đồng tín dụng ngắn hạn với thời hạn 12 tháng tại các ngân hàng như BIDV – Chi nhánh Hà Nam, MB – Chi nhánh Hà Nam và Vietcombank – Chi nhánh Hà Nam. Đây đều là các đối tác tín dụng có mối quan hệ lâu dài với Công ty. Mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, có tài sản đảm bảo và được giải ngân đúng mục đích.

Tại thời điểm 30/09/2025, tổng nợ phải trả của Công ty là 184,61 tỷ đồng. Theo đó, Công ty đã thanh toán các khoản phải trả người bán và khoản vay ngắn hạn. Đồng thời, trong Quý I năm 2025, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ với giá trị tăng thêm là 35 tỷ đồng, trong đó 17,5 tỷ đồng được sử dụng để trả nợ ngân hàng.

Chi tiết một số chỉ tiêu trọng yếu trong công nợ phải trả của Công ty giai đoạn 2023 – đến hết 09 tháng đầu năm 2025 được trình bày dưới đây:

➤ **Các khoản phải trả người bán**

Bảng 37. Chi tiết các khoản phải trả người bán

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Phải trả người bán ngắn hạn	53.583.564.019	128.459.388.230	50.815.067.257
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành	5.914.218.167	2.122.436.198	-
2	Công ty TNHH Duyên Hà	6.825.930.491	3.618.449.062	774.636.875
3	Công ty TNHH HBT Toàn Cầu	2.368.133.822	1.352.109.066	-
4	Công ty cổ phần cơ điện Đại Dũng	6.705.199.487	1.490.885.630	-
5	Công ty cổ phần Thương Mại Thành Nam	3.004.491.700	4.251.813.033	5.218.818.232
6	Công ty TNHH xây lắp điện và dịch vụ thương mại Đức Thắm	1.849.070.563	6.418.327.579	2.837.728.212
7	Công ty cổ phần GVI	-	15.933.044.060	-
8	Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh	-	8.924.379.171	-
9	Công ty TNHH kỹ thuật xây lắp điện Hà Nam	-	361.733.033	2.552.381.032
10	Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng Vạn Thành Phát	1.191.124.096	3.132.448.857	2.677.899.884

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
11	Các khoản phải trả người bán khác	25.725.395.693	80.853.762.541	36.753.603.022
II	Phải trả người bán dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	53.583.564.019	128.459.388.230	50.815.067.257

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

➤ **Các khoản người mua trả tiền trước**

Bảng 38. Các khoản người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	45.625.994.429	32.413.201.236	30.096.976.040
1	Công ty Điện Lực Hà Nam-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	-	5.632.367.504	-
2	Ban Quản lý dự án truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia	7.396.132.544	4.261.788.170	-
3	Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	-	-	3.661.370.706
4	Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	21.692.492.885	14.222.290.281	-
5	Công ty điện lực Bắc Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	-	3.370.079.187	-
6	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Quận Hoàng Mai	-	-	6.701.015.000
7	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Kim Bảng	-	-	9.867.131.988
8	Các khoản người mua trả tiền trước khác	16.537.369.000	4.926.676.094	9.867.458.346
II	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	45.625.994.429	32.413.201.236	30.096.976.040

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

➤ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Theo các BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý III năm 2025 của Công ty, TSA không có bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn nào. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn đều được thanh toán đúng hạn và đầy đủ, không phát sinh nghĩa vụ thanh toán bị chậm trễ. Điều này phản ánh năng lực thanh toán của Công ty đang ở mức tốt, đảm bảo duy trì uy tín với các ngân hàng và nhà cung cấp.

2.1.7. Tổng dư nợ vay

Bảng 39. Cơ cấu vay và nợ thuê tài chính của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	98.918.017.138	76.666.375.198	93.880.396.024
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.998.460.315	6.117.548.223	3.236.636.131
Tổng cộng		107.916.477.453	82.783.923.421	97.117.032.155

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

• **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Bảng 40. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
A	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	98.918.017.138	76.666.375.198	93.880.396.024
I	Vay ngắn hạn ngân hàng	92.505.389.566	73.785.463.106	92.439.939.978
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam (i)	53.418.863.255	16.318.550.225	19.379.065.576
2	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam (ii)	23.116.708.695	38.183.431.479	40.817.870.031
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam (iii)	15.969.817.616	19.283.481.402	32.243.004.371
II	Nợ dài hạn đến hạn trả	6.412.627.572	2.880.912.092	1.440.456.046

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

Trong đó:

- (i) Là các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 01/2024/3586897/HDTD ngày 23 tháng 10 năm 2024. Hạn mức tín dụng thường xuyên: 200.000.000.000 đồng, thời hạn

cấp tín dụng 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn vay và lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp là bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại KCN Châu Sơn (thửa 25, 26), hệ thống máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực và 50% hàng tồn kho là thành phẩm cột điện chưa chuyển giao;

- (ii) Là khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 236630.24.770.2145251.TD ngày 15 tháng 08 năm 2024. Hạn mức tín dụng: 310.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay: 80.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình, sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực. Thời hạn vay và lãi suất được quy định trong từng Khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp bao gồm: quyền sử dụng đất và nhà ở (số 328/20/HĐTC/XJ50) thuộc ông Nguyễn Văn Trường và bà Hoàng Kim Huế – Bên liên quan; hệ thống máy móc thiết bị; quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất số 13/HĐTD ngày 13/03/2019; các quyền sử dụng đất số LD 70523 và LD 770523 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 04/07/2023; cùng với một loạt các hợp đồng tín dụng và khế ước có liên quan;
- (iii) Là các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 111/24/HĐCTD/HNA ngày 18 tháng 10 năm 2024. Hạn mức tín dụng: 250.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay và lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp bao gồm: quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 328/20/HĐTC/XJ50 (ông Nguyễn Văn Trường và bà Hoàng Kim Huế – bên liên quan); hệ thống máy móc thiết bị tại Công ty, bao gồm máy hàn lồng thép cột điện, chiều dài $L_{max} = 12m$ (tích hợp cả đầu hàn thép thường và thép dự ứng lực); và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 498/234DTC/HNA ký ngày 31/10/2023 (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, tồn kho, dự trữ hoặc chờ bán và các hàng hóa khác có thể sử dụng hoặc tiêu thụ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty).
- **Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Bảng 41. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
A	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.998.460.315	6.117.548.223	3.236.636.131
I	Vay dài hạn ngân hàng	8.998.460.315	6.117.548.223	3.236.636.131
1	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam (iv)	7.398.460.315	5.317.548.223	3.236.636.131
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam (v)	1.600.000.000	800.000.000	-

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

Trong đó:

- (iv) Là các khoản vay dài hạn theo hợp đồng số 21175.19.770.2145251.TD ngày 10/06/2019 với hạn mức 66,56 tỷ đồng, hợp đồng số 48488.21.770.2145251.TD ngày 07/06/2021 với hạn mức 1,25 tỷ đồng và hợp đồng số 37664.21.770.2145251.TD ngày 07/07/2021 với hạn mức 1,54 tỷ đồng, nhằm mục đích tài trợ mua sắm, mở rộng nhà máy, thiết bị sản xuất, với lãi suất thỏa thuận theo từng kế ước nhận nợ;
- (v) Là khoản vay dài hạn theo hợp đồng số 01/2021/3586897/HDTD ngày 14/04/2021 với hạn mức 8 tỷ đồng để thực hiện Dự án điện mặt trời áp mái nhà xưởng, lãi suất 8,4%/năm (áp dụng từ 01/01/2024 đến 30/06/2024, điều chỉnh định kỳ 6 tháng).

2.1.8. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành: được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: mức thuế suất thuế TNDN đang áp dụng là 20%.

Căn cứ Công văn số 2820/TB-NBI do Cục Thuế tỉnh Ninh Bình ban hành ngày 26/09/2025 về việc thông báo tiền nợ thuế, theo đó tính đến ngày 26/09/2025, Công ty còn nợ thuế 0 đồng (bằng chữ: Không đồng). Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định của Nhà nước và không có các khoản phải nộp quá hạn.

Bảng 42. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1	Thuế giá trị gia tăng	2.202.713.610	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.774.510.855	2.965.964.261	4.305.155.553
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.841.111	-	-
4	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
4	Các loại thuế khác	-	-	289.721.400
Tổng cộng		4.979.065.576	2.965.964.261	4.594.876.953

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

2.1.9. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ Công ty, theo quy định của Pháp luật và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Hiện tại Trường Sơn chưa trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế.

Bảng 43. Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1	Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-
2	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	13.767.396	13.767.396	13.767.396
Tổng cộng		13.767.396	13.767.396	13.767.396

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025)

2.1.10. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 44. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,88	1,87
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,42	1,51
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	36,29	38,39
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	56,95	62,31
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	3,40	6,63
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	0,64	1,06
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	2,71	3,61
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	1,75	3,83
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	2,72	6,12

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,54	4,48

(Nguồn: APG tổng hợp dựa trên BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

- Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán phản ánh mức độ an toàn tài chính, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và dài hạn được đảm bảo. Cụ thể, TSNH/Nợ ngắn hạn của Công ty năm 2024 đạt 1,87, gần tương đương với 1,88 năm 2023. Chỉ số (TSNH – HTK)/Nợ ngắn hạn tăng từ 1,42 lên 1,51. Các chỉ số này cho thấy Công ty duy trì được khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong ngắn hạn.

- Cơ cấu vốn

Chỉ tiêu Nợ/Tổng tài sản phản ánh tỷ trọng nguồn vốn vay trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp, trong khi Nợ/Vốn chủ sở hữu thể hiện mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính. Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2024 của Công ty lần lượt là 38,39% và 62,31%, tăng so với mức 36,29% và 56,95% của năm 2023.

- Năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản và vòng quay hàng tồn kho đo lường hiệu quả sử dụng tài sản trong việc tạo ra doanh thu và mức độ luân chuyển hàng tồn kho. Vòng quay tổng tài sản của Công ty năm 2024 đạt 1,06 lần, tăng so với mức 0,64 lần của năm 2023. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,40 lần (năm 2023) lên 6,63 lần (năm 2024).

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu ROS, ROA và ROE lần lượt phản ánh khả năng sinh lợi từ doanh thu, tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty. Năm 2024, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế tăng, kéo theo các chỉ số ROS, ROA và ROE đều cải thiện rõ rệt so với năm 2023. Cụ thể, ROS tăng từ 2,71% (năm 2023) lên 3,61% (năm 2024); ROA tăng từ 1,75% (năm 2023) lên 3,83% (năm 2024) và ROE tăng từ 2,72% (năm 2023) lên 6,12% (năm 2024).

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập về các chỉ tiêu: Không có.

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết

✓ Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2023 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO (ASCO) thực hiện:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam,

Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

*** Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH PKF Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 02 năm 2023."

- ✓ **Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2024 do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV) thực hiện:**

"Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

*** Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên của đơn vị kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần."

- ✓ **Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV) thực hiện:**

"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ."

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức trong các năm tiếp theo

4.1. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của TSA đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 như sau:

Bảng 45. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2024	Năm 2025 (*)	
		Kế hoạch	% tăng/ giảm so với 2024
Doanh thu thuần (đồng)	652.666.751.902	690.000.000.000	5,72%

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2024	Năm 2025 (*)	
		Kế hoạch	% tăng/ giảm so với 2024
Vốn điều lệ (đồng)	350.000.000.000	400.000.000.000	14,29%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	23.543.117.683	26.500.000.000	12,56%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	3,61%	3,84%	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	6,12%	6,62%	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	10	10	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

4.2. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

➤ Kế hoạch đầu tư Dự án đã được HĐQT thông qua

Nhằm mở rộng quy mô sản xuất, gia tăng sản lượng và công suất, đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường, vào ngày 01/08/2025, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 186/NQ-HĐQT thông qua Dự án đầu tư xây dựng: Nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực – Công trình: Xây dựng xưởng sản xuất cọc, cột số 2, cụ thể với các thông tin như sau:

- Tên Công trình: Xây dựng xưởng sản xuất cột, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực số 2 thuộc dự án: Nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực.
- Địa điểm: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn.
- Mục đích: Hiện nay, Công ty đang vận hành 01 xưởng sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực và 02 xưởng sản xuất cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực (xưởng số 1 và xưởng số 2). Tuy nhiên, trước nhu cầu thị trường tăng cao, Công ty triển khai xây dựng thêm nhà xưởng nhằm mở rộng năng lực sản xuất, gia tăng sản lượng để đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường xây dựng.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến ngày 30/06/2026.
- Thời hạn của dự án: Dự kiến 40 năm.
- Quy mô: Tổng công suất từ 1.000.000 m – 1.300.000 m²/năm và các hạng mục phụ trợ phục vụ sản xuất.
- Tổng vốn đầu tư:

Nội dung	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ trên tổng vốn đầu tư (%)
Vốn tự có	41.574.000.000	30,66
Vốn vay	97.006.000.000	71,55
Tổng vốn đầu tư tạm tính	135.580.000.000	100,00

4.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chào bán thêm 35 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 thông qua.

Cũng trong năm 2025, ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ bằng các hình thức: (i) chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phát hành là 5% tương ứng với 1.925.000 cổ phiếu (đã hoàn thành phát hành 1.924.994 cổ phiếu sau khi làm tròn trong Quý II/2025) và (ii) phát hành thêm cổ phiếu cho CBNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số lượng là 500.000 cổ phiếu (chưa thực hiện). Dự kiến vốn điều lệ của Công ty sau cả hai đợt phát hành sẽ vượt trên 409 tỷ đồng.

4.4. Căn cứ để đạt được kế hoạch

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty được xây dựng tại thời điểm kết thúc Quý I năm 2025 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua, dựa trên hai nhóm căn cứ chính: (1) các yếu tố nội tại phản ánh năng lực và nền tảng sẵn có của TSA, và (2) các yếu tố vĩ mô và xu hướng ngành tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xây lắp điện - lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty.

➤ Các yếu tố nội tại của TSA

Kế hoạch kinh doanh trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua được Ban Giám đốc Công ty xây dựng tại thời điểm kết thúc Quý I năm 2025. Tại thời điểm này, Ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh dựa trên số liệu kinh doanh tại Quý I, các dự án xây lắp, đơn hàng đã ký kết và các dự án mà TSA có khả năng trúng thầu cao. TSA đã xây dựng kế hoạch doanh thu cả năm 2025 ở mức 690 tỷ đồng, tăng 5,71% so với kết quả thực hiện năm 2024. Tỷ lệ tăng trưởng này thể hiện định hướng phát triển thận trọng, phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp – thường ghi nhận doanh thu tập trung vào các quý cuối năm. Đồng thời, đây cũng là mức chỉ tiêu có cơ sở thực hiện vững chắc dựa trên các yếu tố sau:

Thứ nhất, tính đến hết Quý I năm 2025, tổng giá trị các hợp đồng mà Công ty đã ký kết với các đối tác, khách hàng là gần 750 tỷ đồng, tuy nhiên phần lớn chưa triển khai hoặc chưa ghi nhận doanh thu. Theo Báo cáo tài chính Quý I năm 2025, Công ty ghi nhận 75,74 tỷ đồng doanh thu thuần (tương đương 10,98% kế hoạch năm) và 3,143 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế (tương đương 11,86% kế hoạch năm). Số liệu này đóng vai trò căn cứ quan trọng để TSA xây dựng kế hoạch doanh thu cả năm, đảm bảo tiến độ và kết quả kinh doanh, cụ thể như bảng dưới đây:

**Bảng 46. Giá trị của các hợp đồng chuyển tiếp từ năm 2024
và ký mới tính đến hết Quý I/2025**

Đơn vị tính: đồng

Sst	Chỉ tiêu	Giá trị tính đến hết Quý I/2025
1	Giá trị các hợp đồng công trình năm trước chuyển sang năm 2025	439.611.566.607
2	Giá trị hợp đồng công trình đã ký trong năm 2025	37.466.803.074
3	Giá trị hợp đồng cọc đã ký trong năm 2024 chuyển sang năm 2025	17.038.370.000
4	Giá trị hợp đồng cung cấp cọc đã ký	82.600.265.000
5	Giá trị hợp đồng cung cấp cột điện, vật tư đã ký trong năm 2025	170.475.644.241
Tổng		747.192.648.922

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Thứ hai, trong Quý I năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ thông qua việc thực hiện thành công đợt chào bán cổ phần ra công chúng, qua đó củng cố năng lực tài chính và mở rộng khả năng tham gia các dự án, công trình lớn.

Thứ ba, công ty sở hữu đội ngũ quản lý và kỹ thuật được đào tạo bài bản, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Trên cơ sở đó, cùng với việc tích lũy kinh nghiệm qua các công trình quy mô, cùng hệ thống quản trị thi công tinh gọn, TSA đã luôn nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu chi phí và tăng cường tính linh hoạt trong điều hành.

Thứ tư, Ban điều hành của TSA tại thời điểm này đã thực hiện Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất cọc bê tông. Nhà máy mở rộng sau khi đưa vào triển khai dự kiến sẽ nâng cao công suất sản xuất cọc để đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Tính đến hết 9 tháng đầu năm 2025, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025 của Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 442,05 tỷ đồng (tương đương 64,07% kế hoạch năm 2025), lợi nhuận sau thuế đạt 16,87 tỷ đồng (tương đương 63,68% kế hoạch năm 2025). Như vậy, với kết quả này, Công ty đang duy trì tiến độ thực hiện phù hợp so với kế hoạch đã đề ra, đặc biệt trong bối cảnh các dự án xây lắp thường tập trung ghi nhận doanh thu mạnh hơn vào quý cuối năm.

➤ **Các yếu tố vĩ mô và hành lang pháp lý**

Triển vọng ngành xây lắp điện trong năm 2025 được đánh giá tích cực nhờ vào sự kết hợp giữa chính sách điều hành vĩ mô, định hướng đầu tư công và nhu cầu sử dụng điện đang gia tăng trở lại trong giai đoạn hồi phục của nền kinh tế.

Theo dự báo của các tổ chức nghiên cứu, nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc trong năm 2025 có thể tăng tối thiểu 11%, được thúc đẩy bởi sự phục hồi sản xuất công nghiệp, đặc biệt tại các khu công nghiệp và vùng kinh tế trọng điểm. Đồng thời, mục tiêu tăng trưởng GDP tối thiểu 8%

trong năm 2025 cũng là cơ sở hỗ trợ tích cực cho sự mở rộng về quy mô đầu tư hạ tầng kỹ thuật và năng lượng.

Về mặt chính sách, Quy hoạch Điện VIII được phê duyệt và triển khai là động lực quan trọng, định hướng rõ nhu cầu phát triển lưới điện truyền tải để đáp ứng mục tiêu huy động các nguồn năng lượng tái tạo, LNG và điện áp siêu cao thế. Bên cạnh đó, việc tiếp tục đẩy mạnh giải ngân đầu tư công trong lĩnh vực điện – năng lượng cũng góp phần tạo dư địa thị trường đáng kể cho các doanh nghiệp xây lắp như TSA.

Ngoài ra, cơ hội thị trường còn được mở rộng từ việc tái cấu trúc chuỗi cung ứng trong khu vực, cùng với chính sách thu hút FDI có trọng điểm vào lĩnh vực công nghiệp năng lượng, công nghiệp hỗ trợ. Những chuyển động này giúp duy trì nhu cầu đầu tư hạ tầng kỹ thuật, trong đó có hệ thống truyền tải điện – mảng hoạt động cốt lõi của TSA.

4.5. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là Tổ chức Tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán APG (“APG”) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu và phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (“TSA”), cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Chúng tôi nhận thấy Công ty có đội ngũ cán bộ nhân viên và ban lãnh đạo nhiều kinh nghiệm, tâm huyết và có hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực xây lắp hạ tầng điện. Theo đánh giá của Tổ chức Tư vấn, kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty được xây dựng trên cơ sở thực tế về năng lực thi công, năng lực tài chính và danh mục hợp đồng đã ký trong năm 2024. Mặc dù không đặt mục tiêu tăng trưởng đột phá, kế hoạch này vẫn thể hiện sự thận trọng và có tính khả thi cao, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn tiềm ẩn nhiều biến động.

Tổ chức Tư vấn cũng đánh giá rằng triển vọng hoạt động của Công ty được hỗ trợ tích cực bởi các yếu tố vĩ mô, như nhu cầu tiêu thụ điện tăng trưởng ổn định, sản xuất công nghiệp phục hồi, và các định hướng chính sách trong Quy hoạch Điện VIII. Tuy nhiên, cần theo dõi sát diễn biến chính sách thuế thương mại của Hoa Kỳ và xu hướng thu hút FDI trong thời gian tới, do các yếu tố này có thể ảnh hưởng gián tiếp đến nhu cầu đầu tư hạ tầng điện trong trung và dài hạn – lĩnh vực hoạt động cốt lõi của TSA.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức Tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc, đồng thời tham chiếu các lý thuyết về tài chính và chứng khoán. Do đó, các đánh giá nêu trên không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chính xác tuyệt đối của các số liệu dự báo. Những nhận định này chỉ có ý nghĩa tham khảo đối với nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 14/01/2019 (theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0700210210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 14/01/2019) với vốn điều lệ tại thời điểm đó là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng), tương ứng 30.000.000 cổ phần.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó”.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập theo quy định nêu trên là: 0 cổ phiếu.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 21/07/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn, thông tin về các cổ đông lớn như sau:

Bảng 47. Thông tin về các cổ đông lớn của Công ty

Stt	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số lượng CP nắm giữ tại ngày 21/07/2025	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/07/2025 (%)	Lợi ích liên quan/ Mỗi quan hệ với TSA
1	Nguyễn Văn Trường	1975	Việt Nam	8.085.000	20,00	Chủ tịch HĐQT
2	Hoàng Kim Huế	1976	Việt Nam	4.042.500	10,00	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Diệu Linh	1999	Việt Nam	2.021.250	5,00	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT/ Trưởng phòng Hành chính
Tổng				14.148.750	35,00	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Bảng 48. Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên	Đối tượng có liên quan	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Tại ngày 21/07/2025	
			Số lượng nắm giữ/có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng nắm giữ/có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Văn Trường	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT	7.000.000	20,00	8.085.000	20,00
-	Ông Nguyễn Xuân Chính	NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: Em trai của ông Nguyễn Văn Trường	700.000	2,00	735.000	1,82
-	Ông Đặng Văn Thuyết	NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: Em rể của ông Nguyễn Văn Trường	1.050.000	3,00	1.102.500	2,73
-	Bà Hoàng Kim Huế	NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: vợ ông Nguyễn Văn Trường	3.500.000	10,00	4.042.500	10,00
-	Bà Nguyễn Diệu Linh	NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: con gái ông Nguyễn Văn Trường	1.750.000	5,00	2.021.250	5,00
-	Ông Lê Ngọc Đức	NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: con rể ông Nguyễn Văn Trường	-	-	2.520	0,01
2	Bà Hoàng Kim Huế	Cổ đông lớn	3.500.000	10,00	4.042.500	10,00
-	Ông Nguyễn Văn Trường	NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: Chồng	7.000.000	20,00	8.085.000	20,00

STT	Tên	Đối tượng có liên quan	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Tại ngày 21/07/2025	
			Số lượng nắm giữ/có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng nắm giữ/có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
		<i>của bà Hoàng Kim Huế</i>				
-	<i>Bà Nguyễn Diệu Linh</i>	<i>NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: Con gái của bà Hoàng Kim Huế</i>	<i>1.750.000</i>	<i>5,00</i>	<i>2.021.250</i>	<i>5,00</i>
-	<i>Ông Lê Ngọc Đức</i>	<i>NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: con rể của bà Hoàng Kim Huế</i>	-	-	<i>2.520</i>	<i>0,01</i>
3	Bà Nguyễn Diệu Linh	Cổ đông lớn, Trưởng phòng Hành chính	1.750.000	5,00	2.021.250	5,00
-	<i>Ông Nguyễn Văn Trường</i>	<i>NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: Bố đẻ của bà Nguyễn Diệu Linh</i>	<i>7.000.000</i>	<i>20,00</i>	<i>8.085.000</i>	<i>20,00</i>
-	<i>Bà Hoàng Kim Huế</i>	<i>NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: Mẹ đẻ của bà Nguyễn Diệu Linh</i>	<i>3.500.000</i>	<i>10,00</i>	<i>4.042.500</i>	<i>10,00</i>
-	<i>Ông Lê Ngọc Đức</i>	<i>NCLQ của cổ đông lớn, cụ thể: Chồng của bà Nguyễn Diệu Linh</i>	-	-	<i>2.520</i>	<i>0,01</i>

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn

➤ Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

- Cổ đông lớn - Ông Nguyễn Văn Trường:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	-	Không có
Năm 2023	-	Không có
Năm 2024	-	Không có

- Thù lao, tiền lương và trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	24.000.000	36.000.000
Tiền lương	154.524.000	155.266.460
Tổng	178.524.000	191.266.460

- Các lợi ích khác:

- Cổ đông lớn - Bà Hoàng Kim Huế: Không có.
- Cổ đông lớn - Bà Nguyễn Diệu Linh: Hưởng mức lương và thù lao theo Hợp đồng lao động.
- **Các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan:**
 - Cổ đông lớn – Ông Nguyễn Văn Trường: Không có.
 - Cổ đông lớn – Bà Hoàng Kim Huế: Không có.
 - Cổ đông lớn – Bà Nguyễn Diệu Linh: Không có.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Danh sách các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty được trình bày chi tiết dưới đây:

Bảng 49. Danh sách thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CCCD/CMND
A	Hội đồng quản trị			
1	Ông Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch HĐQT (thành viên không điều hành)	1975	Số 035075000117, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH, cấp ngày 23/03/2023
2	Ông Đoàn Văn Thành	Thành viên HĐQT (kiểm Tổng giám đốc)	1984	Số 036084006937, do Bộ công an, cấp ngày 18/08/2024

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CCCD/CMND
A	Hội đồng quản trị			
3	Ông Đặng Văn Thuyết	Phó Chủ tịch HĐQT (thành viên không điều hành)	1979	Số 035079003998, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH, cấp ngày 08/09/2022
4	Ông Nguyễn Xuân Chính	Thành viên HĐQT (thành viên không điều hành)	1979	Số 035079001063, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH, cấp ngày 12/03/2021
5	Ông Đặng Trần Thành	Thành viên HĐQT (thành viên độc lập)	1972	Số 001072048609, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH, cấp ngày 13/08/2021
B	Ban Tổng giám đốc			
1	Ông Đoàn Văn Thành	Tổng giám đốc	1984	Số 036084006937, do Bộ công an, cấp ngày 18/08/2024
2	Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc	1984	Số 035084003994, do Bộ công an, cấp ngày 09/08/2024
C	Ban kiểm soát			
1	Bà Chu Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm soát	1993	Số 035193000738, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH, cấp ngày 24/06/2021
2	Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát	1994	Số 035194000093, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH, cấp ngày 26/08/2023
3	Ông Nguyễn Văn Thỏa	Thành viên Ban Kiểm soát	1977	Số 035077008459, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH, cấp ngày 14/08/2021
D	Kế toán trưởng			
1	Bà Đặng Thị Chính	Kế toán trưởng/ Người phụ trách quản trị công ty/ Người uỷ quyền công bố thông tin	1982	Số 024182001190, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH, cấp ngày 24/06/2021

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

3.1. Hội đồng Quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm:

a) Ông Nguyễn Văn Trường – Chủ tịch HĐQT

✓ Họ và tên: Nguyễn Văn Trường

- ✓ Giới tính: Nam.
- ✓ Năm sinh: 1975.
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam.
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn: Cử nhân quản lý Kinh tế.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997 - 2002	Công ty Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Hà Nam	Đội trưởng
08/2002-03/2004	Công ty Xây lắp Trường Sơn	Hội đồng thành viên
04/2004-01/2006	Công ty TNHH xây lắp Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty
02/2006-01/2019	Công ty TNHH đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty
01/2019-12/2022	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
01/2023 đến nay	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT

- ✓ Số CP nắm giữ tính đến ngày 21/07/2025: 8.085.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Cá nhân sở hữu: 8.085.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức niêm yết:

Tên NCLQ	Mối quan hệ với ông Nguyễn Văn Trường	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại TSA	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)	Chức vụ tại Công ty
Bà Hoàng Kim Huế	Vợ	4.042.500	10,00%	Không
Bà Nguyễn Diệu Linh	Con gái	2.021.250	5,00%	Trưởng phòng Hành chính
Ông Nguyễn Xuân Chính	Em trai	735.000	1,82%	TV HĐQT không điều hành
Ông Đặng Văn Thuyết	Em rể	1.102.500	2,73%	Phó Chủ tịch HĐQT

Tên NCLQ	Mối quan hệ với ông Nguyễn Văn Trường	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại TSA	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)	Chức vụ tại Công ty
Ông Lê Ngọc Đức	Con rể	2.520	0,01%	Không

✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	-	Không có
Năm 2023	-	Không có
Năm 2024	-	Không có

- Thù lao, tiền lương và trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	24.000.000	36.000.000
Tiền lương	154.524.000	155.266.460
Tổng	178.524.000	191.266.460

- Các lợi ích khác: Không có.

✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

✓ Lợi ích tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Trường Sơn: Không có.

b) Ông Đoàn Văn Thành – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- ✓ Họ và tên: **Đoàn Văn Thành**
- ✓ Giới tính: Nam.
- ✓ Năm sinh: 1984.
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam.
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Điện.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006-2012	Công ty Đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Cán bộ kỹ thuật
2012-2014	Công ty Điện lực Nam Định	Cán bộ kỹ thuật
2014-2018	Công ty đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Trưởng phòng Kỹ thuật
2019-2021	Công ty CP VINA TCD	Giám đốc
2021-2022	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
04/2022 đến nay	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Thành viên HĐQT
01/2023 đến nay	Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Tổng Giám đốc

- ✓ Số CP nắm giữ tính đến ngày 21/07/2025: 73.500 cổ phần, chiếm 0,18% Vốn điều lệ;
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 73.500 cổ phần, chiếm 0,18% Vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức niêm yết: Không có.
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - o Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	-	Không có
Năm 2023	-	Không có
Năm 2024	-	Không có

- o Thù lao, tiền lương và trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	12.000.000	24.000.000
Tiền lương	144.420.600	171.265.421
Tổng	156.420.600	195.265.421

- o Các lợi ích khác: Không có.
 - ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
 - ✓ Lợi ích tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Trường Sơn: Không có.
- c) **Ông Đặng Văn Thuyết – Phó Chủ tịch HĐQT**
- ✓ Họ và tên: Đặng Văn Thuyết
 - ✓ Giới tính: Nam.

- ✓ Năm sinh: 1979.
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam.
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn: Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điện.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2002-2004	Công ty xây lắp Trường Sơn	Cán bộ kỹ thuật
Từ 2004-2006	Công ty TNHH xây lắp Trường Sơn	Cán bộ kỹ thuật
Từ 2007-2009	Công ty TNHH đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Trưởng phòng kỹ thuật
Từ 2010-2018	Công ty TNHH đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Phó giám đốc
Từ 2019-12/2022	Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Phó Tổng giám đốc
01/2023 đến 03/2024	Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Thành viên HĐQT
04/2024 đến nay	Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT

- ✓ Số CP nắm giữ tính đến ngày 21/07/2025: 1.102.500 cổ phần, chiếm 2,73% Vốn điều lệ;
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 1.102.500 cổ phần, chiếm 2,73% Vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người, nội bộ của Tổ chức niêm yết: Không có.
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	5.600.000.000	TSA trả nợ gốc vay cho ông Đặng Văn Thuyết
Năm 2023	3.650.000.000	Ông Đặng Văn Thuyết cho TSA vay tiền; TSA trả nợ gốc vay cho ông Đặng Văn Thuyết
Năm 2024	-	Không có

- Thù lao và tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	12.000.000	24.000.000
Tiền lương	143.667.400	169.996.914
Tổng	155.667.400	193.996.914

○ Các lợi ích khác: Không có

- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- ✓ Lợi ích tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Trường Sơn: Không có.

d) Ông Nguyễn Xuân Chính – Thành viên HĐQT

- ✓ Họ và tên: **Nguyễn Xuân Chính**
- ✓ Giới tính: Nam.
- ✓ Năm sinh: 1979.
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam.
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Tự động hóa.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000-2013	Công ty địa vật lý	CB kỹ thuật
2014-2019	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	CB kỹ thuật
2019 – 12/2022	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Phó Tổng giám đốc
01/2023 đến nay	Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Thành viên HĐQT

- ✓ Số CP nắm giữ tính đến ngày 21/07/2025: 735.000 cổ phần, chiếm 1,82% Vốn điều lệ;
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 735.000 cổ phần, chiếm 1,82% Vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức niêm yết:

Tên NCLQ	Mối quan hệ với ông Nguyễn Xuân Chính	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại TSA	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)	Chức vụ tại Công ty
Ông Nguyễn Văn Trường	Anh trai	8.085.000	20,00%	Chủ tịch HĐQT
Bà Hoàng Kim Huế	Chị dâu	4.042.500	10,00%	Không

- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	2.600.000.000	TSA trả nợ gốc vay cho ông Nguyễn Xuân Chính
Năm 2023	-	Không có
Năm 2024	-	Không có

- Thù lao, tiền lương và trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	12.000.000	24.000.000
Tiền lương	143.667.400	169.458.914
Tổng	155.667.400	193.458.914

- Các lợi ích khác: Không có.
 - ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có;
 - ✓ Lợi ích tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Trường Sơn: Không có.
- e) Ông Đặng Trần Thành – Thành viên độc lập HĐQT**
- ✓ Họ và tên: **Đặng Trần Thành**
 - ✓ Giới tính: Nam.
 - ✓ Năm sinh: 1972.
 - ✓ Quốc tịch: Việt Nam.
 - ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
 - ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên độc lập HĐQT.
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn.
 - ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1996-đến nay	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn	Nhân viên
01/2023 đến nay	Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Thành viên HĐQT

- ✓ Sổ CP nắm giữ tính đến ngày 21/07/2025: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.

✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức niêm yết:

Tên NCLQ	Mối quan hệ với ông Đặng Trần Thành	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại TSA	Tỷ lệ (%) vốn điều lệ	Chức vụ tại Công ty
Ông Đặng Trần An	Con trai	105.000	0,26%	Không

✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	-	Không có
Năm 2023	-	Không có
Năm 2024	-	Không có

- Thù lao, tiền lương và trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	12.000.000	24.000.000
Tiền lương	-	-
Tổng	12.000.000	24.000.000

- Các lợi ích khác: Không có.

✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

✓ Lợi ích tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Trường Sơn: Không có.

3.2. Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của Công ty gồm:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Chu Hải Yến	Trưởng BKS
2	Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên BKS
3	Ông Nguyễn Văn Thỏa	Thành viên BKS

b) Bà Chu Hải Yến – Trưởng Ban Kiểm soát

- ✓ Họ và tên: **Chu Hải Yến**
- ✓ Giới tính: Nữ.
- ✓ Năm sinh: 1993.
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam.

- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2015-2016	Đi làm tự do	-
2016-2022	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Nhân viên
01/2022 đến nay	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Trưởng BKS

- ✓ Số CP nắm giữ tính đến ngày 21/07/2025: 12.600 cổ phần, chiếm 0,03% Vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 12.600 cổ phần, chiếm 0,03% Vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức niêm yết: Không có.
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	-	Không có
Năm 2023	-	Không có
Năm 2024	-	Không có

- Thù lao, tiền lương và trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	12.000.000	24.000.000
Tiền lương	50.159.200	92.223.456
Tổng	62.159.200	116.223.456

- Các lợi ích khác: Không có.
 - ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
 - ✓ Lợi ích tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Trường Sơn: Không có.
- c) **Bà Hoàng Thị Thảo – Thành viên Ban Kiểm soát**
- ✓ Họ và tên: **Hoàng Thị Thảo**
 - ✓ Giới tính: **Nữ**.

- ✓ Năm sinh: 1994.
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam.
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2015-2022	Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Nhân viên
01/2022 đến nay	Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Thành viên BKS

- ✓ Số CP nắm giữ tính đến ngày 21/07/2025: 668.456 cổ phần, chiếm 1,65% Vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 668.456 cổ phần, chiếm 1,65% Vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức niêm yết: Không có.
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	-	Không có
Năm 2023	-	Không có
Năm 2024	-	Không có

- Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	12.000.000	12.000.000
Tiền lương	57.142.400	103.845.056
Tổng	69.142.400	115.845.056

- Các lợi ích khác: Không có.
 - ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
 - ✓ Lợi ích tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Trường Sơn: Không có.
- d) Ông Nguyễn Văn Thoã – Thành viên Ban Kiểm soát
- ✓ Họ và tên: Nguyễn Văn Thoã

- ✓ Giới tính: Nam.
- ✓ Năm sinh: 1977.
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam.
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Công trình xây dựng.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002-2004	Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật Hà Nam	Công nhân
2005-5/2012	Công ty TNHH đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Công nhân
6/2012-1/2019	Công ty TNHH đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Trưởng phòng xây dựng và đấu thầu
01/2019-12/2022	Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Trưởng phòng xây dựng và đấu thầu
01/2023 đến nay	Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	Thành viên BKS

- ✓ Số CP nắm giữ tính đến ngày 21/07/2025: 813.062 cổ phần, chiếm 2,01% Vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Cá nhân sở hữu: 813.062 cổ phần, chiếm 2,01% Vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức niêm yết: Không có.
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - o Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	-	Không có
Năm 2023	-	Không có
Năm 2024	-	Không có

- o Thù lao, tiền lương và trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	12.000.000	12.000.000
Tiền lương	69.155.200	104.052.256

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Tổng	81.155.200	116.052.256

- Các lợi ích khác: Không có.
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- ✓ Lợi ích tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Trường Sơn: Không có.

3.3. Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty gồm:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đoàn Văn Thành	Tổng giám đốc
2	Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Đặng Thị Chinh	Kế toán trưởng

a) Ông Đoàn Văn Thành – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chi tiết đã được nêu tại mục HĐQT.

b) Ông Lê Sơn Tùng – Phó Tổng Giám đốc

- ✓ Họ và tên: Lê Sơn Tùng
- ✓ Giới tính: Nam.
- ✓ Năm sinh: 1984.
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam.
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008	Công ty Cổ phần quốc tế Sơn Hà	Giám sát sản xuất
2008-2013	Công ty CP khoáng sản Fecon	Trưởng ca sản xuất
2013-2014	Công ty CP khoáng sản Fecon	Quản đốc
2014 đến nay	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

- ✓ Số CP nắm giữ tính đến ngày 21/07/2025: 67.200 cổ phiếu chiếm 0,17% Vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 67.200 cổ phiếu chiếm 0,17% Vốn điều lệ.

- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức niêm yết: Không có.
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	-	Không có
Năm 2023	-	Không có
Năm 2024	-	Không có

- Thù lao, tiền lương và trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	-	-
Tiền lương	143.667.400	172.706.575
Tổng	143.667.400	172.706.575

- Các lợi ích khác: Không có.
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- ✓ Lợi ích tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Trường Sơn: Không có.

c) Bà Đặng Thị Chinh – Kế toán trưởng

- ✓ Họ và tên: **Đặng Thị Chinh**
- ✓ Giới tính: Nữ.
- ✓ Năm sinh: 1982.
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam.
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2007-10/2008	Công ty TNHH CNC Ninh Dương	Kế toán tổng hợp
07/2009-03/2018	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Kế toán viên
04/2018 đến nay	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Kế toán trưởng

- ✓ Số CP nắm giữ tính đến ngày 21/07/2025: 40.425 cổ phiếu chiếm 0,1% Vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 40.425 cổ phiếu chiếm 0,1% Vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức niêm yết: Không có.
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - o Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TSA, công ty con của TSA, Công ty con do TSA nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Thời điểm giao dịch với Công ty	Giá trị giao dịch (đồng)	Nội dung
Năm 2022	-	Không có
Năm 2023	-	Không có
Năm 2024	-	Không có

- o Thù lao, tiền lương và trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao	-	-
Tiền lương	133.963.000	159.253.234
Tổng	133.963.000	159.253.234

- o Các lợi ích khác: Không có.
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- ✓ Lợi ích tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Trường Sơn: Không có.

VII. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.

3. Mã cổ phiếu

TSA.

4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết

Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: Toàn bộ 40.424.994 (Bốn mươi triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm chín mươi tư) cổ phiếu TSA đang được đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UpCom.

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức đăng ký niêm yết
- 5.1. Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024

Có 579.470 cổ phiếu chưa phân phối hết của đợt chào bán được HĐQT thực hiện phân phối lại thành công cho các cổ đông/nhà đầu tư của Công ty. Theo quy định tại khoản 2, điều 42, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020, toàn bộ lượng cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Danh sách cổ đông/nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng được trình bày qua bảng dưới đây:

Stt	Họ và tên	Lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
1	Chu Hải Yến	5.400
2	Hoàng Lê Trung	150.000
3	Hoàng Thị Kim Thoa	254.970
4	Lê Hải Thanh	600
5	Lê Sơn Tùng	25.500
6	Nguyễn Thị Thanh Thúy	2.000
7	Nguyễn Thị Thu	500
8	Nguyễn Văn Nghĩa	1.400
9	Ngô Trung Hiếu	2.200
10	Phan Thị Ngọc Mỹ	700
11	Phạm Hữu Ngọc	1.700
12	Phạm Văn Hiền	1.000
13	Vũ Văn Đại	1.200
14	Đoàn Văn Thành	26.000
15	Lương Nhân Oánh	5.000
16	Đỗ Thu Huyền	1.300
17	Đặng Trần An	100.000
Tổng		579.470

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

5.2. Hạn chế chuyển nhượng theo điều kiện niêm yết cổ phiếu

Theo quy định tại Khoản 1.đ Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Danh sách các cổ đông phải thực hiện cam kết hạn chế chuyển nhượng, số lượng cổ phiếu và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

Bảng 50. Danh sách các cổ đông phải thực hiện cam kết hạn chế chuyển nhượng, số lượng cổ phiếu và thời gian hạn chế chuyển nhượng

Stt	Họ tên	Chức vụ/Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm thực hiện đăng ký niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng 6 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK	Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo
1	Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch HĐQT	8.085.000	8.085.000	4.042.500
2	Đoàn Văn Thành	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	73.500	73.500	36.750
3	Đặng Văn Thuyết	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.102.500	1.102.500	551.250
4	Nguyễn Xuân Chính	Thành viên HĐQT	735.000	735.000	367.500
5	Chu Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm soát	12.600	12.600	6.300
6	Hoàng Thị Thảo	Thành viên Ban kiểm soát	668.456	668.456	334.228
7	Nguyễn Văn Thoả	Thành viên Ban kiểm soát	813.062	813.062	406.531

- (2) Phương pháp bình quân giá thị trường là bình quân giá tham chiếu của 30 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất của cổ phiếu TSA (thời gian từ ngày 25/09/2025 đến 05/11/2025) trước khi hủy đăng ký giao dịch UpCom trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Lưu ý: Các phương pháp tính giá này chỉ nhằm mục đích tham khảo. Giá tham chính thức còn phụ thuộc vào yếu tố cung – cầu trên thị trường chứng khoán và thời điểm tính giá sẽ được xác định trên cơ sở cổ phiếu TSA hủy đăng ký giao dịch UpCom trên SGDCK Hà Nội.

- **Phương pháp hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/B)**

Giá trị sổ sách của cổ phiếu TSA được tính theo công thức:

Giá trị sổ sách (BV)	=	$\frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}}$
-------------------------	---	---

Hội đồng quản trị sử dụng giá trị sổ sách trên một cổ phần ước tính tại thời điểm 30/09/2025 theo BCTC Quý III năm 2025 của Công ty để làm cơ sở cho việc xác định giá. Giá 01 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn theo phương pháp giá trị sổ sách tại ngày 30/09/2025 được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sổ sách} \\ \text{(BV)} \end{array} = \frac{428.735.889.172}{40.424.994} = 10.606 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

- **Phương pháp bình quân giá thị trường**

Phương pháp bình quân giá thị trường là bình quân giá tham chiếu của 30 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất của cổ phiếu TSA (thời gian từ ngày 25/09/2025 đến 05/11/2025) trước khi hủy đăng ký giao dịch UpCom trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: 13.647 đồng/cổ phiếu.

- **Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)**

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE được xác định trên cơ sở hướng dẫn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Mức giá tham chiếu chính thức trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TSA sẽ được xác định lại sau khi SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định niêm yết và cổ phiếu TSA của Công ty được hủy đăng ký giao dịch trên UpCom tại SGDCK Hà Nội. Công ty sẽ thông báo đến SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh về mức giá tham chiếu chính thức và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

7. Các loại thuế có liên quan đến chứng khoán niêm yết

7.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- *Đối với nhà đầu tư trong nước:* Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày

27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

- *Đối với nhà đầu tư nước ngoài:* Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Trong trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức từ Công ty, nếu cổ tức được chia là cổ tức tiền mặt thì Thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phần hoặc cổ phần thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

7.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*
 - + Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
 - + Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- *Thu nhập từ cổ tức:* được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp 2008.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng OSC Việt Nam, Số 161 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 3769 6666 Fax: 028 3766 7688

Website: <https://apsi.vn/>

2. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2023:



CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

Địa chỉ: Tòa nhà ASCO, số 2 ngõ 308 phố Lê Trọng Tấn, Phường Phương Liệt, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243 7930960 Fax: 0243 7931349

Website: <https://www.asco.vn/>

3. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2024 và soát xét BCTC bán niên năm 2025:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Địa chỉ: A-TT5-3 Khu nhà ở Him Lam Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 7303 3668

Website: <https://iav.com.vn/>

Ý kiến của tổ chức tư vấn về việc đăng ký niêm yết:

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những nhận định, đánh giá về việc đăng ký niêm yết của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn:

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 89/NQ-TSA ngày 25/04/2025 đã thông qua Tờ trình số 86/TTr-TSA về việc triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, TSA đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và tiến hành đăng ký niêm yết toàn bộ số lượng cổ phiếu đang được đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UpCom trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX).

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết của TSA là 40.424.994 cổ phiếu, bình quân giá tham chiếu của 30 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất từ 25/09/2025 đến 05/11/2025 của cổ phiếu TSA trên UpCom là 13.647 đồng/cổ phiếu, giá trị sổ sách của một cổ phiếu TSA tại thời điểm 30/09/2025 là 10.606 đồng/cổ phiếu.

Tính đến hết tháng 09 năm 2025, theo số liệu tổng hợp từ UBCKNN, tổng giá trị vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam đạt khoảng 11,59 triệu tỷ đồng, chiếm 100,74% GDP, tốc độ tăng trưởng 23,48% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy tốc độ tăng trưởng rất tốt của TTCK Việt Nam. Trong đó, giá trị vốn hoá của cổ phiếu niêm yết trên sàn HOSE đạt khoảng 7,20 triệu tỷ đồng, chiếm 62,13% tổng giá trị vốn hóa. Đồng thời, ngày 08/10/2025, Tổ chức xếp hạng thị trường FTSE Russell công bố thị trường chứng khoán Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ các tiêu chí chính thức và được nâng hạng từ “thị trường cận biên” lên “thị trường mới nổi thứ cấp”. Theo đó, việc đăng ký niêm yết lên HOSE giúp TSA tiếp cận nguồn vốn quy mô lớn hơn, nâng cao tính thanh khoản của cổ phiếu và mở rộng mạng lưới nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, với bối cảnh kinh tế vĩ mô ổn định, ngày 15/04/2025, Chính phủ đã phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, đóng vai trò then chốt như một hành lang pháp lý tổng thể của ngành, bao quát được các chính sách lớn về quy hoạch phát triển điện lực, đầu tư xây dựng dự án điện, đề ra cơ chế thúc đẩy đầu tư vào các nguồn điện này trong tương lai, phục vụ cho nhu cầu trong nước. Đồng thời, theo dự báo của Bộ Công thương, sản lượng tiêu thụ điện năm 2025 có thể tăng từ 10,5% đến 14,3% so với năm trước, trong khi nguồn cung chưa theo kịp, đặc biệt tại khu vực miền Bắc. Diễn biến này mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp điện, trong đó có TSA, khi nhu cầu đầu tư xây dựng hạ tầng điện, các công trình điện được tiếp tục tăng mạnh. APG nhận thấy TSA sở hữu đội ngũ cán bộ nhân viên và ban lãnh đạo nhiều kinh nghiệm, tâm huyết và có hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực xây lắp hạ tầng điện. Công ty cũng là một trong số ít doanh nghiệp có năng lực thi công các công trình điện cao áp lên đến 500kV. Đây được coi là điểm mạnh của Công ty trong ngành thi công, xây lắp điện. Theo đó, kết hợp với bối cảnh kinh tế vĩ mô tích cực, TSA có đủ cơ sở để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra tại ĐHCĐ.

Với những cơ sở nêu trên, chúng tôi nhận định việc đăng ký niêm yết cổ phiếu TSA trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong năm 2025 là khả thi và phù hợp với tình hình thực tiễn của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức Tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc, đồng thời tham chiếu các lý thuyết về tài chính và chứng khoán. Do đó, các đánh giá nêu trên không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chính xác tuyệt đối của các số liệu dự báo. Những nhận định này chỉ có ý nghĩa tham khảo đối với nhà đầu tư.

IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

X. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700210210 được Sở Tài Chính tỉnh Ninh Bình cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 12/08/2025.
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn.
3. Phụ lục III: Giới thiệu về những văn bản pháp luật có liên quan đến tổ chức đăng ký niêm yết.
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét; Báo cáo tài chính Quý III năm 2025.
5. Phụ lục V: Báo cáo vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của TSA tại ngày 17/03/2025 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 17/03/2025 đã được kiểm toán.
6. Phụ lục VI: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.
7. Các phụ lục khác (nếu có).

Ninh Bình, ngày 18 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



CHU HẢI YÊN



ĐOÀN VĂN THÀNH



ĐẶNG THỊ CHINH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG



TRẦN THIÊN HÀ